

HUỲNH ÁI TÔNG



Dấu Xưa

Hiên PHẬT HỌC

HUỶNH ÁI TÔNG

MỤC LỤC

*

Gói trọn tấm Lòng	5
Cúng Đình	7
Đám Cưới Ở Quê Nhà	17
Đám hỏi chị tôi	27
Đám cưới chị tôi	39
Tôi làm Phù rể	53
Đặt tên cho con	59
Thôi Nôi cháu ngoại	67
Thử bàn về Lễ Phục và Quốc phục nước ta	79
Phong tục ngày Tết cổ truyền	107
Cách thức lạy Phật	129
Cách thức lạy ông bà	131
Nếp nhà	135
Đám tang cha tôi	143
Mấy lão nhà quê	173

HUỶNH ÁI TÔNG

Gói trọn tâm lòng

Chúng ta biết rằng những lễ nghi, phong tục của nước ta chịu nhiều ảnh hưởng của Trung Hoa do dân tộc Lạc Việt của chúng ta từ Bách Việt ở Đông Đình Hồ, bắt khuất Hán tộc nên di cư dần dần xuống phương Nam, trong Sử Ký của Tư Mã Thiên có ghi rõ chuyện Triệu Việt Vương. Hơn nữa, sau đó chúng ta đã bị ngàn năm đô hộ của người Trung Hoa, nếu không có dân tộc tính độc lập, tự cường, chống Hán tộc thì chúng ta đã bị đồng hóa từ lâu.

Tuy nhiên không phải lễ nghi, phong tục chúng ta rập khuôn theo người Trung Hoa, trong y phục chúng ta thấy rõ sự khác biệt. Nhờ những khác biệt ấy làm cho chúng ta thấy rõ dân tộc Việt Nam khác với Trung Hoa.

Qua tám mươi năm bị Pháp đô hộ, phong tục chúng ta cũng bị ảnh hưởng một phần, nhưng nét chính vẫn giữ được truyền thống như xưa.

Ngày nay nhiều người sang nước ngoài, để học đòi cho được như người, hoặc đã quên không còn biết được nếp xưa. Nếu cứ theo đà ấy, một ngày kia lễ nghi chúng ta sẽ bị lai căng, xa rời phong tục văn hóa nước mình.

Nhà văn Hồ Hữu Tường, thấy người Việt mặc Âu phục trong những buổi lễ, tiệc, ông cho rằng: “*Người phụ nữ Việt mặc áo*

HUỶNH ÁI TÔNG

đằm bên cạnh người phụ nữ Tây phương là chúng ta lấy cái sở đoán mà so với sở trường của họ, phụ nữ Việt phải mặc chiếc áo Dài để khoe mình với phụ nữ Tây phương mặc chiếc áo đầm của họ, tức là phải dùng sở trường của mình để chơi với sở trường của người khác”.

Cũng vậy, chúng ta hãy dùng lễ nghi, phong tục chính thống của mình, để cho người Tây phương thấy đó là nét đẹp về phong tục, văn hóa của chúng ta.

Hiểu cho rõ những lễ nghi, phong tục truyền thống của mình, rồi có thể tùy hoàn cảnh giảm lược, châm chế nhưng không lai căng, không kịch cỡm.

Trong tập sách này, tôi chỉ ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, đôi khi còn dự vào, tôi không dám cho nó hoàn toàn đúng, nhưng chắc cũng không quá xa lìa khỏi vòng lễ giáo của chúng ta, chỉ mong giữ được nét đẹp của phong tục, mà nhiều đời chúng ta đã truyền tụng “Bốn ngàn năm văn hiến”.

Ngày 06 tháng 2 năm 2012

Huỳnh Ái Tông



Cúng Đình

Tôi xa làng từ năm 13 tuổi, nói rõ hơn từ dịp khai trường vào tháng 9 năm 1954, từ đó, hàng năm tôi đều có trở về làng, nhưng đều không nhằm dịp cúng Đình, nên những gì tôi viết chỉ là mơ ký ức của tuổi thơ.

Nói về Đình làng tôi, đó là ngôi Đình làng Bình Thủy thuộc Cù lao Năng Gù, trên dòng sông Hậu. Đình ấy không biết cất từ năm nào, gồm có những kiến trúc sau đây:

- Chánh điện có 3 gian xây tô, cột gỗ, mái lợp ngói âm dương, gian giữa trong cùng có bàn thờ thần, hai gian bên mỗi gian có một bàn thờ, một bên là bàn thờ Tiên sư, bàn thờ gian bên kia tôi không nhớ, còn một số bàn thờ khác đặt sát vách hông, trước bàn thờ Thần có khoảng trống đủ để lễ lạy, kế đến là cái bàn dài và to dùng để chưng bày quả phẩm khi cúng tế, hai bên đặt 2 bộ binh khí, xung quanh Chánh điện là hành lang, mỗi bên có một cửa sổ nhỏ và phía sau có hai cánh cửa ra vào. Do vậy Chánh điện có vẻ thâm nghiêm, huyền bí, hành lang luôn đóng cửa sỏ, tuy trông trơn, nhưng cũng âm u. Ngày thường chỉ có ông Từ vào ra lo việc hương khói, khi cúng tế chỉ có những người bung mâm bày quả phẩm, Hương kiểm và học trò lễ đi vào dâng hương, trà, rượu...

- Kế trước Chánh điện là một ngôi Tiên điện, nơi đây có đặt những hương án để cho những vị cúng tế hành sự. Thuở đó có bốn chiếu, mỗi chiếu đứng ba vị, hàng trên cùng, ba gian là ba chiếu, gian giữa gồm có Chánh Tế và hai Bồi Tế, phía sau chiếu Chánh tế, có hương án và thêm một chiếu nữa, như vậy vị chi, có tất cả 12 vị cúng tế. Chắc đó là vị trí của 12 vị trong

HUỶNH ÁI TÔNG

Ban Hội Tề thuở trước. Sau chiếu thứ hai, ba gian để trống, mõ và chiêng, trống để gian giữa, mõ ở gian phía Đông và chiêng ở gian phía Tây, sau đó người ta đặt mỗi gian một cái bàn, trên ấy đặt những chân đèn, khay rượu cho Học trò lễ sử dụng, đó là phần sau cùng Tiền điện giáp với nhà Võ Ca.

- Nhà Võ Ca là nơi dành cho hát xướng, xưa kia là Hát bộ vừa múa hát vừa cho nên người ta gọi là nhà Võ Ca, thông thường vào dịp cúng Đình, Ban Hội Tề thường rước gánh Hát bộ về hát Châu, đào kép đi từ sân khấu vào bàn thờ lạy Thần hoàng. Khi tôi biết, nhà Võ Ca này cất 8 mái, phần dưới 4 mái lớn, lên trên chóp 4 mái nhỏ, như hình cái bánh ít, lợp lá. Trước cuộc Cách mạng mùa Thu, Đình trùng tu lại, nhà Võ Ca xây tô, nhưng gặp thời cuộc lúc ấy không có xi măng, phải dùng vữa là mật mía với vôi, cát. Ông Hương Chủ lúc ấy là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, cúng Đình ông chủ trương cúng chay, ông giữ giới không muốn cho Hát bộ hát nữa, nên cho xây một bàn thờ Tổ quốc to ngay giữa nhà Võ Ca.

Chánh điện, Tiền điện và Nhà Võ Ca là một quần thể, cất liền nhau, Chánh điện ngăn cách với Tiền điện bằng ba bộ cửa, khi cửa mở ra có bao lam, Tiền điện với nhà Võ Ca không có cửa hay vách ngăn, hai bên hông Tiền điện và nhà Võ Ca chỉ là những cây song tết điện vuông cạnh chừng 4 phân, song cách nhau chừng non gang tay, đứng bên hông có thể nhìn vào trong rất thoáng.

- Nhà Hội nằm phía tay trái, cách Đình là một lối đi chừng 2 thước, có ba gian với những hàng cột gỗ đường kính trên 2 tấc, xây tô trên nền cao chừng 1 thước, lợp ngói móc, có bề ngang chừng 8 thước, dài chừng 20 thước, chia ra làm 3 phần, Phần ở trước dài chừng 8 thước, gian giữa đặt chiếc bàn dài với hai hàng ghế hai bên, nối theo là bộ ván gỗ, hai gian bên cũng

DẤU XƯA

kê những bộ ván gỗ, tất cả đều dày chừng 1 tấc. Đây là nơi Làng hội họp, khi cúng Đình, mâm cỗ dọn ăn nơi đây. Lúc nhà Võ Ca không thể hát xướng được, thì gánh hát bội hay cải lương được phép dùng Nhà Hội làm sân khấu và xếp ghế cho khán giả ngồi xem. Kê đó hai gian hai bên là hai cái phòng, để chứa thực phẩm, tô chén đĩa, sau cùng là khu nhà bếp khá rộng rãi.

- Nhà Việc nằm về phía trước bên tay trái của Đình là. Nhà Việc là nơi làm việc của làng, có phòng của Xã trưởng, Hương Quản, phòng giam phạm nhân, chỗ làm việc của các Hương chức khác và Biện, cho nên Nhà Việc cũng khá lớn, bề ngang chừng 10 thước, dài có tới chừng 12 thước.

Trước Đình là cái sân, cách nhà Võ Ca chừng 2 thước có hai cái miếu day mặt ra đường, cách nhau chừng 2 thước, cách 2 cái miếu này về phía ngoài đường lại có 2 cái miếu, xây đối mặt nhau, cách hai miếu xây mặt ra đường chừng 5 tấc, chúng cách nhau nhau chừng 7, 8 thước, mấy cái miếu này xây tô lợp ngói, nền cao hơn mặt đất chừng 4 tấc, vuông vức chừng một thước rưỡi, cao khoảng 2 thước, cách đó chừng 4, 5g thước, về phía đường có xây một cái bàn dài chừng 2 thước, ngang 1 thước, đây gọi là đàn Thần Nông, bàn này mỗi khi cúng Đình, đều có lệ cúng, có một vị chủ tế, có 2 người xướng lễ, đám trẻ con và thanh niên 15, 16 tuổi vây quanh, chen lán chờ khi nghe hai vị xướng lễ, xướng: “ – Lễ tất!” là mạnh ai nấy lấy, giành giựt nhau xôi, thịt, bánh trái, tất cả mọi thứ có thể ăn được trên bàn cúng, cách đàn Thần Nông chừng 1 thước là bức bình phong xây tô, qua khỏi bình phong là con lộ, con lộ này chạy dọc theo Xếp Năng Gù suốt từ đầu cù lao đến cuối.

Ở sân đình, còn có nhiều cây sao to, buổi chiều dơi đậu đen cả các nhánh cây, cho tới thời Hòa Hảo có một Trung Đội dưới

HUỲNH ÁI TÔNG

quyền Trung đội Chánh, chừng hai mươi người lính đóng ở Nhà Việc, họ bắn phá làm cho dơi hoảng sợ, từ đó không còn tụ tập về đây nữa, phía mé sông là một hàng cây dương, cuối hàng dương giáp ranh đất với bà Mụ Nhờ là một cây đa. Bên sông Đình được cắm những phiến đá đẽo làm thành cấp bậc để đi lên xuống, đá đây chừng 2 tấc, dài trên 2 thước nhưng do nước xoáy mòn hàng dương và bên sông ngày nay không còn.

Phía tay phải của Đình, ngang nhà Võ Ca là một cây thị rất to, dưới gốc cây thị có một cái miếu nhỏ, vuông vức non một thước, chiều cao chừng cỡ, xây tô, lợp ngói, đó là miếu thờ ông Xã Cọp – một con Cọp được làng phong chức Xã Trưởng – nay miếu ấy được thay bằng miếu thờ Thổ thần.

Phía sau Đình là một miếng đất rộng, ngoài một cây lâm vò cổ thụ nằm gần vòng rào phía trên, lơ thơ vài bụi chuối, bác Năm hay ông từ Ân tuổi đã già không đủ sức cuốc đất trồng khoai, gặp lúc không có trà uống, bác lượm trái cãm xe, lấy hột rang rồi nấu nước uống, đó là cây cãm xe duy nhất còn lại trong làng, nó mọc ở ngay giữa đường đi con lộ cũ chạy cặp theo rạch Chanh, nó nằm trong đất của Đình như cây thị, cây đa, mấy cây sao, cây dầu, hàng dương, là những cổ thụ góp phần làm cho Đình thêm chút rêu phong, cổ kính.

Riêng ở góc cây cãm xe, một thời người ta dựng lên căn nhà nhỏ, làm chi nhánh bán số đề của Cậu Hai Ngoán ở Cái Dầu. sau khi dẹp số đề, anh Năm Ân lấy nơi đó làm chỗ hớt tóc.

Hồi nhỏ, buổi trưa thả dê ăn trên con lộ Đình, tôi thường ra trước Đình chơi, vì nơi đó có bến đò, thỉnh thoảng nói chuyện với bác từ Ân, có khi bác mở cửa sau Đình, bác ngồi ngạch cửa nói chuyện với tôi, đôi khi tôi thò đầu nhìn vào hành lang âm u của Đình, tuổi thơ tôi sợ ông Thần linh mà tôi cũng sợ những

DẤU XƯA

âm binh ở Đình, tuyệt nhiên không bao giờ tôi muốn khám phá cái thế giới huyền bí ấy.

Ông từ Ân, có một người con trai là anh Năm Ân, anh có vợ nhưng không con, làng có cho phép anh cất một căn nhà lá cột tre, chênh chênh tay trái trước Nhà Hội sau Nhà Việc, tôi thường vào nhà anh Năm Ân buổi trưa, anh nằm võng kéo kẹt đưa, đọc tiểu thuyết Giọt Máu Chung Tình của Tân Dân Tử, đôi khi hứng thú lại ca Vọng Cổ Võ Đông Sơ với Bạch Thu Hà.

Tôi không thể nào nhớ hết lớp lang của một buổi cúng Đình, hình như trước hết có một viên chức là ông Hương kiểm vào Chánh điện kiểm tra các vật phẩm cúng, nghe nói phần chính yếu gồm một con heo trắng (làm sạch lông, lấy bộ đồ lòng ra), một chén đựng huyết tươi con heo đã làm thịt cúng với một nhúm lông ở trên gáy, đó gọi là “É mao huyết”, một mâm xôi, một mâm trái cây, một mâm trà cau, một đĩa gạo muối. Ngoài ra còn những phẩm vật khác. Khi Hương kiểm đã thấy đầy đủ, báo cho vị Chánh tế biết, buổi tế lễ bắt đầu.

Trước tiên hai Xướng lễ mặc y phục đỏ, mũ đỏ và Học trò lễ y phục vàng mũ đen từng cặp từ trong hành lang Hậu cung Đình, đi ra, họ đến vị trí hành lễ, hai người Xướng lễ đứng ở Hương án giữa khời xướng:

- Khởi kích cổ!

Trống sẽ đánh ba hồi, kế đó chuông đánh ba hồi, sau đó mõ đánh ba hồi, khi mõ dứt thì trống đánh ba tiếng, tiếp theo chiêng ba tiếng, tiếp theo mõ ba tiếng, cứ như thế đánh cho đến khi nào chấm dứt thì cả ba Trống, Chiêng, Mõ cùng đánh một hồi, đồng chấm dứt một lúc.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau ba hồi Trống, Chiêng, Mõ thì Xướng lễ xướng:

- Các chức tỵ vị!

Những vị Chánh tế, Bồi tế và các vị khác, trong mặc áo dài đen, ngoài mặc thêm áo thụng xanh dương vải thưa và cứng, đầu đội khăn đóng vào chiếu của mình. Chiếu giữa chỗ quan trọng nhất, có hai Xướng lễ đứng ở Hương án là chiếu dành cho Chánh tế và hai Bồi tế. Vì thời đó ông Hương Cả là người có đạo Thiên Chúa, nên Hương Chủ làm Chánh tế, Bồi tế là Hương Sư và Hương Trưởng.

Sau khi các vị vào chiếu của mình, Xướng lễ sẽ xướng một câu hình như là “ – Tẩy tịnh” để cho người Chánh tế bước tới chỗ có một cái giá, đặt cạnh Hương án, trên đó đặt một cái thau nước và cái khăn đỏ, người Chánh Tế nhúng hai bàn tay vào khay nước, rồi lấy khăn lau, Xướng lễ xướng:

- Chánh tế phục vị!

Chánh tế trở về vị trí cũ của mình, sau đó mới bắt đầu dâng hương, cúng, bái, đọc văn tế, đốt văn tế... Mỗi lần dâng cúng phẩm vật chi thì Học trò lễ đi có điệu bộ nhịp nhàng theo tiếng nhạc, mang phẩm vật cúng đến các chiếu, vị ở giữa chiếu sẽ tiếp nhận hương hoặc lễ vật để niệm hương hay khấn nguyện tiến cúng phẩm vật, rồi Học trò lễ nhận lấy, tiếp tục đi vào trong Chánh điện, để lên các bàn thờ.

Trong khi hành lễ thì dàn Nhạc lễ cử nhạc những điệu khác nhau, khi lạy, khi Học trò lễ đi ... trừ lúc Xướng lễ, đọc Văn tế, Nhạc lễ không cử nhạc.

DẤU XƯA

Trước khi buổi lễ chấm dứt, các vị hành lễ bước ra khỏi chiếu, các vị cựu hương chức, kỳ lão vào chiếu “Cúc cung bái” theo Xướng lễ bốn lạy, các vị ấy lạy xong, rời khỏi chiếu, các vị hành lễ trở vào chiếu lạy một tuần nữa mới lui ra, họ tuần tự ra sân đình lạy ở các ngôi miếu, cuối cùng họ đi vào Nhà Việc lạy một trang thờ, trang tôn trí ở trên lối đi giữa hai phòng của Xã trưởng và Hương Quản. Tôi không được rõ trang ấy thờ vị thánh hiền nào?

Trong khi đó, học trò lễ cũng từng cập vào chiếu, lúc này không có xướng lễ, nhưng họ lạy bốn lạy theo nhịp trống, kèn, phèn la của Ban Nhạc Lễ, họ lễ rất nhịp nhàng, đẹp mắt, tôi thường thích xem phần này vì họ mặc đồng phục, lạy có cung cách, nếu những ông Làng khi tế lễ, họ lạy “văn” thì Học trò lễ lạy “võ”.

Sau khi Học trò lễ lạy xong, xem như buổi cúng Đình theo nghi thức đã chấm dứt, dân chúng mới vào lạy Thần, để cầu xin phò hộ cho Quốc thái, dân an, ruộng đồng tốt tươi, được mùa, để dân chúng được ấm no hạnh phúc.

Ngày xưa khắp Nam Bộ, mỗi làng đều có một ngôi Đình thờ Thần hoàng, là vị anh hùng chẳng hạn như Đình Châu Phú, Châu Đốc thờ Chương Bình Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nơi khác thờ Nguyễn Trung Trực ..., mỗi làng đều có Ban Hội Tề có 12 vị chức sắc, được chánh quyền công nhận, cấp “tờ cử” đó là Nội Hội Tề, còn những vị do Ban Hội Tề đặt thêm, như chức Hương Kiểm, Hương Văn, Hương Lễ... gọi là Ngoại Hội Tề.

Ban Hội Tề cuối cùng Làng Bình Thủy, nay tôi còn nhớ được như sau:

HUỲNH ÁI TÔNG

Đại Hương Cả: Phạm Tứ Thế
Hương Cả: Lê Bửu Linh
Hương Chủ: Phan Hòa Huân
Hương Sư: Huỳnh Văn Đoan
Hương Trưởng: Dương Văn Cừ
Hương Chánh: Lâm Văn Chấn
Hương Giáo: (Không rõ)
Hương Quản: Nguyễn Văn Bồn
Hương Bộ: (Quýnh ?)
Hương Thân: (Lâm Văn Hạnh ?)
Xã Trưởng: Lý Quốc Chênh
Hương Hào: Dương Văn Kiếm
Chánh Lục Bộ: Nguyễn Văn Kiên

Thường thường Ban Hội Tề làm tấu chương gửi về triều đình Huế, xin nhà Vua ban Sắc phong Thần hoàng của làng, miền Nam là đất thuộc địa của Pháp, khoảng n ăm 1930 Ban Hội tề làng Bình Thủy cũng làm tấu chương gửi ra triều đình Huế, xin sắc phong cho một vị Phúc thần làm Thần hoàng của làng. Còn những nơi giang sơn của vua, có những công thần, triều đình xét công trạng ra chiếu, sắc phong thần ở làng nào đó, làng ấy có bốn phận tôn thờ vị anh hùng dân tộc là Thần hoàng của làng và bốn mùa cúng tế.

Xưa có những làng không biết làm tấu chương, không có Sắc phải đi trộm Sắc của làng khác để thờ, cho nên Sắc phải gìn giữ cẩn thận để tránh bị hư hỏng vì thời tiết và cũng tránh bị trộm cắp.

Năm 1945, xảy ra cuộc Cách Mạng Tháng Tám, để bảo toàn sinh mệnh, Ban Hội Tề ngưng hoạt động, giao cho Hương Quản Nguyễn Văn Bồn toàn quyền với chánh quyền Bảo hộ, Chánh Lục Bộ Nguyễn Văn Kiên tiếp tục nhiệm vụ, để giúp

DẤU XƯA

dân chúng làm Khai sanh, Khai tử, Hôn thú. Nhờ vậy mà trải qua cuộc binh biến đó, các hương chức làng được bình an, trừ có Xã Trưởng Lý Quốc Chênh năm 1946 hay 1947 cùng chú Ba Chăng người hàng xóm, đi buôn bò vùng Đốc Vàng bị Việt Minh bắt, chú Ba Chăng được thả, Lý Quốc Chênh bị kết án Việt gian mất tích từ đó, còn Hương Quản Nguyễn Văn Bồn đến sau, khoảng năm 1952, 53 bị ám sát ở nhà.

Về tế tự Đình thì các cựu hương chức vẫn tiếp tục nhiệm vụ cúng tế, đất công điền ai làm thì tự nguyện đóng góp để cúng Đình, nên thời đó cũng không phải quyên góp của dân. Làng thì theo lệ, mỗi ông một mâm xôi, khi cúng xong người ta lấy một phần để dọn ăn ở Đình, phần còn dư trả lại với vài miếng thịt đã đặt trên mâm xôi khi cúng. Không ai giải thích được, chỉ biết rằng xôi đã cúng Đình xong, ăn rất ngon so với xôi còn để tại nhà dầu cùng chung một chỗ xôi.

Hương Cả Linh và Hương Quản Bồn là hai người theo đạo Thiên Chúa, cúng Đình có khi họ có mặt để thăm hỏi trong Ban Hội Tề, chớ họ không cúng tế, không ăn uống.

Ban Nhạc Lễ luôn luôn ngồi phía hướng Tây, ngang với ba chiếu trên, chắc chắn là để họ có thể thấy rõ Chánh tế, để cử nhạc cho đúng diễn tiến. Ban Nhạc Lễ thời đó có chú Chín Đầy đánh cặp trống âm dương, anh Hai Phòng kéo đàn Cò, anh Ba Cao khảy đàn Kim, ông Năm Dân thổi kèn tiêu mộc, chỉ có bốn người mà sử dụng các nhạc khí của nhạc lễ, nên Ba Cao nhiều lúc phải sử dụng Chập Chĩa, Trống Com, Phèng La. Hiếm khi, ông Nguyễn Trọng Tri (Tuy), cũng đánh trống âm dương, nhưng ông không phải người trong Ban Nhạc Lễ.

Tôi không hiểu sao, tất cả những vị đứng cúng tế mặc áo thụng xanh, Học trò lễ mặc lễ phục của họ, còn mấy người trong ban

HUỶNH ÁI TÔNG

Nhạc Lễ không có áo dài, khăn đóng, trừ ông Năm Dần ra, họ là những người không có đất cắm dùi, chú chín Đầy, anh hai Phòng cất nhà trong đất của ông chín Tri, anh Ba Cao cất nhà trong đất của soạn giả Hoàng Khâm. Sao hỏi ấy Làng không may cho mỗi người một chiếc áo dài, một cái khăn đóng như Học trò lễ, được như vậy thì đẹp mắt biết bao, buổi lễ cúng Đình càng thêm trang trọng!

Về Học trò lễ, hỏi đó tôi biết họ nhưng nay đã lâu, chỉ còn nhớ Thầy Tư Phối ở gần trên chợ đứng ở Hương án chính, để nhắc hai người Xướng lễ, xướng theo diễn tiến, Xướng lễ nay tôi chỉ còn nhớ một trong hai người là chú Hai Triều, con ông Cả Nhứt với bà Chín Giỏi, chú với thầy giáo Nguyễn Hoa Hâu là anh em cô cậu, gọi ông Phủ Nguyễn Hà Thanh là ông cố, Học trò lễ trên mười người, nay tôi chỉ nhớ có chú Năm Thành, thuở đó bán thức uống Bông cỏ, sau chú bán Bánh mì thịt, người nữa là chú Chín Khước ở gần nhà tôi.

Mỗi lệ cúng Đình, dân làng kẻ góp công người góp của, kẻ chơi nhạc, người đi lễ, kẻ gánh nước, người nấu ăn, tất cả đều đem tấm lòng tôn kính Thần hoàng mà làm, không ai được trả công, ngoài một, hai bữa ăn thịnh soạn ở Đình.

Cúng Đình nào chiêng nào trống nào mõ, nào kèn làm tăng thêm sự trang trọng buổi lễ, làm rộn lòng người nghe, là một nét văn hóa, cần được duy trì và bảo tồn, bởi vì đó là tín ngưỡng chung của dân gian, làng Bình Thủy mỗi năm có ba lệ cúng, Tháng Giêng, tháng Năm và tháng Chạp, riêng lệ tháng Năm có tổ chức đua thuyền, đã trở thành truyền thống, có khoảng 50 năm nay.

Ngày 11-6-2011 (Mùng Mười tháng Năm Tân Mão)

Đám cưới ở quê nhà



Nhiều khi đi dự đám cưới về, lúc đã nằm nghỉ, tôi nhớ tới những đám cưới ở quê nhà, nhớ đến những người lớn tuổi thuở xưa, nay họ đều đã khuất núi, có dịp nhớ tới những phong tục cưới gả ông bà ta đã truyền lại.

Ở nhà quê, khi có đám cưới thì những người lân cận chung quanh đến giúp, kẻ gánh nước, bửa củi, người làm gà vịt, nấu ăn, kẻ che rạp, bày bàn ghế, người chung dọn bàn thờ, thậm chí trẻ con cũng giúp ích được một tay là nấu nước, pha trà.

Những đám cưới nhà nghèo thì làm đơn sơ, nhưng những đám cưới nhà khá giả thì che rạp rồi bắt bông tươi hay bông vải trên những cây cột, lại bắt bông cho một cái cổng, người ta dùng những cây chuối, những tàu lá dừa hay lá đùng đỉnh, làm cho cái cổng xinh tươi, cắm thêm những cành hoa điệp, hoa mồng gà, cổng chính ở giữa có khung chữ Vu Qui của nhà gái hay Tân Hôn của nhà trai.

HUỲNH ÁI TÔNG

Rạp thường che trước sân nhà, tùy theo lượng khách mời họ hàng mà người ta bày nhiều hay ít bàn, thường là bàn tròn, mỗi bàn với mười hay mười hai ghế.

Nhà gái, luôn luôn đãi ăn vào ngày hôm trước, còn nhà trai ngày hôm trước chỉ nhóm họ, tức là chỉ đãi ăn những người trong thân tộc, những người bà con ruột thịt xa gần tụ hội lại để sắp đặt công việc ngày hôm sau đi rước dâu. Khi rước dâu về, nhà trai mới đãi ăn, vừa đãi ăn nhà gái, vừa đãi ăn khách mời.

Thường vào đêm này, người ta tập cho chú rể nghi thức lạy gia tiên và lạy ông bà cha mẹ. Lạy gia tiên tức là lạy bàn thờ ông bà thì lạy bốn lạy, còn lạy ông bà cha mẹ thân tộc còn sống chỉ lạy hai lạy. Cách lạy họ không phải chắp hai tay lại mà phải cung hai cánh tay, ngón giữa và ngón đeo nhẫn tay mặt giáp mí tay trái, tạo thành một cung tròn để xá, để lạy.

Nhà trai chuẩn bị gồm có một “Khai trầu rượu”, trong khai ấy có một cái nhạo đựng rượu với 2 hay 4 cái chun uống rượu, một đĩa gồm mấy lá trầu tằm vôi sẵn, mấy miếng cau tươi, có thể đập lên trên một miếng vải đỏ, một “Khai hộp” là một cái khai có hai cái hộp đồng thau hình ống, có nắp, dùng để đựng nữ trang và tiền đồng, một mâm trầu, mâm này trong người ta để cau và trầu, cau vài chục trái, trầu vài chục lá đều là số chẵn, rồi người ta đập kín lại, làm dấu để không ai được mở ra, chờ cho đến ba ngày sau, cô dâu và chú rể trở về nhà cô dâu làm lễ “Dỡ mâm trầu”. Cho nên thường người ta dùng giấy bông cái hình búp sen, đủ lớn chụp lên trên mâm trầu, có một mâm đựng một đôi đèn sáp đỏ, có bát bông rồng, phụng, tượng trưng cho câu chữ “Loan phụng hòa minh, sắc cầm hảo hiệp”, ngoài ra còn có những mâm rượu, mâm trà, mâm trái cây, mâm bánh mứt, toàn bộ những mâm này phải là số chẵn, tượng trưng cho

DẤU XƯA

vợ chồng mới cưới, đủ đôi, chẵn cặp, những mâm này có thể để trần, có thể phủ giấy màu, có thể dùng cái quâ có nắp đậy lại.

Ở nhà quê, thường người ta ăn sớm, cho nên nhà gái mời buổi chiều, có người 2, 3 giờ chiều đã tới, do đó khi khách đến ngồi đủ một bàn, người ta đãi cho khách bàn ấy ăn, có khi người ta dọn tất cả thức ăn một lượt lên bàn ăn, nhưng cũng có khi người ta đãi ăn từng món, như vậy có một người đứng đó tiếp khách để có khi thêm nước chấm, có khi thêm đĩa cơm... còn có thêm một người chạy bàn, bung dọn ra món mới và đẹp tô, đĩa của món cũ.

Sau khi ăn xong, khách mừng cho cô dâu thường là ít tiền, xưa người ta không có để tiền vào phong bì, cho nên nhà có tiệc cưới, cử một người biên chép họ tên khách và số tiền mừng cho cô dâu vào một cuốn sổ, người này đến tận bàn ăn ghi và nhận tiền. Số tiền này, thông thường nhà gái dùng trang trải chi phí cho đám cưới.

Mấy chục năm trước, đám cưới muốn cho vui người ta dùng máy hát để hát những bộ đĩa hát như tuồng San Hậu, Quan Âm Thị Kính, Tô Ánh Nguyệt. Sau này người ta dùng tới Magnetophone, Cassette, CD và bây giờ là DVD làm cho đám cưới thêm ồn ào, nhộn nhịp.

Đám cưới nào cũng vậy, trong tiệc tùng, có rượu vào thì lời ra, người ta bàn luận về thời sự, văn chương, đạo lý trong những truyện tàu, nào là Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, Hán Sở Tranh Hùng, Thuyết Đường, Thủy Hử.

Các bà các cô có dịp ăn mặc lịch sự, nào là áo gấm, áo the quần lãnh mỹ a, nữ trang với những chiếc vòng chạm, cẩm thạch,

HUYỀN ÁI TÔNG

dây chuyền với nhiều kiểu “mè đay”, còn hoa tai nhận hột cẩm thạch, sang trọng hơn với những hột xoàn chiếu lóng lánh.

Khu vực bếp núc thì luôn luôn đầy khói, tiếng chén bát khua nhau, tiếng dao băm thịt trên thớt không ngớt, còn mùi thức ăn thoang thoảng bay xa.

Ở nhà gái, khi khách khứa đã về hết rồi, khoảng 9, 10 giờ đêm, người ta cử hành lễ “Lạy xuất giá”. Cô dâu đứng trước bàn thờ ông bà lạy bốn lạy, kế đó lạy cha, mẹ hai lạy, sau đó theo thứ tự từ ông bà bên nội, bác, cô dượng, chú thím, anh, chị. Sau đó tới bên ngoại cũng theo thứ tự ông bà, cậu mợ, dì dượng... những người có đủ cặp vợ chồng, cô dâu lạy chung 2 lạy, những người không đủ vợ chồng cũng lạy 2 lạy. Trong dịp này, những người trong thân tộc dự lễ “Lạy xuất giá” của cô dâu, đều có mừng cho cô dâu hoặc nữ trang, hoặc quà hoặc tiền. Tiền hay quà cho cô dâu để làm của mang theo về nhà chồng.

Cách lạy thì cô dâu sau khi xá rồi ngồi xuống, hai chân thu về một bên, xuôi ra phía sau, ngồi thẳng rồi chắp hai tay lại vừa xá xuống, vừa dang hai tay ra, vừa cúi đầu vừa khom lưng xuống một chút rồi cất đầu lên, thân thẳng lên, hai tay chập lại trước ngực để lạy tiếp, nếu đã lạy đủ hai hay bốn lạy thì lấy hai tay chống xuống nền nhà, đứng lên rồi xá một xá.

Thuở nhỏ, trẻ con chúng tôi thường thích coi cô dâu “Lạy xuất giá”, vì nhiều cô dâu vừa lạy vừa khóc, có lẽ nghĩ đến ngày mai là phải xa nhà, xa cha mẹ anh em, “phận gái mười hai bên nước, trong nhờ đục chịu”. Bên chồng ở gần thì một đôi tháng còn về thăm cha mẹ, ở xa thì vài đôi năm, phận gái ngày xưa “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, nên Ca dao có câu:

DẤU XƯA

*Má ơi đừng gả con xa!
Chim kêu vợ nhá biết nhà má đâu?*

Mấy chục năm trước, tôi lạy xuất giá ấy, người ta hay hát đĩa vọng cổ Mẹ Dạy Con do cô Tư Sặng ca, những lời mẹ dạy con trước khi về nhà chồng thật là thực tế và đầy ý nghĩa.

Ngày rước dâu, nhà trai đi tới nhà gái gồm cha mẹ chú rể, vài cặp vợ chồng người lớn tuổi, chú rể, một rể phụ, một số thanh niên, một số thiếu nữ đủ để bung mâm và tổng số người đi sao cho chẵn.

Ngày xưa, đám cưới hầu hết đều mặc quốc phục, nam áo dài khăn đóng, nữ áo dài. Nhà giàu chú rể mặc áo gấm xanh bông bạc, hoặc mặc áo “thụng” là áo dài có tay rộng hơn, nhà nghèo thì cũng áo dài đen. Khăn đóng gồm có bảy vòng, tượng trưng cho “thất phu”, dưới bảy vòng đó có chữ “Nhân” (人) là người đã trưởng thành.

Khi đến nhà gái, Rể phụ bung mâm trầu rượu vào đặt ở chỗ bàn có những người lớn tuổi ngồi, rót rượu ra chun, xong rồi mời rượu những bậc “trên trước” để trình là nhà trai đã tới, xin cho phép vào làm lễ “Rước dâu”. Nếu nhà gái thấy đủ phép, nói với Rể phụ mời nhà trai vào, có nơi nhà gái ra cổng mời nhà trai vào.

Khi nhà trai vào, đi trước là Rể phụ với khai trầu rượu, kế đến là chủ hôn, chủ hôn có thể là cha mẹ hay trưởng tộc hoặc một người trong thân tộc, vợ chồng đầy đủ, nói năng hoạt bát, sau chủ hôn là chú rể, sau chú rể là những người bung các mâm lễ vật, sau đó là những người đi rước dâu. Vào nhà, những mâm lễ vật để trước bàn thờ, nhà gái sẽ mời nhà trai ngồi vào những vị trí riêng biệt, nhất là hai bên suôi gia sẽ ngồi đối diện nhau.

HUỶNH ÁI TÔNG

Chú rể và rể phụ sẽ đứng gần bàn thờ, và khi mọi người ổn định chỗ ngồi xong, rể phụ sẽ rót rượu ra – Khi rót rượu không bao giờ rót đầy, vì có người uống, có người chỉ nhấp mếp một chút cho phải phép, nhưng dù chun rượu còn hay không, người rể phụ cũng rót một chút rượu mới – Người chủ hôn nhà trai xin phép chủ hôn nhà gái để tiến hành cuộc lễ, trước tiên trình lễ vật là đôi đèn cầy, mâm trầu cau, rượu, trà, bánh mứt, trái cây sau đó là trình nữ trang và số tiền đồng, là số tiền nhà trai phụ cho nhà gái làm lễ Vu quy.

Khi nhà gái đã đồng ý chấp nhận lễ vật rồi, cha mẹ cô dâu gọi cô dâu ra chào họ nhà trai. Cô dâu mặc áo dài màu, con nhà khá giả còn mặc thêm áo kếp ở ngoài, áo kếp cũng là áo dài may rộng hơn một chút và có tay rộng bằng ren, để có thể nhìn thấy áo dài mặc bên trong, trang điểm với những nữ trang nhà trai đã nộp “Sính lễ” lúc đám hỏi.

Tương cũng nên nói thêm, khi “Đám hỏi”, nhất thiết nhà gái nào cũng đòi nhà trai phải nộp sính lễ một đôi “hoa tai”, còn gọi là “đôi bông” bởi vì ngày xưa, người ta quan niệm người con gái như một cái hoa, nên nhà trai phải trao cái hoa tai ấy, như một lời ngợi ca đức hạnh và dung nhan cô gái, trong Ca dao có câu:

*Gió đưa, gió đẩy bông trang,
Bông búp về nàng, bông nở về anh.*

Người con gái chưa chồng như hoa còn búp, khi có chồng rồi như cái hoa nở. Vì lý do gì, vợ chồng phải xa nhau, thường nhà trai đòi lại đôi hoa tai, để chàng trai đi cưới vợ khác, về vấn đề này, Ca dao có câu:

DẤU XƯA

*Một mai thiệp có xa chàng,
Đôi bông thiệp trả, đôi vàng thiệp xin.*

Trước khi đám cưới, nhà gái đòi tiền đồng và có thể đòi thêm nữ trang cho cô dâu, thường khi không đòi thêm nữ trang, nhưng chàng trai cũng cho thêm nữ trang. Nên trước khi làm lễ gia tiên, mẹ cô dâu hoặc nhà gái chọn một người đàn bà đeo nữ trang nhà trai vừa mới cho thêm cô dâu, người đàn bà này vợ chồng phải đủ đôi, có nhiều đức tính tốt, gia đình hạnh phúc, để cho cô dâu nương nhờ đức hạnh ấy mà tạo dựng hạnh phúc cho gia đình mình.

Sau khi đeo nữ trang xong, cô dâu đứng lại gần chú rể, một cặp tân hôn, tân lang mặc áo thụng khăn đóng, cô gái mặc áo dài kép trông đẹp biết bao, và rồi nhà gái sẽ “lên đèn”, người ta chọn một người có đạo đức, vợ chồng hạnh phúc, con cái ngoan ngoãn, người này sẽ đốt hai cây đèn do nhà trai mang tới, người ta thường cầm cặp đèn để tìm chúng chập lại rồi đưa vào ngọn đèn khác để đốt, người ta thường kiêng cử khi đốt đèn ngọn cháy ngọn không, hoặc cháy một chút rồi tắt, sau khi lên đèn xong, cha mẹ cô dâu hay trưởng tộc sẽ dâng hương lên bàn thờ, sau đó cô dâu và chú rể lạy bàn thờ bốn lạy, chú rể lạy phải cung tay, “lên gối, xuống gối”, cô dâu phải lạy thế ngồi “xếp chề he”.

Lạy gia tiên xong, rể phụ rót rượu ra khai trầu rượu, để chú rể và cô dâu cung kính dâng mời cha mẹ cô dâu uống rồi mới làm lễ lạy cha mẹ hai lạy, lễ này mang ý nghĩa đền ơn dưỡng dục. Sau đó lạy họ, từ ông bà, chú bác, cô dì dượng, cho đến các anh, chị những lạy này mang ý nghĩ lễ ra mắt của cặp vợ chồng mới, nhất là chú rể chịu sự tôn kính những người trong thân tộc họ nhà gái. Trước khi làm lễ lạy ai, cô dâu và chú rể đều phải dâng rượu mời người đó uống trước khi làm lễ.

HUỲNH ÁI TÔNG

Sau khi lạy họ xong, cô dâu và chú rể có thể vào phòng nghỉ, chờ hai họ ăn bánh, uống trà, chuẩn bị rước dâu.



Nhà gái sẽ mang tất cả những mâm rượu trà bánh mứt vào trong, lấy mỗi thứ một phần kiêng lại cho nhà trai, gọi là “Lại quả” hay “Lợi quả”.

Trước khi rước dâu, rể phụ rót rượu để ông chủ hôn nhà trai, trình với chủ hôn nhà gái xin rước dâu. Cô dâu và chú rể ra trước bàn thờ lạy bốn lạy rồi mới đi. Những người họ nhà trai là những người rước dâu sẽ ra khỏi nhà gái trước với cô dâu. Cô dâu thường mang theo một cái quả, trong đó đựng nữ trang, tiền bạc và đôi khi có ít bánh để phòng khi lạ chỗ lạ nhà, lúc đói bụng có mà ăn. Những người họ nhà gái là những người đưa dâu sẽ đi theo sau, có những cô thiếu nữ mang giúp cho cô dâu mừng, mền, cặp gối những bộ quần áo mới, là những thứ chánh yếu mà cô dâu sắm sẵn mang về nhà chồng.

DẤU XƯA

Khi rước dâu về đến nhà trai, sau khi hai họ đã an vị, người ta lại lên đèn ở nhà trai, để chú rể và cô dâu “Lạy họ nhà trai”, trước tiên lễ gia tiên, kế đó rể phụ rót rượu để chú rể và cô dâu mời cha mẹ chú rể uống rượu trước khi làm lễ lạy hai lạy, kế đó ông bà nội, ngoại, chú bác cô dì, anh chị ruột mỗi người đều được mời rượu trước khi làm lễ, lễ này mang ý nghĩa cô dâu nhận phận làm dâu và ra mắt họ nhà trai. Những người trong thân tộc sẽ mừng cho cô dâu và chú rể tiền bạc hay quà.

Sau khi lạy họ xong, chú rể và cô dâu sẽ phụ người nhà đãi khách, và cho đến lúc tiệc tàn sẽ tiễn đưa nhà gái về. Mọi người đều bịn rịn chia tay, cô dâu khó cầm được nước mắt khi tiễn những người thân ra về.

Ba ngày sau, là ngày “Phản bái”, cô dâu và chú rể trở về nhà cô dâu, để “Dỡ mâm trầu”, thường cô dâu và chú rể mang theo một cặp vịt, để làm thức ăn bày biện cúng ông bà. Trước khi cúng, cô dâu và chú rể sẽ vào phòng, chỉ có cặp vợ chồng mới, dỡ mâm trầu ra, lấy trầu, cau để vào đĩa rồi mang ra bàn thờ cúng. người ta kỵ mâm trầu có người dỡ ra nhìn, hoặc khi hai vợ chồng dỡ mâm trầu ra có người nhìn thấy, họ sẽ dị nghị: “người vợ sẽ cầm quyền”, nếu cô dâu lấy trầu hay cau trước, hoặc chồng sẽ cầm quyền, nếu chàng rể lấy trước. Đôi khi vì đường xá xa xôi, vì mùa màng cấp bách hay vì lý do nào đó, trước rước dâu, nhà trai có thể xin nhà gái cho “Dỡ mâm trầu” ngay trong ngày cưới.

Phong tục Phản bái rất hữu ích, bởi vì trong những ngày đầu, cô dâu mới gặp nhiều chuyện khó khăn trong đạo dâu con, vợ chồng, ở bên nhà chồng không dám than thở cùng ai, về lại nhà mình sẽ được tâm sự cùng mẹ hay chị em, họ sẽ giúp ý kiến, khuyến khích tinh thần, an ủi thân đơn, cảnh lạ. Nhưng những cấm kỵ chung quanh “mâm trầu”, trở thành dị đoan. Ngày nay,

HUỶNH ÁI TÔNG

chú rể và cô dâu tìm hiểu, quen biết nhau, mâm trầu trở nên thừa và dần dần đi vào quên lãng, hay tại vì nhiều người bỏ ăn trầu, mâm trầu không người ăn, nên người ta giảm bớt đi cho đỡ tốn kém.

Ngày nay tục lạy bàn thờ ông bà người ta vẫn giữ nhưng lạy người sống kể cả cha mẹ, hầu hết được miễn, chú rể và cô dâu chỉ xá những người phải làm lễ mà thôi.

Nhớ tới đám cưới ở quê nhà, những khi giúp nấu nước, pha trà, che rạp, dọn bàn, khi làm rể phụ cần thận bung khai trầu rượu, cung kính rót rượu, mời bậc trưởng thượng nhấp chun rượu lễ, để khép nép thưa trình ... cũng là cái nhớ, góp thêm vào lòng nhớ cố hương.

Lou. 16-6-2008

Đám Hối của chị tôi



Một đám cưới, theo sách vở Trung Hoa gồm có sáu lễ là Nạp Thái, Vấn Danh, Nạp Cát, Thỉnh Kỳ, Nạp Tệ, Thân Nghinh. Sang Việt Nam ta một đám cưới tiên hành gồm có những lễ chính sau đây: Coi Mắt, Giáp Lờ, Trình ngày lễ hỏi, Lễ Hỏi, Nạp tệ (Đi tiền đồng, trình ngày lễ cưới), Lễ Cưới, Phả bái (Dỡ mâm trầu).

Chúng ta biết rằng trước đây hơn nửa thế kỷ, nói chính xác hơn khoảng năm 1950 trở về trước, hôn nhân hầu hết đều do cha mẹ định. Cho nên chuyện cưới gả có thể do đôi bên cha mẹ hứa hẹn với nhau từ trước, hoặc là do có người làm mai mối để tiến tới hôn nhân.

HUỶNH ÁI TÔNG

Hôn nhân của chị Ba tôi tiến hành theo lối thứ hai này, thường chuyện gả cưới tiến hành từ con lớn trước rồi lần lần tới con thứ, nhất là con gái vì luôn luôn người ta e ngại gả cô em trước, cô chị sẽ bị mất duyên. Trường hợp gia đình tôi, những năm Nhật đảo chánh Tây, Tây đánh Nhật, thời buổi kinh tế khó khăn, ở quê không an ninh, anh lớn của tôi trốn cha mẹ lên Sài Gòn lập nghiệp, cho nên cuộc hôn nhân của chị Ba tôi khởi đầu trong gia đình vào năm 1952.

Bà mai là dì hai, chị họ của má tôi, chồng của dì tôi thường gọi là chú Sáu, chú Sáu Phó có người em nhà bên cạnh là chú Bảy Bộ, hai chú này nhỏ tuổi hơn cha tôi, nên gọi cha tôi bằng anh chứ không có bà con với nhau. Dì hai làm mối để cháu chồng của dì cưới chị Ba tôi.

Nhà của chú Sáu, chú Bảy ấy ở bên kia xé xé bên sông nhà tôi, có lẽ cha tôi biết gia đình hai chú ấy, tôi còn nhỏ nên không rõ gia đình anh, chị, em của họ, nay mới biết hai chú ấy có người chị thứ Ba, có chồng về Mặc Cận Dung, nay định cưới vợ cho con trai, nên nhờ dì Hai làm mối.

Trước khi cho đàn trai tới “Coi Mắt” chị Ba tôi, dì Hai đã nói cho cha má tôi biết, chú rể tương lai, gia đình có 5 anh chị em, bốn gái, một trai, mồ côi cha, ba chị gái lớn đã có gia đình, còn một em gái chưa chồng.

Biết dì Hai nói thật, nhưng cha má tôi đi dò hỏi người quen thêm vài chi tiết khác, một hôm cha mẹ tôi bàn chuyện hôn nhân, tôi nghe được là ông thân của anh đi coi mắt chị tôi có làm làng, giữ chức Hương Bộ, chết vì bệnh, gia thế có đất cát, làm ruộng mỗi năm dư chút ít, gia đình cũng đàn ông, nhưt là anh trai đó không có cờ bạc, rượu chè, có học hành biết chút chữ nghĩa. Cuối cùng cha tôi kết luận: “Gả con mình cho chỗ

DẤU XƯA

đó thì cũng được. Thời buổi này ai giàu hơn ai, miễn nó biết chí thú làm ăn là được rồi!”

Sau đó, má tôi cho dì Hai biết sẵn lòng mời nhà trai tới, hai bên hẹn ngày giờ thuận tiện rồi đàng trai tới nhà tôi tiến hành “Lễ Coi Mắt” .

Lễ Coi Mắt, tiến hành rất đơn giản, sáng hôm đó nhà trai đến gồm có một người đàn bà tuổi ngót 60, hai vợ chồng dì hai, anh rể tương lai của tôi và một chàng trai khác đi theo cho có bạn, mọi người đều ăn mặc tươm tất, hai người đàn bà mặc áo dài đen, chú sáu mặc bộ bà ba đen, hai anh thanh niên mặc áo sơ-mi trắng tay dài, người quần tây nâu, kẻ quần xanh.

Trong nhà tôi chuẩn bị chút ít, dọn dẹp đơn sơ đón khách, trên bàn thờ một bình hoa điệp ta, trên cặp chân đèn, cắm hai cây đèn cầy đỏ mới, ở bộ ván giữa trái chiếu bông, đặt một coi trầu ở đầu bộ ván, bộ ván phía bên tay trái cũng trái chiếu mới, bộ bàn ghế ở giữa bộ ván giữa nhà và cửa ra vào để một bình trà, và một bình hoa cúc vàng.

Cha mẹ tôi cũng mặc áo dài đen, cô tôi mặc bộ bà ba lãnh Mỹ A đen, chị Ba tôi mặc áo dài trắng. tôi mặc bộ bà ba trắng, còn chị kế và em gái tôi chỉ ăn mặc sạch sẽ ở nhà sau, được đặng không được ra nhà trước.

Khi khách tới nhà, chú sáu giới thiệu cha mẹ, cô tôi, rồi chú giới thiệu người đàn bà là chị Ba của chú, cháu gọi chú bằng cậu và bạn lối xóm của cháu chú.

Cha mẹ tôi mời khách ngồi, cha tôi với chú Sáu ngồi ở bàn, má và cô tôi ngồi ở bộ ván giữa bên tay phải, dì hai và chị chồng

HUỶNH ÁI TÔNG

của dì, người “Coi Mắt” chị tôi, ngồi ở bên tay trái, hai anh trai ngồi ở bộ ván bên tay trái.

Sai khi khách ngồi xong, tôi bung những tách trà từ nhà sau ra, đặt trên bàn cha tôi và chú Sáu, kể đến chỗ má tôi và các bà, sau mới đến chỗ hai anh trai kia, sau phân nước trà, tôi bung ra mỗi bàn một đĩa bánh in, bánh gai. Cha tôi, bảo tôi:

- Vào trong, kêu chị Ba con ra chào khách.

Tôi đi vào trong phòng, nói cho chị Ba tôi biết, chị tôi đi ra chấp tay chào hỏi khách từng người, riêng hai anh con trai, chị chỉ cuối đầu chào sau cùng rồi thông thả đi vô phòng.

Đương nhiên bà khách, chị của chú Sáu và hai anh con trai, chăm chú nhìn chị tôi từ khi chị ấy mới lộ dạng ra cho đến khi chị ấy đi vào khuất dạng. Tôi đứng xó rớ ở đó để chờ nghe cha mẹ sai vật, châm thêm nước cho bình trà, thêm trà, cau hay thêm thuốc xía.

Khách và cha mẹ tôi hỏi thăm nhau đôi điều, rồi nói chuyện nắng mưa mùa màng, tôi để ý không nghe người lớn nói chi về chuyện cưới hỏi. Khách đàn bà ăn tàn bả trà, khách đàn ông hút hết mấy điếu thuốc rồi xin phép ra về.

Vài hôm sau ngày coi mắt, dì hai sang thăm cha mẹ tôi và cho biết đàn trai bằng lòng cưới chị tôi cho con trai của họ, khi ấy cha mẹ tôi gọi chị Ba tôi, ở trước mặt dì hai nói:

- Con người ta, lớn lên ai cũng phải có đôi bạn, có bốn phận sanh con, đê cái, phụng dưỡng cha mẹ, nối dõi tông đường, gia đình chị của chú Sáu tuy không giàu có nhưng cũng đủ ăn, đủ mặc, gia đình cũng đàn hoàng nhân đức, thẳng đó

DẤU XƯA

coi cũng được, lại không cờ bạc, rượu chè, dì Hai mới đứng ra làm mai, cha mẹ cũng lựa chọn, nay định gả con về nhà đó. Con gái lấy chồng theo lời cha mẹ, cũng là sự báo hiếu. Vậy hôm nay, cha má trả lời cho dì Hai biết là cha má bằng lòng gả con về nhà đó.

Chị tôi đứng nghe cha mẹ nói vừa dạy bảo vừa áp đặt, tôi không thấy chị ấy tỏ vẻ vui buồn, chỉ thoáng có chút băn khoăn suy nghĩ.

Cha tôi nói tiếp:

- Cha má nói cho con biết trước việc hôn nhân của con như vậy! Thôi con vào trong lo việc cơm nước.

Chị tôi chào dì Hai rồi đi vào trong, cha tôi nói với dì Hai:

- Vợ chồng tôi đồng ý cuộc hôn nhân này. Chị Hai báo cho đàn trai biết. Có gì chị Hai cho chúng tôi biết.

- Dì dưỡng quyết định làm suôi với chị Ba đó là phải rồi, tôi ở giữa hai đứa nó đàn nào cũng là cháu, thấy xứng đôi vừa lứa nên mới đứng ra làm mai mới giúp cho hai cháu có gia đình hạnh phúc sau này. Thôi tôi xin phép về !

Chùng tháng sau, nhà trai lại đến, lần này có thêm một cặp vợ chồng, nghe nói có họ hàng với chú rể. Lần này gia đình tôi mời một bữa cơm, nhà trai có mang tới biếu một cặp rượu tây, hai gói trà tàu và hai hộp bán bisquit Pháp. Đây là đám “Giáp Lờ”, có khai trầu rượu.

HUỶNH ÁI TÔNG

Sau khi khách nhà trai an vị xong, nhà trai rót rượu, đem rượu mời cha tôi uống, đem trầu mời má tôi ăn, mẹ chú rể đứng trình trọng nói với cha má tôi:

- Thưa anh chị, hôm nay chúng tôi xin cưới con gái anh chị cho con trai chúng tôi. Nếu anh chị nhận lời cầu hôn này, xin cho chúng tôi được biết.

Cha tôi, cũng đứng lên trình trọng đáp:

- Thưa chị, hôm nay hai gia đình chúng ta đã tìm hiểu, nay chị đã chính thức cầu hôn cho con của chị, vợ chồng chúng tôi nhận lời cầu hôn này, bằng lòng gả con gái chúng tôi cho con trai của chị.

Mẹ của chú rể, tiếp lời cha tôi:

- Cảm ơn anh chị đã nhận lời. Theo như phong tục xưa nay, xin anh chị cho biết về nữ trang, lễ vật, tiền đồng mà chúng tôi phải có, để chúng tôi biết đặt chuẩn bị cho đầy đủ, phải phép.

Cha tôi suy nghĩ một chút mới đáp:

- Thưa chị, chúng ta định đôi bạn cho con trẻ, chúng tôi không có đòi hỏi, nhưng lễ vật chúng ta cũng nên làm cho đủ phép, đời người chỉ có một lần, nếu chúng ta không làm đủ phép tắc, con cháu sau này có thể trách, mình không thể sửa lại được. Có những khoảng sau đây, bắt buộc chúng ta phải có: Làm đám hỏi nhà trai phải sắm đủ một đôi đèn cưới, trà, rượu, bánh, trái nhiều ít tùy nhà trai, một đôi hoa tai, đây là cái duyên con gái phải có, gả cưới chớ không phải bán chác nhưng tiền đồng nhiều ít cũng phải có. Đến đám cưới, nữ trang tùy nhà trai

DẤU XƯA

cho thêm để con dâu làm của là quí, cũng một đôi đèn cưới, trà, rượu, bánh, trái và phải có một mâm trầu. Còn về áo cưới chúng tôi sẽ lo cho con gái chúng tôi.

Mẹ của chú rề lắng nghe, xong đáp:

- Anh chị đã cho biết như vậy, chúng tôi sẽ cố gắng làm theo. Một lần nữa cảm ơn anh chị.

Tiếp theo mọi người dùng bữa, ai cũng hoan hỉ chờ đám hỏi, đám cưới tiếp theo. Hai tháng sau, chọn được ngày lành tháng tốt, nhà trai tiến hành “Lễ Hỏi”, nhà gái gia đình chúng tôi che rạp, mượn bàn ghế, bắt bông làm công, tối hôm trước trong nhà nấu nướng, để hôm sau đãi đằng nhà trai.

Đến ngày “Đám Hỏi”, chiều hôm trước bà con bên nội ngoại ở xa được mời đã tới, sáng hôm ấy khoảng hơn 9 giờ nhà trai tới bằng một chiếc ghe gắn máy đuôi tôm, hôm nay nhà trai đàn ông đàn bà khoảng ba mươi người, hầu hết mặc áo dài khăn đóng, trừ mấy anh thanh niên, áo sơ-mi, quần tây.

Sau khi ghe máy cập bến, nhà trai lên bờ trái đệm, bày những mâm lễ vật, sau đó những cặp nam, nữ đến bưng những cặp mâm quả, rồi họ xếp hàng, trước hết là rề phụ với người chủ hôn, tiếp đến là những chị, những anh bưng mâm, sau mâm quả là những người lớn tuổi, sau là những người trẻ hơn, họ đi thành từng cặp.

Trước hết, chàng rề phụ và người chủ hôn vào nhà, rề phụ đặt khai trầu rượu ở cái bàn giữa, nơi đó cha má và hai bác trai gái tôi ngồi sẵn, khai trầu rượu này có một cái nhạo đựng rượu, hai cái chung nhỏ, một hộp đựng trầu cau tằm sẵn, rề phụ rót rượu

HUỲNH ÁI TÔNG

ra hai cái chung, mở nắp hộp đựng trầu cau, ông chủ hôn nhà trai mời rượu cha tôi và mời trầu mẹ tôi rồi nói:

- Kính thưa nhị vị chủ hôn! Xin nhị vị dùng trầu rượu để cho phép chúng tôi được thưa chuyện.

Cha tôi nhấp chút rượu, để chun xuống khay, nói :

- Xin mời nói tiếp.

- Hôm nay ngày lành tháng tốt, họ nhà trai chúng tôi mang lễ vật đến đây để làm Lễ Hôn, xin cho phép họ nhà trai vào nhà để tiến hành cuộc lễ.

Cha tôi đáp:

- Chúng tôi xin mời họ nhà trai vào!

Chủ hôn nhà trai và rể phụ đi ra, rồi đi vào với chàng rể theo sau là các cô gái và các chàng trai bung mâm vào đặt trên những chiếc ghế đầu, chúng tôi đã để sẵn trước bàn thờ.

Mẹ và cậu mợ chú rể được mời ngồi đối diện với cha mẹ và hai bác của tôi, những người khác được mời ngồi trên các bộ ván, các chàng trai và cô gái bung mâm được mời ra bàn tròn ở sân cũng có mấy anh, mấy chị của tôi đón rượu tiếp đãi.

Anh rể tương lai của tôi được hướng dẫn đứng gần những mâm lễ vật ở bàn thờ. Khi khách đã an vị xong, chàng rể phụ lại rót rượu, chủ hôn nhà trai, bung chung rượu hai tay mời cha, má tôi uống rồi nói:

DẤU XƯA

- Kính thưa anh chị, cho phép chúng tôi giới thiệu họ nhà trai chúng tôi đến đây hôm nay gồm có: - Chị Sáu, mẹ chú rể, cậu mợ Sáu chú rể, cậu mợ Bảy, ..., người chủ hôn vừa giới thiệu vừa đưa tay chỉ từng người.

Rể phụ lại rót rượu, chủ hôn nhà trai mời cha mẹ tôi, rồi lại tiếp:

- Chúng tôi xin phép trình nữ trang, tiền đồng và lễ vật.

Khi ông chủ hôn nói thì rể phụ bung một cái khay có hộp bằng đồng, đánh bóng sáng choang, ông mở nắp một cái hộp và nói:

- Đây là nữ trang, gồm một đôi hoa tai vàng nhận hột, một sợi dây chuyền có médaille và một chiếc vòng vàng chạm.

Và ông chủ hôn nhà trai vừa nói vừa chỉ về các mâm được bao bọc ngoài bằng giấy kính đỏ:

- Một cặp đèn cưới, một mâm rượu Tây, một mâm trà Tàu, một mâm bánh bisquit, một mâm hồng khô, một mâm trái vải hộp, một mâm nhãn. Xin anh chị chấp nhận lễ vật và nếu đã đủ phép, xin cho tiến hành buổi lễ.

Cha tôi từ tốn đáp:

- Cám ơn nhà trai đã sắm đầy đủ lễ vật, phải phép. Chúng tôi sẽ cho tiến hành buổi lễ.

Ngay sau đó, cha mẹ tôi cùng đi đến bàn thờ, cha tôi lấy hai cây đèn cây chụm tim lại, một chú họ tôi lấy một cây đèn cầy khác đưa đến, cha tôi đưa tim hai cây đèn cầy vào ngọn lửa mỗi một lúc cho hai ngọn đèn cháy tốt, cha tôi mới cầm hai

HUỲNH ÁI TÔNG

ngọn đèn, từ từ xá một xá, rồi cùng mẹ tôi quỳ xuống nguyện một chút rồi đứng lên cũng từ từ xá một xá rồi đưa cho hai chú họ của tôi, mỗi chú một bên cắm đèn cây vào trong chân đèn trên bàn thờ, sau khi cắm đèn vào chân đèn xong, một chú đốt ba cây hương cho cha tôi niệm hương rồi cắm lên bàn Phật, sau đó cha mẹ tôi lạy ba lạy, kể đó một chú đốt ba cây hương, đưa cho cha tôi, cha tôi xá rồi quỳ nguyện hương, nguyện hương xong đưa lại cho một chú, chú ấy cắm vào ba lư hương trên bàn thờ ông bà, cha mẹ tôi lạy bàn thờ bốn lạy.

Sau khi cha mẹ tôi lạy xong trở về vị trí, chủ hôn nhà trai hướng dẫn chú rể “cung tay” lạy bàn thờ “lên gối, xuống gối” bốn lạy.



Rồi rể phụ rót rượu mời cha mẹ tôi uống để cho chú rể lạy ra mắt. Cha mẹ tôi đưa chung rượu mím môi, chứng tỏ đã uống để cho chú rể cũng cung tay, lên gối xuống gối lạy chung 2 lạy. Chàng rể lạy xong, cha tôi nói:

DẤU XƯA

- Kể từ hôm nay, cha mẹ chấp nhận con là rể trong nhà này, được phép gọi cha, má như các anh, em trong nhà.

Sau đó tiến hành lạy ra mắt, các bác, chú, thím, cô dì dượng, anh, chị trong nhà nhưng mọi người đều cho, nên chỉ xá mà thôi.

Lúc đó, chị tôi đeo nữ trang của nhà trai, được gọi ra chào mẹ chồng và những họ hàng nhà trai, chỉ chấp tay cuối đầu chào mà thôi.

Sau đó uống trà, nghỉ giải lao một chút rồi mới nhập tiệc. Đám Hối, cha mẹ của tôi phải đãi họ nhà trai và những bà con trong thân tộc, khách trong nhà ngồi thành ba bộ ván, bộ ván giữa những chủ hôn chú bác hai họ, bộ ván tay trái các ông, bộ ván tay phải các bà.

Ngoài sân che rạp, một bàn các chị nhà gái tiếp đãi các chị nhà trai, một bàn khác các anh nhà gái tiếp đãi nhà trai, hai bàn nữa những người xông xôn của nhà trai, nhà gái không thích ngồi trong nhà. Phái nam ăn nhiều mà uống cũng nhiều, rượu vào thì lời ra. Phái nữ ngày ấy không phải giữ cho eo thon, nhưng phải giữ phép ăn uống, nói năng nhỏ nhẹ, nên ăn ít, uống ít.

Tôi còn nhỏ không phải dọn bàn, tiếp khách, chỉ trông chừng mấy thằng bạn hàng xóm nấu nước sôi, để pha trà đãi khách, nhiều đám bọn trẻ chơi các cờ lấy rễ cau, bỏ vào nồi nước sôi, uống sẽ bị lợi tiểu. Đi đường xa mà bị lợi tiểu, chẳng tiện chút nào.

Trước khi nhà trai ra về, cô tôi cho đem các mâm lễ vật vào bên trong, cô lấy hết từ trong mâm ra rồi chọn mỗi thứ một ít, để vào hai cái mâm, cho nhà trai mang về cũng với những cái

HUỶNH ÁI TÔNG

mâm kia. Đó là “Hồi quả” hay “Lợi quả” hay “Lại quả” có nghĩa là trả lại những mâm, quả và biếu lại rượu, trà, bánh, trái để tỏ lòng hữu hảo giữa đôi bên thông gia với nhau. Những thứ Hồi quả này, để ít nhà gái bị chê là keo kiệt, để nhiều nhà gái được tiếng ăn ở rộng rãi, nhưng *“Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười, ở hẹp người chê”*

Cha tôi cháu ông phủ, làm làng Hương Quán rồi lên Hương Sư, lại thêm gần nhà có ông Đại Hương Cả, ông giữ phép tắc nghiêm minh, con dâu ông chết, ông cầm roi đánh lên quan tài mấy roi, vì tội dâu trẻ chết trước cha chồng già, không phải ông không thương dâu, mà mấy roi đó là dâu trả hiếu cha chồng, nên ông phải làm không thể miễn được. Tôi nghĩ cha tôi cũng thủ cựu, giữ đúng những nghi lễ xưa, không ngờ lại dễ dãi, những người hay bắt lỗi nọ phải kia, chữ nghĩa, để tránh phiền phức cha tôi không mời tới, nếu buộc phải mời, cha tôi cũng tìm một vị khắc tinh để chế ngự cốt cho Đám Hôn của chị Ba tôi được vui vẻ trọn vẹn.

Trên 50 năm rồi, nhớ lại Lễ Hôn của chị tôi, ngày nay ở quê nhà, chắc nông thôn còn giữ được nề nếp xưa, còn ở thành thị người ta chế biến nhiều. Lễ nghi mỗi thời chắc mỗi khác.

Louisville, 13-01-2011

Đám cưới chị tôi



Sau Đám Hỏi, lật bật vài tháng sau lại đám cưới chị tôi. Đây là lần đầu tiên cha má tôi làm suôi, cho nên đám cưới này cha tôi phải mời nhiều người, để đáp lại trước đây cha má tôi được

HUỶNH ÁI TÔNG

mời ăn cưới hoặc do họ hàng, hoặc do làm Hương chức làng nên được người ta mời dự.

Họ Dương là họ cổ cựu trong làng, thân tộc đông, may mà cha tôi ngoại tộc, nhờ vậy gánh họ Dương cha tôi chỉ mời một số người thân thiết mà thôi. Họ nhà tôi thì chỉ có chú, bác các cô dượng, hang anh em ông nội tôi, người lập nghiệp Sóc Trăng, kẻ ở Bảy núi, chỉ nghe nói chớ chưa thấy đến nhà lần nào, nên chắc cha tôi không mời. Chỉ có họ gánh họ Nguyễn của ông Phủ, ông cố tôi là còn nuôi, cháu nội ông Phủ còn đông lại ở gần. Gánh họ Quách là em một mẹ khác cha với ông cố tôi, nhiều người vai vế ngang ngang với bà nội tôi còn nhiều, ở cùng xóm, những người đó đều phải mời.

Trước kia cũng có in thiệp mời như ngày nay nhưng cũng ít người dùng, dùng cũng hạn chế, thường thiệp ấy in sẵn trên giấy đỏ, ghi rõ cưới vợ hay gả lấy chồng tên chi, đám cưới tổ chức vào ngày nào, mời ăn lúc mấy giờ, vì in sẵn nên thiệp nhà trai hay nhà gái giống nhau.

Trước đám cưới chừng một tháng, cha tôi phải thân hành đạp xe đến nhà mời một số người, bởi vì những người đó cha tôi không đích thân mời là thất lễ; một số khác cha tôi sai người cháu mặc áo dài, khăn đóng với khay trà rượu đi mời, số ở xa cha tôi viết Thiệp nhờ người đưa tới. Họ bên ngoại, chính má tôi đi mời.

Gần này cưới, nhà trai gồm mẹ chú rể, ông bà mai đến nhà gặp cha mẹ tôi để trao cho nhà gái một số tiền, lễ ấy gọi là nạp tệ, người ta cũng thường gọi là “Đi tiền đồng” là số tiền nhà gái có quyền đòi hỏi nhà trai để phụ vào tiệc tùng đám cưới, sắm chăn màn chiếu gối, quần áo cưới ... Lễ này có thể làm gọn khi đám

DẤU XƯA

hỏi, nếu nhà trai và nhà gái đồng ý, thỏa thuận trước, lúc trình nữ trang, nhà gái trình luôn số tiền đồng.

Còn vài ngày đến ngày Đám Cưới thì anh rể tôi đến nhà “Làm rể”, tức là phụ người nhà che rạp, làm cổng, bắt cầu ở bên sông ... Trong Ca dao có câu:

*Công anh làm rể Chương Đài,
Một năm ăn hết mười hai vại cà.*

Xưa, đi làm rể kể ra cũng cực thân, vì đến nhà lạ, chàng rể phải làm để chứng tỏ mình siêng năng, giỏi giǎng, nhưng được lợi là có thể nhìn thấy vợ, có thể gặp mặt vợ mà trước đó thường hai người không gặp nhau, không biết nhau.

Trước đám cưới hai ngày, cha mẹ tôi bảo anh rể tôi về để lo việc nhà. Nhà tôi bắt đầu bận rộn, trai tráng hàng xóm đến giúp lo mượn bàn ghế, bình trà, ly tách uống nước. Má và cô tôi nhờ mấy chị họ của tôi đi mượn thêm tô, chén, đĩa của một vài nhà sẵn sẵn nhiều tô kiếu, chén kiếu.

Trong nhà có người xuống tỉnh mua những cao lương, mỹ vị thêm để nấu nướng, cha mẹ tôi nhờ một cô đứng làm đầu bếp để nấu ăn đãi khách, gồm có bao nhiêu món và đãi bao nhiêu người ăn.

Hôm sau đám cưới, ngày hôm trước nhà gái đãi ăn, khách được mời tới vào 5 giờ, nhưng do ở nhà quê quen giờ giấc mùa màng, họ phải làm sớm, ăn sớm, ngủ sớm. Buổi sáng những ngày mùa, 4 giờ họ đã ra đồng cày, bừa, gặt lúa. 9 giờ họ ăn, chiều chừng 3 giờ họ đã nghỉ, để cho trâu bò ăn cỏ, nghỉ ngơi. Cho nên khoảng 3 giờ là đã có khách đến.

HUỶNH ÁI TÔNG

Khách ngồi đủ một bàn hoặc 8 người hoặc 10 người do cách xếp đặt tùy theo bàn lớn nhỏ là người ta bắt đầu dọn cho bàn ấy ăn. Ở nhà quê thường thì người ta dọn tất cả thức ăn một lần, nhưng cũng có đám dọn ăn từng món.

Những người đến dự, phái nam lớn tuổi mặc áo dài khăn đóng, búi tóc, những người xồn xồn mặc bộ bà ba đen, hay trắng, hoặc bộ py-ra-ma họa hoằn lắm mới có người mặc áo sơ mi, quần tây, chỉ có chú tôi và người em họ, làm thầy giáo ở tỉnh về là mặc sơ mi dài tay, quần tây dài, áo bỏ trong quần. Các bà già mặc áo dài, khăn vắt vai, trẻ hơn mặc áo dài trắng hay màu nhã hoặc bộ bà ba lãnh Mỹ A đen.

Thường khách mừng cho đám cưới là tiền, khi họ ăn xong đến lúc ăn tráng miệng, uống nước, người ta mới đưa tiền ra mừng, họa hoảnh lắm mới có người bỏ trong phong bì, kỳ dư thì móc túi đưa tiền mặt ra, nhà đám có người ghi vào sổ tên họ và số tiền mừng. Đám cưới chị tôi, việc ghi sổ và giữ tiền giao cho người chú họ, con bà Sáu, em ruột bà nội tôi, nhà chú ở gần nhà tôi, do đó chú ấy biết nhiều người thuộc họ hàng hay khách, tránh được sự ghi nhầm lẫn, không rành mạch.

Việc đãi ăn thù tạc đám cưới chị tôi đến 6 giờ chiều thì chấm dứt, tuy nhiên còn những người nấu ăn, phụ bếp, chạy bàn phải 7, 8 giờ mới xong xuôi. Những người lớn uống trà, ăn trầu, thanh niên, thiếu nữ xong việc họ về nhà, trẻ con hàng xóm chỉ còn vài ba đứa thấy đèn măng-xông sáng đến ngồi ghé chơi, nghe Cô Tư Sạng ca vọng cổ Mẹ Dạy Con từ chiếc máy hát đĩa, hết đĩa này lại hát bộ đĩa Tô Ánh Nguyệt.

Đến 9 giờ đêm, chú Sáu Nguyên, ngưng máy hát, chú nói cho mọi người nghe:

DẤU XƯA

- Đến giờ “Lạy Xuất Giá”, ngưng một chút! Chờ xong, hát tiếp cho vui nhà, vui cửa!

Chị tôi mặc áo dài the bông ép xanh đậm, đứng trước bàn thờ ông bà, được mấy dì cô dạy lạy, nào là cung tay, nào là ngồi xuống, xếp hai chân xuôi ra sau, nào là khi lạy chung phải nhìn “thăng nó” lạy xuống thì mình lạy theo, “thăng nó” đứng lên mình vẫn ngồi, nhớ đếm lạy bàn thờ đủ bốn lạy thì đứng lên, còn lạy người sống chỉ hai lạy mà thôi.

Rồi chị tôi bắt đầu lạy bàn thờ bốn lạy, bắt đầu chị đứng, cung tay xá rồi lạy xuống chị ngồi hai chân xuôi ra sau, trái vạt áo trước ra trước, sửa vạt áo sau, sau đó cung tay, hai tay và đầu cúi xuống, lúc ngẩng đầu lên, hai tay đưa lên rồi xá xuống, xá rồi mới lạy tiếp, khi đủ bốn lạy, chị ấy đứng lên rồi xá một xá.

Cha mẹ tôi được mời ngồi trên bộ ván, dì Ba hướng dẫn chị tôi đến trước mặt cha mẹ, dì đứng bên cạnh nói:

- Ngày mai, con dì dưỡng về nhà chồng, công ơn cha mẹ như trời biển, hôm nay dì dưỡng cho phép nó lạy để trả hiếu dưỡng dục của mẹ cha.

Trong khi dì tôi nói, chị tôi khóc, cha mẹ tôi im lặng, để chị tôi lạy hai lạy xong, cha tôi nén xúc động nói chậm rãi;

- Hôm nay ngày cuối cùng con ở với cha má, anh em. Mai con về làm dâu con người ta, ông bà thường nói: “Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục”, giữ cho trọn đạo dâu con, hiếu thảo với bên chồng, hiếu là phụng dưỡng mẹ chồng, thảo là thuận hòa với chị em chồng, thức khuya dậy sớm lo cho vén khéo việc nhà. Cha má nói ít, muốn con làm được tốt nhiều hơn, để

HUỶNH ÁI TÔNG

con được hạnh phúc trong gia đình và làm gương tốt cho các em con.

Cha tôi còn đi ruột đã lớn tuổi, buổi chiều bà có đến, nhưng dùng bữa xong, bà cho biết cảm thấy trong người khó chịu nên đi về nhà gần đó. Do vậy, lúc lấy xuất giá của chị tôi không có bà, bắt đầu từ hai bác, các cô, dượng, chú thím bên nội, rồi đến các dì, mợ bên ngoại, sau cùng là các anh chị. Ai có mặt cũng được mời ra, nhưng từ bác tôi trở đi đều “miễn”, nên chị tôi chỉ xá mà thôi. Hầu hết đều cho chị tôi tiền gọi là “tiền mừng”, cũng có người cho “quà” là “cà-rá” hay “tơ lụa”.

Máy hát lại tiếp tục đĩa cải lương, mấy chị lại dọn tiếp món cháo gà, tôi không ăn đi tìm chỗ ngủ.

Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức sớm, má tôi đưa cho tôi một cái áo sơ-mi in hình và cái quần sọt trắng ngả vàng. Má tôi dặn:

- Xúc miệng, rửa mặt rồi con thay bộ quần áo này, cha con dặn khi nhà trai rước dâu, con phải đi theo đám cưới nghe!

Tôi lấy làm lạ, vì khi đám tiệc trong nhà, cha tôi ghét trẻ con chằng ồng, nên hỏi hỏi lại cho chắc ăn:

- Cha cho con đi thật hả má?

- Ừ! Cha con dặn sao làm đúng như vậy, đừng quên nghe!

Mỗi lần tôi được mặc chiếc áo in hình ấy là cha tôi sai đi xuống Long Xuyên hay đi lên Châu Đốc, có khi đi mua trà Tàu hay thuốc Tây hoặc đi về việc chi đó. Chiếc áo đó anh Hai tôi năm ngoái mua vải từ Nam Vang gửi về, anh viết thư cho cha tôi

DẤU XƯA

biết, đi chợ thấy người ta mặc áo hình như vậy nên mua để may cho tôi một cái, mà theo kiểu hiện thời phải may rộng, vai áo phải xệ một chút, nhớ lại mỗi lần tôi mặc áo đi Long Xuyên hay Châu đốc nhiều người nhìn vì nó lạ mắt, nó là một mớ “chim cò”, thật ra vải mỏng, in một màu tím, hình phong cảnh, lâu đài ở ngoại quốc, thời đó năm 1952 là mode sớm quá rồi!

Rồi nhà trai đến, đi bằng một chiếc ghe gắn máy đuôi tôm không mui, sau khi ghe máy đậu, họ nhà trai lên bờ trái một chiếc đệm sắp các mâm lễ vật, sau đó họ đứng thành hàng đôi, vợ chồng người chủ hôn, rể phụ rể chánh, mấy chị mặc áo dài trắng hoặc màu hường hay vàng, các thanh niên áo sơ-mi, quần tây sau nữa là những cặp vợ chồng, người lớn tuổi khăn đóng áo dài đứng trước, trẻ hơn đứng sau, tổng cộng có hơn hai mươi người.

Khi hàng ngũ đã chỉnh tề, chủ hôn và rể phụ vào trình nhà trai đã tới. Rể phụ vào đặt khai trầu rượu lên bàn kê sát đầu bộ ván giữ, rót rượu ra hai chung, người chủ hôn bung rượu mời cha má tôi uống rồi trình:

- Thưa anh chị, hôm nay ngày lành tháng tốt, như hai bên đã định tiến hành lễ cưới cho hai cháu, nay họ nhà trai mang lễ vật tới, xin anh chị cho phép vào nhà.

Cha má tôi đều mặc áo dài đen, cha tôi đáp lời:

- Chúng tôi xin mời họ nhà trai vào nhà.

Ông chủ hôn và chàng rể phụ bung khai trầu rượu trở ra, rồi hai ông bà chủ hôn đi trước, tiếp theo hai chàng rể và lần lượt những người khác tiếp nối.

HUỶNH ÁI TÔNG

Vào tới nhà, rể phụ đưa rể chánh tới bàn thờ đứng gần cửa buồng bên phải, sau đó đem khai trầu rượu đến đặt ở cái bàn trước bộ ván giữa, những mâm lễ vật gói bằng giấy kính màu đỏ được để thành hàng ngang trước bàn thờ. Các thiếu nữ và thanh niên bung mâm sau khi để mâm vào chỗ được mời ra bàn ngoài nhà ngồi, những người lớn tuổi áo dài khăn đóng được mời ngồi ở bộ ván giữa hay ở hai bên, cái bàn giữa cửa ra vào và bộ ván giữa dành cho cha má tôi và chủ hôn nhà trai.

Sau khi mọi người đã nhanh chóng ổn định chỗ ngồi, lễ cưới được chủ hôn nhà trai tiến hành bằng cách ra dẫu, rể phụ đến rót rượu ra chung, chủ hôn bung hai tay chung rượu mời cha, má tôi uống, rồi nói:

- Kính thưa anh chị chủ hôn và họ nhà gái, hôm nay ngày lành tháng tốt, như hai bên đã đồng ý, hôm nay gia đình họ nhà trai chúng tôi gồm có chị Sáu là má chú rể cùng những người thân tộc là Cậu Sáu, Cậu Bảy và một số thân tộc, chúng tôi mang lễ vật đến đây để xin được phép làm Lễ Tân Hôn, rước dâu về nhà chồng. Về nữ trang, hôm nay chị tôi cho dâu một chiếc kiềng vàng, về lễ vật gồm có rượu, trà, bánh, trái và một mâm trầu cau có đây “búp sen”. Xin anh chị xem, nếu đủ phép xin cho tiến hành “lên đèn” làm lễ.

Cha tôi đáp lại:

- Cảm ơn họ nhà trai đã mang đầy đủ lễ vật, phải phép cho đám cưới, con gái tôi sẽ ra chào họ nhà trai và mẹ chồng trước khi làm lễ.

Sau khi cha tôi dứt lời, chị tôi từ trong cửa buồng bên trái đi ra để chào họ nhà trai, hôm nay chị tôi mặc chiếc áo dài màu hường, chị ấy cúi đầu chào mẹ chồng rồi cũng cúi đầu chào

DẤU XƯA

chung những người ngồi bộ ván giữa, bộ ván tay trái và bộ ván tay phải, bà chủ hôn lấy chiếc kiềng đem đến chỗ chị tôi, dì tôi đón nhận đeo vào cổ cho chị rồi đưa chị sang đứng gần bên anh rể của tôi.

Trên bàn thờ ông bà, chú tôi đốt hai ngọn đèn cầy trên chân đèn, khi ấy cha tôi mới tới bàn thờ, lấy cặp đèn mới, sửa tim rồi chú tôi đốt ngọn đèn cầy khác giúp cha tôi mỗi cặp đèn, sau khi hai tim cặp đèn cháy tốt, cha tôi cầm cặp đèn cùng má tôi đứng trước bàn thờ từ từ xá rồi quỳ xuống cầu nguyện, đứng lên xá rồi để vào bộ lư, nắp bộ lư đã lấy đi từ trước.

Sau khi “lên đèn” xong, cha má tôi nguyện hương và lạy bàn thờ bốn lạy. Sau đó chú tôi hướng dẫn anh rể và chị tôi “Lạy gia tiên” bốn lạy, cả hai đều phải cung tay, anh rể tôi lạy phải “lên gối, xuống gối”, chị tôi ngồi xuôi hai chân một phía ra sau.

Sau khi anh chị lạy gia tiên xong, rể phụ rót rượu, chủ hôn nhà trai bung rượu mời cha mẹ tôi uống cho cặp tôn hôn lạy tạ ơn cha mẹ, tiếp theo đến lạy bác, cô, chú thím, dì, dượng và các anh, chị theo thứ tự từ bên nội rồi đến bên ngoại.

Chỉ có cha má tôi nhận hai lạy của rể, con còn những người khác đều cho. Khi anh chị lạy cha má tôi xong, cha tôi dạy:

- Kể từ hôm nay, hai con thành gia thất, phải ăn ở cho phải đạo làm người, phụng dưỡng cha mẹ, thuận hòa anh chị em, đối xử tốt với họ hàng và bạn bè, biết tu hành. Phải siêng năng làm ăn, biết lo cho con cái về công danh sự nghiệp sau này. Cha má không có nhiều của cải, cho hai con một số tiền, gọi là chút vốn để làm ăn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Mẹ tôi móc túi, đưa cho anh rể tôi một phong bì. Ngoài ra không có ai cho quà hay tiền vì mọi người đã cho khi lạy xuất giá đêm hôm.

Sau đó anh chị tôi vào phòng, ngoài hai họ ăn bánh uống trà, hoặc ăn trầu hút thuốc.

Cha tôi đã dự trù trước, nên lúc đó chú Nguyễn Văn Kiên, Chánh Lục Bộ làng tôi, tôi gọi là chú Tư, tiến hành làm “Hôn Thú”. Sau năm 1945-46, nào là Nhật đảo chánh Tây, Việt Minh cướp chánh quyền, phong trào Thanh niên tiên phong, lực lượng võ trang Hòa Hảo, để bào toàn tánh mạng của mỗi người, cũng như an ninh trong làng, Hương chức làng họp lại, quyết định từ chức, giao nhiệm vụ cho Hương Quản, người ở gần nhà thờ Năng Gù, thuộc xóm đạo, toàn quyền quyết định mọi việc, yêu cầu Chánh Lục Bộ tiếp tục giữ sổ bộ, Khai sanh, Khai tử, Giá thú và một người nữa tiếp tục phát thư từ của Buu Điện. Do đó, cha tôi nhờ chú Tư dự lễ cưới, làm Giấy Hôn thú ngay trong đám cưới. Chú Tư hỏi và ghi tên họ chú rể, cô dâu, năm sinh, tên cha mẹ, nghề nghiệp, chỗ cư ngụ, vợ chánh hay vợ thứ, người chứng... rồi đương sự và người chứng ký tên vào sổ.

Sau đó rể phụ lại rót rượu, chủ hôn nhà trai lại bung chung rượu mời cha má tôi uống để xin “rước dâu”.

Cô, Dì tôi chuẩn bị hai mâm hời quả, khi rước dâu nhà trai ra trước, đến khi họ nhà gái ra có mấy chị phụ bung những gói gói, mừng, mền. Chị tôi đi với anh rể, chị bung một cái quả tròn màu đen, cần xà cừ, đường kính chừng bằng cái mâm, cao chừng 3 tấc, bên trong quả sơn màu đỏ, quả có một cái ngăn ở trong để chia thành hai phần, phần dưới chừng 2 tấc, phần trên

DẤU XƯA

là cái ngăn, cái ngăn này có ba miếng chặn đặt chéo nhau, nên chia cái ngăn thành 6 phần nhỏ.

Có lần má tôi cho biết cái quả ấy, bà ngoại tôi mua cho má khi về nhà chồng, nay má cho chị, trong quả ấy theo tôi biết đựng những vật linh tinh như kim, chỉ, nút áo, nữ trang, tiền và một ít bánh trái, để về nhà chồng, lạ nước lạ cái khi đói bụng có mà ăn.

Họ nhà trai đi chiếc ghe máy không mui, họ nhà gái đi chiếc “Ghe hầu” gắn máy, ghe hầu là một chiếc ghe có mui ván, có cửa trước, cửa sau, cửa sổ, sơn một màu xanh thanh nhã, trông rất đẹp. Ngày xưa các Thầy Cai, hương chức làng như Hương Cả, Hương Chủ có tiền sắm ghe như vậy để di chuyển trên sông rạch, đi chỗ nọ chỗ kia, có người chèo ghe, nấu ăn thường dùng đi “hầu” quan quận, quan chánh tham biện, do vậy gọi là “ghè hầu”. Có lẽ do chiếc ghe hầu trang trọng nên anh rể và chị tôi được xếp đi bên chiếc ghe hầu, tôi cũng đi chiếc ghe hầu này, vì nó nhỏ nên chỉ chứa chừng 15, 16 người. Máy đuôi tôm nổ, ghe từ từ tách bến, tôi thấy chị tôi đứng bên anh rể không cầm được nước mắt, cứ nhìn lui lại bến sông, ngôi nhà mình.

Hai chiếc ghe máy chạy chạy theo xép Năng gù, ra khỏi đuôi cù lao chạy một đoạn ngắn trên sông Hậu rồi vào rạch Mặ Cần Dung, lần đầu tiên tôi đi vào đây, thấy bên tay trái có chợ, có đường lộ, có nhà cửa san sát, bên tay phải không có đường lộ, xa xa mới có nhà. Vì là rạch, tuy rộng lớn nhưng khúc cong qua, khúc lộn lại không thẳng tắp như kinh đào hay kinh xáng múc.

Từ nhà tôi, ghe máy chạy cũng gần cả giờ mới đến nhà anh rể tôi, khi hai chiếc ghe máy đậu xong, đàn trai lên bờ trước, từ cổng “Tân Hôn” của nhà trai, pháo nổ dồn tai, đón chào hai họ,

HUỲNH ÁI TÔNG

mừng cô dâu chú rể. Sau đám trai là đám gái vào nhà, tôi được mời ngồi ghế bên cạnh chú em họ làm thầy giáo ở tại tỉnh lỵ Châu Đốc, bàn chúng tôi ngồi gần sát đường đi, tuy được thoáng mát, nhưng cách xa nơi hành lễ, nên tôi không thấy lễ lạc chi hết.

Rồi chúng tôi được tiếp đãi ăn uống, thức ăn dọn một lần để đầy một bàn tròn, nào là món gỏi, món xào, món kho, món nướng, những đĩa rau tươi, dưa leo, tôi thích nhất món cù lao vì có những món ăn lạ miệng. Uống thì mỗi người một ly Xi-rô đỏ với nước đá. Tráng miệng có cam tươi rồi uống trà với bánh in và bánh men.

Tiệc tàn, họ nhà gái chúng tôi ra về, nhà trai đưa ra bến sông, chị tôi đứng bên anh rể, chị không cầm được nước mắt, cha má tôi không nói với chị ấy tiếng nào, nhưng tôi thấy má cố nén xúc động im lặng nhìn hình dáng chị tôi, từ khi chiếc ghe hầu rời bến cho đến khúc rạch kia bị hàng cây che khuất.

Khi ấy cha tôi dặn, tôi mới biết vì sao mình lại được đi theo nhà gái, đưa chị về nhà chồng:

- Con nhớ xóm này và nhà đó nghe, có việc cha sẽ sai con đi, biết mà tìm nhà cho đúng khỏi bị lạc.

Ba ngày sau đám cưới, sáng sớm anh rể và chị tôi về, xách theo một cặp vịt ta, một cái giỏ bàng, vào trong nhà lấy ra nào rượu, nào trà nào trái cây và bánh. Trong nhà bắt đầu làm vịt, nấu một mâm cơm canh cúng ông bà gọi là “Phản bái” hay ngày “Đỡ mâm trầu”.

DẤU XƯA

Rồi dọn lên bàn thờ có đĩa trái cây, đĩa bánh, thức ăn thì có món vịt xào xả ớt, vịt nấu canh kim châm, bộ lòng xào với bông cải, nấm đông cô, cà rốt.

Tối mục Dở mâm trầu, cha tôi bảo chị tôi lấy một cái đĩa, anh rẻ tôi bung mâm trầu có đây cái “Búp sen” vào trong phòng. Hai vợ chồng dở Búp sen ra, lấy trầu, cau để vào đĩa đem lên bàn thờ cúng. Ngoài anh rẻ và chị tôi, tuyệt đối không ai được vào trong phòng nhìn xem. Người ta truyền tụng rằng sau khi dở mâm trầu ra, ai lấy trước người đó sẽ cầm quyền trong nhà. Tin “dị đoan” hay không, tôi nghĩ cái đó đúng, bởi vì người ta có thể nhường nhịn hay quyết đoán lúc ấy chớ không có chi huyền bí. Để tránh miệng đời dị nghị, người ta giữ kín không người khác xem thấy khi dở mâm trầu.

Sau khi anh rẻ tôi mang đĩa trầu cau đặt lên bàn thờ, hai anh chị tôi thắp hương, lạy ông bà bốn lạy, thế là xong thủ tục Phán bái.

Thủ tục này có điều hay là vợ chồng mới, biết bao khó khăn buổi đầu, cô dâu không có người thân thích, bạn tâm đầu bên cạnh làm sao biết hỏi han, bày tỏ cùng ai, cho nên ba ngày sau về lại nhà mình, có thể tâm sự cùng mẹ, cùng chị em bạn thân, để vượt qua khó khăn bước đầu làm dâu, làm vợ.

Gần sáu mươi năm qua, nhà anh rẻ tôi đã cất lại, nhưng cái căn nhà cũ, vẫn còn in rõ trong trí nhớ của tôi. Anh chị tôi đã có cháu gọi bằng cố, anh ấy mất năm kia, chị còn vẫn khỏe. Lần nào về, tôi cũng ghé thăm chị để được ăn bánh xèo bông điên điển, uống nước dừa tươi ngọt lịm, lúc đưa chị đi thăm Thạch Động, xem hòn Phụ Tử, khi đi Đà Lạt viếng Thiền Viện Trúc Lâm chùa Linh Phong, để cho chị được hưởng chút thanh nhàn,

HUỶNH ÁI TÔNG

rửa sạch nước phèn những năm chị theo má khai phá đất lâm làm ruộng.

Chị lấy chồng, đám cưới đầu tiên và duy nhất cha má tôi đứng chủ hôn gả con gái mình, năm sau chị sanh đứa con trai, cha má tôi được bông ẵm cháu, vài tháng sau, đầu năm cha tôi “qui tiên”, cuối năm má tôi “nối gót” theo chồng, bỏ lại anh em chúng tôi côی cút. Chỉ có chị Ba tôi, đã làm tròn chữ hiếu, trọn nghĩa làm con. Nghĩ mà thương chị.

Louisville, 15-01-2011

Tôi làm Phù rể



Lần đầu tiên tôi làm phù rể, năm đó vào khoảng năm 1958, tôi mới mười bảy tuổi, là học sinh ở tỉnh lên Sài Gòn học, rồi chơi thân với anh tài xế Xinh, nhà anh ở trong con hẻm cuối đường Duy Tân, anh cưới vợ ở trên Bà Điểm.

HUỶNH ÁI TÔNG

Chơi thân với nhau, tôi không hiểu vì sao cùng năm bảy đứa bạn, anh lại chọn tôi? Tôi muốn giúp anh, nhưng trong đám cưới những nghi lễ phải theo phong tục, tôi không hiểu mình phải làm gì và có làm cho vuông tròn vai trò của mình không?

Có những điều người ta thường tin vào những cái “huông”, rơi vào dị đoan, mê tín. Chẳng hạn như mâm trầu cau, trầu phải đếm chẵn chục mà phải hai chục, bốn chục, sáu chục ... Cau nguyên một buồng, cũng phải đếm số trái cau trong buồng ấy phải là số chẵn, các mâm lễ vật như rượu, trà, bánh, mứt, trái cây đều phải đủ cặp, đủ đôi.

Những người đi rước dâu đã có gia đình, thì cũng phải là những gia đình đầm ấm, vợ chồng không chấp nôi, con cái không bỏ mắt đứa nào. Còn nữa, lúc để trầu cau vào mâm, quả hay khi vợ chồng mới “dỡ mâm trầu”, đều phải giữ kín không cho ai nhìn vào. Đeo nữ trang, lên đèn cúng gia tiên cũng phải lựa cặp vợ chồng đạo đức, sống hạnh phúc, con cái ngoan ngoãn, thậm chí trái chiếu, giảng màn cho cặp tân hôn người ta cũng lựa người để lấy cái “huông”.

Tôi không biết mình phải làm gì, như thế nào nên hỏi anh Xinh:

- Tôi phải làm gì khi làm rể phụ cho anh?

- Trước tiên, khi chàng trai đến nhà gái, lúc chuẩn mâm quả hàng ngũ để đi vào nhà gái, chú mày bung khay trầu rượu vào trình, nhà trai đã đến, xin phép vào làm lễ.

- Vào trình và xin phép, phải làm như thế nào anh?

DẤU XƯA

- Khi cậu vào nhà gái, người ta đã chuẩn bị sẵn rồi, cha mẹ cô dâu hay người chủ hôn sẽ ngồi ở cái bàn hoặc bộ ván giữa nhà, cậu đặt khai trầu rượu ở đó, nhà gái thấy cậu đặt đúng chỗ, họ sẽ không nói gì, nếu cậu đặt sai chỗ người ta sẽ chỉ cho cậu đặt đúng chỗ, đó là nơi cha mẹ hay chủ hôn nhà gái. Cũng nói thêm cho cậu biết, sớ dĩ gọi là khai trầu rượu vì trong cái khai đó có trầu và rượu, trầu người ta tằm vôi sẵn cuộn tròn lại, cau tươi bỏ sẵn và thuốc xia nữa, những thứ này để trên cái đĩa, hoặc người ta để trong cái hộp thau. Còn rượu người ta đựng trong cái chạn với 2 hay 4 cái chén chung, những chén chung để trong cái đĩa.

- Khi khai trầu rượu đặt đúng vị trí, nếu trầu đựng trong hộp, cậu dỡ nắp hộp ra, rồi rót rượu vào tất cả các chung, xong cậu bung hai tay cái chung rượu, đưa cho người chủ hôn, nếu cậu không biết ai là chủ hôn thì đưa cho người lớn tuổi nhất ở trong bàn hay bộ ván, nếu cậu đưa đúng, người ấy sẽ tiếp ly rượu của cậu, nếu không đúng, người ấy sẽ chỉ cho cậu người chủ hôn, thông thường bên nhà gái chỉ cho cậu biết ai là chủ hôn, để cậu đặt đúng chỗ và mời đúng người, người chủ hôn sẽ uống hết chung rượu đó hoặc chỉ đưa chung rượu lên miệng, nhấp môi rồi đặt chung rượu xuống, khi ấy cậu sẽ nói:

- Kính thưa quý vị, họ nhà trai mang đầy đủ lễ vật đến, xin quý vị cho phép vào làm lễ.

- Chẳng may nhà gái bắt lỗi, phải quấy mình phải làm sao ?

- Cậu là rể phụ, lúc đó phải tùy cơ ứng biến, nhưng đừng lo, ngày xưa có khi người ta ra câu đối, cậu phải đối lại, nhưng bây giờ thì không còn như xưa, ai cũng muốn cho hôn lễ tiến hành tốt đẹp, không có trở ngại gì, vậy cậu đừng lo.

- Rồi sao nữa ?

- Nhà gái họ sẽ bảo cho cậu biết là họ đồng ý mời nhà trai vào, như thế cậu lại bung khay trà rượu trở ra chỗ đàn trai, cậu sẽ đi đầu, hướng dẫn họ nhà trai đi vào, đương nhiên họ nhà gái sẽ đón tiếp và mời họ nhà trai ngồi, dĩ nhiên chủ hôn nhà gái và nhà trai sẽ ngồi đối diện nhau chỗ trang trọng nhất, cậu đặt khay trà rượu ở trước mặt chủ hôn nhà trai.

Khi thấy họ an vị xong, cậu lấy nhạ rót rượu vào chung, trong chung có rượu sẵn dùng đổ bỏ, chỉ cần rót thêm một chút vào, do vậy không bao giờ rót đầy chung rượu, để mỗi lần mình có thể rót thêm một chút, cũng đừng bao giờ đổ chung rượu thừa. Rượu cậu rót đó, ông chủ hôn nhà trai sẽ mời chủ hôn nhà gái uống để xin tiến hành làm lễ.

- Làm lễ như vậy là xong phận sự của tôi rồi phải không ?

- Gần đúng nhưng chưa phải vậy, trong lễ nghi, mỗi lần chủ hôn nhà trai muốn nói điều gì, đều phải theo phép mời rượu chủ hôn nhà gái rồi mới nói, do vậy, cậu luôn luôn phải đứng gần khay trà rượu, kể ông chủ hôn nhà trai, để khi ông ấy ra dẫu hoặc bảo cho cậu biết mà rót rượu vào chung, để ông ấy bung mời chủ hôn nhà gái.

Như nhớ ra điều quan trọng anh nói thêm cho tôi biết:

- Rễ phụ có nghĩa là cậu phụ giúp cho chàng rể, do đó ở nhà gái cũng như khi rước dâu về nhà trai, sau khi lạy bàn thờ ông bà, chàng rể và cô dâu sẽ lạy vừa để tạ ơn, vừa để nhận mình con, cháu, em trong gia đình, lúc đó cậu phải giúp rót rượu bung hai tay mời, để chú rể với cô dâu lạy.

DẤU XƯA

Trước khi ra về, cậu phải rót rượu cho chủ hôn nhà trai mời nhà gái uống để xin phép rước dâu, sau đó vợ chồng mới, sẽ lạy bàn thờ trước khi rời khỏi nhà gái, cậu chờ cho chủ hôn trai đứng lên, cậu sẽ bùng khai trầu rượu đi về.

- Nhưng mà anh bị “bắt rể” thì sao?

Anh Xinh cười bí mật, tiếp:

- Có khi “chuột sa hũ nếp”, cũng có khi không phải vậy, tôi thì hằng ngày vẫn ở dưới này đi làm, thứ bảy, chủ nhật hay ngày lễ mới về trên ấy mà thôi. Cậu cứ yên chí không có gì khó hết! Nói là cậu phụ tôi, nhưng tôi sẽ nhắc tuồng cho cậu.



Thế là tôi làm Phù rể cho anh Xinh, diễn tiến tốt đẹp, nhưng có chút ngoại lệ vì “nhà gái bắt rể”, nên sau khi làm lễ nhà gái xong, chủ hôn nhà trai xin phép cho đôi tân hôn làm lễ ra mắt nhà trai, sau đó nhà gái đãi khách hai họ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tiệc xong, tôi rót rượu để chủ hôn nhà trai xin phép gửi gắm chàng rể lại nhà gái và xin kiếu từ. Cô dâu, chú rể cũng như chủ hôn nhà gái đưa khách ra tận cổng để lên xe.

Sau đó, tôi còn làm phù rể cho nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, nhà văn Nhất Giang và lần sau cùng tôi làm Rể phụ cho Huỳnh Bảo Toàn, con của chú tôi. Lúc tôi vào trình nhà trai đến, khi tôi bung chung rượu lên thì có người chỉ cho tôi biết chủ hôn là một mệnh phụ, tôi dâng rượu cho bà ấy để trình nhà trai đến và xin được phép vào làm lễ. Sau đó tôi mới biết bà ấy là nội tổ của cô dâu.

Ghi lại chuyện phù rể vài chục năm trước ở quê nhà, để nhớ tới phong tục cưới hỏi của ta, ngày nay người ta đơn giản nhiều, ước mong cái hay, cái đẹp của văn hóa được gìn giữ và phát huy.

- & -

Đặt tên cho con



Nhiều nước, người ta đặt tên cho con vì mến mộ người nào đó, lấy tên người đó đặt tên cho con mình, như tên Thánh hay các vị anh hùng, hay trong thân tộc. Hoặc giả là có âm thanh êm tai.

HUỶNH ÁI TÔNG

Người Việt và người Trung Hoa không như vậy, luôn luôn đặt tên cho con mình mang một ý nghĩa nào đó. Chẳng hạn như con gái ước mong sau này trở nên mỹ nhân thì chọn tên Mai, Lan, Cúc, Trúc, Huệ, Hồng ..., hay các loài chim đẹp như Loan, Phượng... Con trai lựa những tên để mong cho con mình sau này lớn lên trở thành người có tiếng tăm như tên Hùng, Dũng, Mạnh ..., trở nên người có đức hạnh như tên Đức, Nghĩa, Nhân ..., trở nên giàu có như tên Phú, Quý ... Khi ghét ai, thì lấy tên cha, mẹ người mình ghét đặt cho tên con, để khi kêu tên con mình, chửi con mình là kêu tên, chửi cha mẹ kẻ thù ghét của mình.

Dĩ nhiên những tên mang những ý nghĩa đẹp không nhiều, nên đặt tên tới lui rồi cũng sẽ bị trùng. Người Việt kiêng cử gọi tên của các bậc vua chúa, quan lại, ông bà của mình. Ngày xưa đi thi phải tránh tên vua gọi là húy, làm bài mà phạm húy chẳng những bị đánh rớt mà còn mang tội.

Gánh hát bội ngày xưa, đến làng nào hát người ta phải dò hỏi, những ông Hương chức như Hương Cả, Hương Chủ tên chi để họ tránh gọi tên. Chẳng hạn như ông sơ tôi Nguyễn Hà Thanh, phủ hồi hưu ở trong làng, khi hát tuồng có Địch Thanh thì họ phải gọi trại ra là Địch Thịnh.

Do phải kiêng cử tên của vua, quan những bậc trưởng thượng, nhiều khi người ta đặt tên con rất tầm thường. Chẳng hạn như ông cố tôi tên Suốt, ông có 3 người con gái, ông đặt tên bà nội tôi là Thoi, một bà nữa là Thiêm và bà kế nữa là Kim, toàn là những vật dụng may, dệt.

Em của bà cố họ Dương của tôi, đặt tên cho con, cô tôi bảo: “Ông ấy đặt tên, gồm đủ cả làng, không sót một ai: Các, Chức, Thôn, Trưởng, Trùm, Tân, Cự, Ấu.”

DẤU XƯA

Một người nữa là em của bà cố tôi, cũng là em của ông vừa kể, không biết ông ấy có “tứ đồ tường” không, lại đặt tên con: Hạp, Từu, Sắc, Cầm, Kim, Tranh, Chung, Huê, Trắc.

Có một anh, cũng con cháu họ Dương, tôi nghĩ anh ta tên Chiêm, nhưng anh ta nghĩ mình tên là Chim, có con gái đặt tên Cò, thằng con trai kể đặt tên Diệc. Như vậy thuộc loài thượng cầm: Chim, Cò, Diệc.

Hồi nhỏ, trong xóm tôi có một ông cùi, khi tôi biết thì, tay, chân bị rút, mũi và tai bị biến dạng nhưng không còn bị lở lói gì nữa. Cô tôi cho biết, hồi trẻ ông ấy lành lặn, ngày đám cưới của ông ta khi rước dâu về, trên sông có con cá nổi lên, người ta vớt về nấu ăn, không ai bị gì cả chỉ có ông ấy bị cùi.

Sau khi bị cùi, ông ấy có người con trai đầu lòng, ông đặt tên Trân, vài năm sau có người con trai kế, ông đặt tên Nải, vài năm sau nữa hơi thừa ra một chút, bà sanh con gái, ông đặt tên Lọt, và vài năm sau nữa bà sanh thêm một người con gái, ông đặt tên Lạt sau đó, ông cho phép bà đưa về nhà một người đàn ông cũng ở gần đó chẳng xa, về sống chung vợ chồng. Bấy giờ người ta mới biết ông đã đặt con rất chính xác, người con đầu lòng là con ông, còn những người sau không phải con ông nữa.

Gần nhà tôi có người bà con họ Quách, tôi gọi bằng ông. Ông ta “không biết chữ nhứt một”, không giao du bạn bè, con ông ta đặt tên rất ý nghĩa: Tường (gái), Vũ (trai), Vương (trai), Công (trai), Phụng (gái).

Chẳng những đặt tên con tránh trùng tên các bậc trưởng thượng, người ta cũng tránh đặt những tên quá tốt sợ bị người “khuất mày khuất mặt” quở, vật chết hay bắt theo hầu. Có nhà

HUỶNH ÁI TÔNG

sanh con trẻ bị chết khó nuôi, người ta lựa những tên xấu để đặt cho con như “thằng cu”, “cái tũn” ...

Ngày xưa, như đã nói đầu, kếp hát phải kiêng cử tên vua chúa, các quan chức. Giải trí thuở trước có gì ngoài hát bội, Tả quan Lê Văn Duyệt có một gánh hát bội riêng, Thoại Ngọc Hầu cũng có gánh hát bội riêng, trong lăng mộ Thoại ngọc hầu, có 14 ngôi mộ của đào kếp và con họ.

Vì sự kiêng cử hoặc vì ghét các quan, gánh hát cũng thường bày trò chửi xéo, người ta kể rằng có hai anh hề ra diễn, để chửi xéo Tả quân Lê Văn Duyệt, một anh nói:

- Tao đổ mày, trên đời này có con chi không phải đực, không phải cái.

- Trên đời này, không đực thì cái, có giống chi không phải đực không phải cái, tao chịu thua, nhưng mày phải giải thích cho đúng nghe, không đúng mày biết tay tao!

- Có thiệt tao mới đổ chớ !

- Vậy là chi ?

- Dễ ợt mà mày cũng không biết, đó là con thần lẩn!

Tôi có biết chuyện đặt tên liên quan tới ông Đại Hương Cả của làng tôi, nhà ông cách nhà tôi một căn nhà khác, tôi gọi ông là ông Năm, chắc là hàng xóm chớ không phải bà con.

Ông Năm có người cháu, vợ mới sanh con gái. Ba hôm sau, ông mặc áo dài, khăn đồng và con trai mang khai trầu rượu tới

DẤU XƯA

nhà người cháu này, sau khi an vị ở nhà người cháu, con trai ông rót rượu ra chung, ông ôn tồn nói với cháu:

- Uống chung rượu đi cháu, cậu có việc phải nhờ đến cháu!

- Dạ ! cháu là con cháu, cậu có chi dạy xin cứ dạy bảo, cháu làm theo, cháu đâu dám uống rượu của cậu.

- Cháu đã nói vậy, thì để cậu nói, cháu mới đặt tên cho con của cháu, nên hôm nay cậu đến đây, xin cháu đặt tên khác, cho cậu xin lại tên ấy vì là tên bà ông của cậu.



Khai trà rượu

HUỲNH ÁI TÔNG

Thế là người cháu quý xuống, lạy lạy lại để thừa với ông cậu Đại Hương Cả của mình.

- Thừa cậu! Vợ chồng cháu không được biết tên bà, cậu đã dạy nay cháu mới biết, cho cháu xin đến ngày mai nấu nồi chè đặt lại tên khác, cháu không dám phạm thượng, xin cậu tha lỗi cho.

Bác tôi biết chữ Nho, nhưng không hiểu sao bác đặt tên cho con gái Huỳnh Dung Vặn, vào khoảng năm 1960 chị ấy đi làm Thê Căn Cước. Toán Căn Cước ở tỉnh về làng làm Thê, gọi tới tên Huỳnh Dung Vặn chị ấy bước vào, anh chàng phụ trách nói:

- Tôi gọi Huỳnh Dung Vặn, bộ chị không nghe rõ hay sao chị lại vào đây ?

- Thì anh gọi tôi mới vào !

- Tôi nói tôi gọi anh Huỳnh Dung Vặn chứ không gọi chị!

- Tôi tên Huỳnh Dung Vặn, khai sanh tôi nè!

Bấy giờ, anh chàng làm Căn Cước mới hiểu chị ấy thật là tên Huỳnh Dung Vặn. Đến khoảng 10 năm sau, anh tôi làm Ủy viên Hộ tịch, bác tôi đi làm khai sanh cho cháu nội. Anh tôi cẩn thận nói với bác:

- Thừa Bác Hai, trong sổ bộ Khai Sinh không được sửa chữa, chắc Bác đã chọn cẩn thận rồi, muốn đặt tên chi ? Bác cho con biết con ghi vào.

Bác tôi không suy nghĩ nói:

DẤU XỬA

- Nó thứ hai. Bác gái mày với tao đặt nó là Huỳnh Thị Hai.

Vậy thì để con viết vô, rồi bác ký tên người đứng khai. sau khi làm xong Bác tôi rời trụ sở Hội Đồng Xã ra về, được một lúc bác ấy quay trở lại, nói với anh tôi:

- Bác muốn sửa tên nó.

- Thừa Bác không được, con đã giải thích cho Bác biết rồi không sửa chữa sổ bộ được, luật pháp đã quy định. Con không làm theo ý Bác được.

Bác ấy suy nghĩ một chút rồi hỏi:

- Thêm được không ?

- Dạ được!

- Vậy thì thêm cho Bác Huỳnh Thị Hai Suyễn.

- Huỳnh Thị Hai được rồi! Bác thêm chi tên Suyễn nữa ?

Bác không suy nghĩ, giải thích:

- Ấy! Nó bị bệnh suyễn. Nên đặt nó tên Suyễn cho dễ nhớ!

Vì để cho dễ nhớ đó, nên có người mang tên Lượm, đó là con nuôi, như người ta lượm được từ ngoài mang vào nhà, có người mang tên Rớt, vì người đó bị sanh rơi rớt ở ngoài đồng, ngoài đường chớ không phải ở nhà hay nhà bảo sanh.

Trong gia đình tôi “tên cũ, chữ đọc”, do vậy bà Cố tôi tên là Dương Thị Út, nên không có ai thứ Út, cũng như mọi người

HUỶNH ÁI TÔNG

Nam đều không có anh cả, chị cả. vì người ta cho thứ Cả là đầu tộc, phải đi về Bắc hay Trung giữ Từ đường, gia đình phải ly tán.

“Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục”. Những tên Justin, Jason, Davis, Tristine. Leyna sẽ thay hết những Hùng, Dũng, Nhân, Nghĩa, Cúc, Lan, Thúy ... Hình như người ta có quan niệm phải đặt tên Mỹ cho người Mỹ để đọc và nhất là phải thay đổi nhanh chóng trăm phần trăm, để hòa vào dòng chính người Mỹ.

Có những hôm tôi thấy mình bị lạc lõng, không phải lạc trong đám người Mỹ xung quanh mà lạc lõng trong chính người Việt của mình, như dòng nước chảy ngược, như bầy cá hồi.

Louisville, ngày 11-1-2011

Thôi nôi cháu ngoại.



Mười mấy năm trước, tôi về Việt Nam ăn thôi nôi cho đứa cháu đầu tiên, đó là thằng con đầu lòng con gái lớn của tôi. Bên nội cháu cho rằng tôi biết cúng kiếng, nhờ tôi đứng ra cúng vái dùm tại nhà của họ.

Tôi nhớ hồi nhỏ ở nhà chú đi học, chú tôi cúng thôi nôi cho con, cúng chè, xôi, tôi nhớ chú vái “... tạ lễ mười hai Mụ bà, mười ba đức Thầy trong năm qua đã độ cho bé khỏe mạnh, biết cười, biết nói, xin độ cho bé ăn ngon, chóng lớn, học hành thông minh ...”. Rồi chú bẻ một cái hoa trong bình, đưa đến miệng con nói: “xin chư vị độ cho con gái, mở miệng ra cười như hoa, nói lời dịu ngọt, hiếu thuận, được mọi người yêu mến.”

Buổi trưa cúng kiếng ở nhà, cúng trên bàn thờ ông bà hoa quả và chè, xôi. Đặc biệt trên bàn cúng đầy thúng cho cháu một bình hoa to, một đĩa lớn trái cây, mười hai chén chè cho Mụ bà và 13 chén xôi cho các đức Thầy.

HUỶNH ÁI TÔNG

Lại chuẩn bị cho cháu một cái mâm bày biện: quyền sỏ tay, cây bút chì, cây kéo, cái lược, cái gương, một nắm xôi, tôi nhớ ở nhà quê người ta còn để nắm đất. Đây là những món người ta dùng để xem đứa bé thích món nào, hay có khuynh hướng phát triển thế nào? Chẳng hạn như sỏ tay có khuynh hướng trở thành văn thi sĩ, chọn cây bút thích học hành, cây kéo thích vá may thuê thùa, cái gương, cái lược thích trang điểm ăn mặc chung dọn, nắm xôi thích ăn uống, cục đất thích làm nghề nông.

Thằng cháu ngoại tôi sau khi cúng, cho nó ngồi xuống nền nhà, để cái mâm đã bày mấy món tượng trưng, nó bò lại bốc quyền sỏ tay, mẹ nó thử lấy quyền sỏ từ trong tay nó ra, liệng đi xa chừng 1 thước, nó cũng bò tới lấy. Ông bà nội cháu hài lòng nói:

- Thằng này bỏ nghề nhà, buôn bán bông hoa, cây cảnh, thích sách vở, muốn thành văn nhân thi sĩ!

Nó là cháu nội đầu tiên, nên được nâng niu, buổi chiều ông bà nội và cha mẹ cháu mời một ít khách, đãi tiệc Thôi Nôi cho cháu ở nhà hàng nổi trên bến sông Sài Gòn.

Từ đó cho đến sau này, tôi biết cúng đầy tháng hay cúng giáp năm cho đứa bé gọi là cúng Thôi Nôi là cúng tạ lễ cho mười hai bà mụ đã nắn tay chân, tạo hình hài cho đứa bé, bảo hộ cho nó được tròn tháng, tròn năm. Còn dạy cho đứa bé biết khóc, biết cười, biết đòi bú mớm, ẵm bồng, phân biệt lạ quen là do mười ba ông Thầy.

Xưa kia nuôi một đứa trẻ sơ sinh cho đầy tháng cũng như tròn năm là rất khó. Cho nên người ta tin có sự phò hộ của các đấng vô hình. Lúc bà mẹ nằm cữ, người ta còn treo ở cửa ra vào một

DẤU XƯA

nhánh xương rồng, lỏm chỏm đầy gai, một gói trầu tằm vôi với cau, vài cái vỏ ốc bươu, để trấn ếm trừ khử tà ma. Trong năm, đứa bé đi xa khi về bên nội, bên ngoại người ta còn dùng lọ nghẹ bôi lên trán, có người cho đó là làm dấu, có người cho là làm cho nó xấu xí đi, ra đường khỏi bị người khuất mày khuất mặt quở. Đó chẳng qua chỉ là sự mê tín.

Còn cúng đầy năm gọi là thôi nôi, vì đứa bé khi còn nhỏ nuôi nó trong cái nôi, tránh khi nó lăn, nó bò bị té trầy da, súc trán, có khi thương tật tay chân, khi đủ năm có thể không cần đến cái nôi, do đó gọi là thôi nôi.

Cúng thôi nôi, người ta thường nghe người xưa nói cúng “mười hai Mụ bà, mười ba đức Thầy”, người ta tìm thấy có gốc tích mười hai bà mụ. Đó là:

- Mụ bà Trần Tứ Nương, coi việc sanh đẻ (chú sanh)
- Mụ bà Vạn Tứ Nương, coi việc thai nghén (chủ thai)
- Mụ bà Lâm Cửu Nương, coi việc thụ thai (thủ thai)
- Mụ bà Lưu Thất Nương, coi việc nặn hình hài nam, nữ (chủ giới tính).
- Mụ bà Lâm Nhất Nương, coi việc chăm sóc bào thai (an thai)
- Mụ bà Lý Đại Nương, coi việc chuyển dạ (chuyển sanh)
- Mụ bà Hứa Đại Nương, coi việc khai hoa nở nhụy (hộ sản)
- Mụ bà Cao Tứ Nương, coi việc ở cữ (dưỡng sanh)
- Mụ bà Tăng Ngũ Nương, coi việc chăm sóc trẻ sơ sinh (bảo tống)
- Mụ bà Mã Ngũ Nương, coi việc ẵm bồng con trẻ (tống tử)
- Mụ bà Trúc Ngũ Nương, coi việc giữ trẻ (bảo tử)
- Mụ bà Nguyễn Tam Nương, coi chứng kiến và giám sát việc sinh đẻ (giám sinh).

HUỲNH ÁI TÔNG

Nhưng người ta không tìm ra gốc tích của mười ba đức Thầy, nên có một bài viết của Viện Nghiên Cứu Văn Hóa cho không phải mười ba đức thầy, mà chỉ có ba ông thầy, đó là Tiên sư, Thánh sư và Tổ sư.

Tiên sư là vị thầy đầu tiên, Thánh sư là vị thầy được tôn xưng, phong lên thánh và Tổ sư là vị Tổ của một ngành nghề. Đó là người ta thay thế mười ba thành ra ba. Do vậy, tôi nghĩ phải tìm kiếm truy nguyên, vì ai cũng nghe hay được lưu truyền, ngay người viết bài khảo cứu này, cũng biết tín ngưỡng dân gian tin là có mười ba ông thầy.



Chùa Phước Hải (Ngọc Hoàng Điện) Dakao

DẤU XƯA

Theo **Gia Định Thông Chí** của Trịnh Hoài Đức cúng tạ mười hai bà mụ là tục theo người Trung Hoa.

Mười hai bà mụ có tượng thờ ở chùa Ngọc Hoàng, đất Hộ, Đakao, nay là chùa Phước Hải, 73 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, ở Hội An tại chùa Phúc Kiến cũng có tượng thờ mười hai bà mụ.

Theo sự tìm hiểu của Mai Thực qua bài viết **Bút Ký Hội An** thì xưa kia người Hoa đến Hội An lập chùa Phước Kiến, đầu tiên lợp lá vào năm 1697, đến năm 1757 mới lợp ngói, người Hoa tin tưởng Thiên Hậu Thánh Mẫu hộ trì họ khi vượt biển sang Việt Nam nên mang tượng từ Phúc Kiến sang thờ.



Chùa Phước Kiến (Hội An)

Xưa có chùa Bà Mụ ông Chú lập ở ranh Cẩm Phố và Thanh Hà vào năm 1626, sau dời về Tây Bắc Hội An, nơi đây đất đai

HUYỀN ÁI TÔNG

rộng nên chùa lập cung Cầm Hà bên trái chùa để thờ đức Bảo Sanh Đại Đế cùng ba mươi sáu vị thần trong truyện Phong Thần và bên phải chùa lập cung Hải Bình thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu cùng mười hai bà mẹ gọi là Sanh Thai Thập Nhị Tiên Nương, nơi đây có tên là Cầm Hải Nhị Cung, người dân quanh vùng thường gọi là chùa Bà Mẹ Ông Chú. Sau chỉ gọi là Chùa Bà Mẹ, vì chùa lâu năm không được tu bổ, thấy không an toàn phải hạ xuống, hiến đất cho Giáo Hội Phật Giáo tỉnh Quảng Nam xây dựng trường Trung Học Bồ Đề.

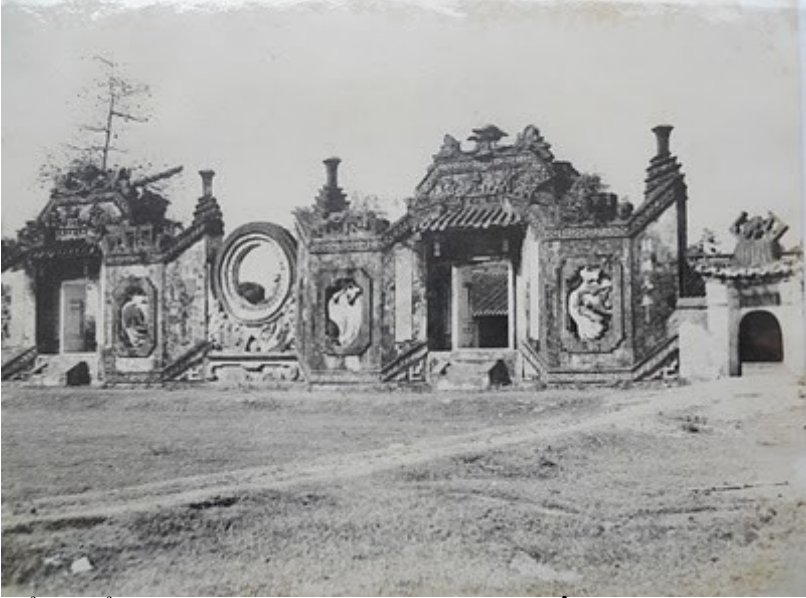
Theo bài viết của ông Trương Duy Cường (hậu duệ của sáu họ trong mười ông người Hoa đến lập nghiệp ở Quảng Nam là Trương, Chu, Huỳnh, Khâm, Thuần, Thái) như sau:

Hiện nay Chùa Bà Mẹ chỉ còn hai công là nguyên vẹn, được chức quyền địa phương bảo quản và liệt vào hạng “Di Tích Lịch Sử” của thị xã Hội An. Còn tượng 12 Bà Mẹ được chuyển đến thờ tại chùa Phúc Kiến – tức Kim Sơn Tự - Tượng Tam Thập Lục Tướng được ký gởi tại chùa Chúc Thánh (phía Bắc cách trung tâm thị xã chừng 2 cây số). Các tượng khắc được ký gởi thờ tại Chùa Âm Bản (do người Triều Châu xây dựng, thờ Phục Tướng Quân Mã Viện).

Trong **Bút ký Hội An**, tìm hiểu về Chùa Bà Mẹ Ông Chú, tác giả Mai Thục đã viết:

Đi tìm giá trị của **Chùa Bà Mẹ Ông Chú**, gặp bài viết của ông Thái Văn Hiếu trên Tạp chí *Văn Hóa Hội An* số Xuân Đinh Hợi, tôi vừa vừa thỏa mãn sự hiểu biết về Bà Mẹ, vừa thêm xót vì Chùa đã mất.

DẤU XƯA



Công Cẩm Hà Nhị Cung hay Chùa Bà Mụ Ông Chú (ảnh chụp năm 1930)

Dân Phố Hội gọi “Chùa Bà Mụ”, nhưng nơi đây không chỉ thờ Bà Mụ mà còn thờ Ông Chú nữa. Đời Hy Tông Hiếu Văn Hoàng Đế năm Bính Dần (1626) xây hai cung Cẩm Hải ở nơi tiếp giáp hai xã Cẩm Phô- Thanh Hà, rồi dời về đây thay chỗ đất tốt hơn. Xưa chùa có hai cung. Cung Cẩm Hà ở bên tả thờ Đức Bảo Sanh (Ông Chú và mười hai vị tướng được phong thần). Cung Hải Bình bên hữu thờ Thiên Hậu, bà Chúa Thiên Thai và Mười hai bà Mụ. Cung cách bài trí nơi thờ cũng mười hai vị thần và Mười hai bà Mụ mang tính triết lý Á- Đông, định vị theo nguyên tắc: Đực- Cái, Trống- Mái. Thuyết Âm- Dương dựa theo: Lục Kinh, Lục Tánh, Can Chi... Tượng Mười hai bà Mụ đặt dưới tượng bà Chúa Thiên Thai, xếp thành hàng ngang hai cấp, trên dưới. Tượng mỗi bà Mụ một dáng điệu, tình cảm tinh tế: bà bông, bà bé, bà ăm, bà cồng, bà điệu... Tình tượng ầu

HUỲNH ÁI TÔNG

nhi sinh động: đũa nằm ngửa, đũa nằm nghiêng, đũa bú ngòì được ẵm trên tay bà Mụ, miệng ngậm vú, bầu sữa căng tròn, bà Mụ nở nụ cười tự hào hãnh diện “ làm mẹ thế gian”.

Cung thờ Mười hai bà Mụ theo biểu tượng Can Chi. Ấu nhi sinh thành, lấy Can Chi để tính tuổi: Tý, Sửu, Dần, Mão...Mỗi Chi hợp với một Can: Giáp, Ất, Bính, Đinh...thành tuổi Mụ: Giáp Tý, Ất Sửu...

Cung Cầm Hà thờ mười hai vị thần (Ông Chú) biểu tượng của Lục Kinh, Lục Tánh. Các vị thần được điêu khắc khá độc đáo, hiện trên nét mặt mỗi người một tính cách: Hỷ, Nộ, Ái, Ố, Lạc, Ai... Mười hai vị thần là mười hai ông thầy dạy dỗ cho ấu nhi, từ bước đi chập chững cho đến khi bước vào ngưỡng cửa trường học và trường đời:

- *Học Kinh Dịch* để biết được sự biến hóa của đất trời, Âm-Dương, bốn mùa, Ngũ hành...

- *Học Kinh Lễ*, dạy đạo đức làm người, tu thân, tề gia, trị quốc, kỷ cương, luật pháp.

- *Kinh Thư* luận bàn, nghiên cứu các triều đại vua chúa thời trước, hiểu được cái hư, cái thực, xấu, tốt để có đường lối chính trị đúng. Người trị quốc lấy dân làm gốc, dân lấy ngũ cốc làm đầu. Dân no nước được yên bình.

- *Kinh Thi* chép thiên thời địa lý, núi sông, hang, suối, chim muông, cây cỏ, trồng mái, đực cái, muôn thú.

- *Kinh Nhạc* để khỏa nỗi niềm, hòa hợp cuộc sống, thêm niềm vui vị tha, hi xả.

DẤU XỬA

- *Kinh Xuân Thu* có mấy vạn chữ tới mấy ngàn. Vạn vật tan hợp đều ở *Kinh Xuân Thu*. Trước mặt ta có kẻ gièm pha mà ta không biết, sau lưng ta có quân giặc mà ta không hay. Người làm tôi không thể không biết *Kinh Xuân Thu*, khi gặp việc thường không biết nên ứng xử như thế nào? Gặp việc biến không biết xoay sở ra sao? Làm sao thành người?

Ông Thái Văn Hiếu tâm đắc với sự dạy làm người của cổ nhân mà luận bàn:

“Lục Tánh- người đời ai chẳng có lúc mừng, giận, yêu, ghét, vui, buồn. Sách ghi: Dù là bậc hiền triết, thánh nhân, vĩ nhân, đáng minh quân, trăm lần nghĩ có một lần sai. Dù dân đen dốt nát, trăm lần nói có một lần đúng. Thậm chí kẻ điên, người khùng nói ra thánh hiền cũng phải nghe. Bất luận thời đại nào cái cảnh lẫn lộn: đen/ đỏ, thiện/ ác, trung/ nịnh, tốt/ xấu, vinh quang/ đê hèn... luôn đan xen đồng hành, chèn ép, trừ khử lẫn nhau, khó lường nổi. Nay nó vẫn nhờn như tồn tại, hiển hiện trên đời. Tai hại lắm! Tai hại lắm!

Ta thờ Bà Mẹ Ông Chú cốt mong mọi sinh linh hòa đồng, yên bình, ấm no, hạnh phúc trọn đời

Chùa Bà Mẹ Ông Chú nằm trong quần thể di tích Hội An, nay không còn nữa! Tượng Mười hai bà Mẹ được đưa về thờ ở chùa Phước Kiến. Tượng mười hai vị thân chỉ còn sáu vị (Lục Tánh) cũng thờ tại đây.

Chùa Bà Mẹ Ông Chú giàu tính nhân văn, triết lý Lục Kinh, Lục Tánh, Can Chi là vậy. Thiết nghĩ nay đến lúc cần ưu tiên phục chế, tôn tạo, bởi sau này sẽ là điểm tham quan mang nhiều ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống hiện tại và mai sau”.

HUỖNH ÁI TÔNG

Về sự tích Ông Chú hay đức Bảo Sanh Đại Đế như sau:

Về Đức Bảo Sanh Đại Đế, Tương truyền, thần sinh ở Phúc Kiến, thời nhà Tùy, Trung Quốc. Từ nhỏ, ngài được các vị tiên trên núi dạy cho phép tiên và các thuật linh đôn. Đến tuổi thanh niên, ngài kết thân với Lâm Ngạc Nương (người sau này được sắc phong là Thiên Hậu nương nương) nhưng không lập gia đình mà tiêu dao đây đó, bốc thuốc cứu người. Danh tiếng ngài lẫy lừng từ Hoa Hạ xuống Giang Nam.

Hôm, nghe tin thân mẫu lâm bệnh, ngài vội vã về quê nhưng không kịp cứu mẹ già. Từ đó, ngài buồn bã, xếp tất cả sách vở vào hòm khóa lại, còn chìa khóa thì quăng xuống sông Hoàng Hà, lên núi ở ẩn. Một hôm, nghe tiếng kêu cứu thảm thiết, động lòng tim đến, mới hay người vợ của một ngư phủ đang hồi nguy kịch trong cơn vượt cạn khó khăn. Ngài ra tay cứu giúp. Người ngư phủ hôm sau ra sông Hoàng Hà câu được con cá chép lớn mang lên núi tặng ân nhân. Nhận quà tạ ơn, ngài mang cá ra sông phóng sinh nhưng lạ thấy cá không chịu bơi đi. Ngài đưa tay xuống nước thì trong miệng cá nhả ra chiếc chìa khóa mà hơn mười năm trước ngài đã quăng đi. Biết là số trời đã định, ngài trở về lấy chiếc hòm cũ và bắt đầu chuyên tâm nghề thuốc, chữa bệnh cứu người. Ngài thác đi người đời tôn là Đức Bảo sanh Đại đế.

Thần Bảo sanh đại đế, vừa là một vị thần của tín ngưỡng dân gian, vừa mang dáng dấp tiêu biểu của Lão giáo. Khi di cư sang các nước Đông Nam Á, người Hoa mang theo vị thần Bảo sanh của mình và được cộng đồng cư dân bản địa cùng tôn thờ.

Như vậy, chúng ta biết người ta cúng Đầy tháng hay Thôi nôi vái cúng mười hai Mụ bà, mười ba đức Thầy là tín ngưỡng dân

DẤU XƯA

gian, chịu ảnh hưởng sâu đậm của người Trung Hoa. Mười ba vị Thầy gồm có: 6 Thầy dạy về Lục tính, 6 Thầy dạy về Lục kinh, cộng thêm đức Bảo Sanh, như vậy tất cả là mười ba.



Cúng kiếng ấy do phong tục, tin thần linh có quyền năng vô hạn sinh sát, cho rằng đây là mê tín cũng phải, cho rằng đây là một tập tục cốt để mừng cha mẹ nuôi được trẻ tròn tháng đầy năm cũng hay. Giữ được phong tục hay là điều đáng giữ nét đẹp của văn hóa Việt Nam ta, mê tín nên trừ.

Vài hôm nữa, tôi sẽ cúng thôi nôi cho đứa cháu ngoại, sẽ cầm hoa “bắt miếng” cho cháu: *“Lớn lên cháu cười tươi như hoa, nói thuận nói hòa, nói ngay nói thật, nói rất nhân từ, cho kẻ thương người mến”*.

Jackson, TN 10-3-2011

HUYỀN ÁI TÔNG

Lễ phục và Quốc phục nước ta



Áo dài các nguyên thủ quốc gia mặc ở Hội nghị APEC tại VN năm 2006

Quần áo riêng biệt người Việt chúng ta mặc, có thể gọi đó là Việt phục, những áo quần nào mà chúng ta mặc những chỗ trang nghiêm hay chốn công đường gọi là quốc phục, mặc cho

HUỲNH ÁI TÔNG

những buổi lễ lớn hay tế tự gọi là lễ phục. Lễ phục của vua chúa có triều phục, quan lại có phẩm phục, quân lính có nhung phục, thường dân có lễ phục như mũ ô sa, áo giao lĩnh, hia ủng vải tất cả đều màu thâm.

Vì sao áo dài, được cho là quốc phục nước ta, vì áo dài từ những vị nguyên thủ quốc gia cho chí người dân nam cũng như nữ đều mặc giống nhau.

Chúng ta thấy hoàng đế Bảo Đại và Nam Phương hoàng hậu mặc áo dài, đội khăn đóng đứng bên cạnh bà Từ Cung và các hoàng tử, công chúa.



DẤU XƯA

Những vị nguyên thủ quốc gia mặc áo dài khăn đóng:



Tổng thống Ngô Đình Diệm mặc áo dài khăn đóng:

HUỲNH ÁI TÔNG



Quốc trưởng Phan Khắc Sửu mặc áo dài khăn đóng:

DẤU XƯA

Tưởng cũng nên tìm hiểu về nguồn gốc quốc phục. Theo sách sử ký chép thì người Văn Lang, tổ tiên dân tộc Việt, mặc áo gài về bên tả (Tả nhiệm), đến thế kỷ thứ nhất sau khi chúng ta bị Bắc thuộc, Nhân Diên dạy cho dân quận Cửu Chân dùng kiểu quần áo theo người Tàu, nên ngày nay chúng ta thấy áo cài về tay phải. Do vậy chưa rõ nguồn gốc đích thực của chiếc áo dài, chỉ biết rằng thủy tổ của nó, vốn làm bằng da thú và lông chim, qua các hình khắc trên mặt trống đồng Đông Sơn (2000 – 3000 năm trước Tây Lịch). Quần áo được tả trên trống có các loại như: áo hai vạt ngắn, áo hai vạt dài, váy, khố... Họ đội nhiều loại mũ, tết các kiểu tóc khác nhau.



Trống Đồng Đông Sơn

HUỶNH ÁI TÔNG



Hình người mặc y phục trên mặt trống đồng Đông Sơn



Hình người mặc y phục trên mặt trống đồng Ngọc Lũ

DẤU XƯA

Theo truyền thuyết, Hai Bà Trưng đã mặc áo dài hai tà giáp vàng, che lọng vàng, trang sức thật lộng lẫy khi cưỡi voi xông trận đánh đuổi quân nhà Hán.



Cũng tương truyền, do tôn kính Hai Bà, phụ nữ Việt Nam tránh mặc áo hai tà nên thay bằng áo tứ thân, với bốn thân áo tượng trưng cho bốn bậc sinh thành (của hai vợ chồng). Và lại, khi đó kỹ thuật còn thô sơ, vải được dệt thành từng mảnh khổ nhỏ nên phải ghép bốn mảnh lại mới may đủ một áo, gọi quen là áo tứ thân. Áo gồm hai mảnh đằng sau chắp lại giữa sống lưng (gọi là sống áo), mép của hai mảnh được nối vào nhau và dẫu vào phía trong. hai mảnh trước được thắt lên và để thông xuống thành hai tà áo ở giữa, nên không phải cài khuy (cúc, nút) khi mặc. Bình thường, gấu áo được vén lên, chỉ khi có đại tang (tang chồng hay cha mẹ) mới thả xuống và mép vải để lộ ra ngoài thay vì dẫu vào trong. Đây là hình ảnh chiếc áo dài tứ thân mộc mạc, khiêm tốn.

HUỲNH ÁI TÔNG



Áo tứ thân, nón quai thao

Sau khi xua quân đánh đuổi quân Hai Bà, tướng Mã Viện áp đặt một chế độ cai trị hà khắc nhằm đồng hóa nền văn hóa Việt. Hơn 1000 năm dưới sự đô hộ của Trung Hoa, chiếc áo dài, áo tứ thân cũng nổi trôi theo mệnh nước nhưng không bao giờ bị xóa bỏ. Áo tứ thân vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, nhất là miệt quê, cho đến ngày hôm nay.

Dưới thời chúa Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1739-1765), Theo Lê Quý Đôn **Phủ biên tạp lục**, ông đã hiểu dụ dân chúng áp dụng y phục khác với Trung quốc và Nam Bắc thống nhất nhau, nội dung như sau:

DẤU XƯA

“Y phục bản quốc vốn có chế độ, địa phương này từ trước cũng chỉ tuân theo quốc tục, nay kính vâng thượng đức, dẹp yên cõi biên, trong ngoài như nhau, chính trị và phong tục cũng nên thống nhất. Nếu còn có người mặc quần áo kiểu người khách (Trung quốc, TTB chú) thì nên đổi theo thể chế của nước nhà. Đổi may y phục thì theo tục nước mà thông dụng vải, lụa, duy có quan chức thì mới cho dùng xen the, là, trù, đoạn, còn gấm vóc và các thứ hoa rỗng phượng nhất thiết không được quen thói cũ dùng càn. Thường phục thì đàn ông, đàn bà dùng áo cổ đứng ngắn tay, cửa ống tay hoặc rộng hoặc hẹp tùy tiện. Áo thì hai bên nách trở xuống phải khâu kín liền không cho xẻ mở. Duy đàn ông không muốn mặc áo cổ tròn và hẹp tay cho tiện làm việc thì cũng được. Lễ phục thì dùng áo cổ đứng tay dài, vải xanh chàm hoặc vải đen, hay vải trắng tùy nghi. Còn các bức viền cổ và kết lót thì đều theo như điều hiệu dụ năm trước mà chế dùng.”

Sách **Đại Nam thực lục tiền biên** cũng có chép: “Vào khoảng năm 1744 chúa Võ Vương ở phương Nam bắt dân gian cải cách y phục”. Trong **Việt Nam Văn Hóa Sử Cương** Đào Duy Anh viết: “ Vào khoảng năm 1744 chúa Võ Vương ở phương nam bắt dân gian cải cách y phục. Theo giáo sĩ Koffler thì chúa bắt bỏ lối quần áo thô bỉ của người đảng ngoài, mà chằm chước theo lối quần áo của người Tàu. Có lẽ từ bấy giờ người đàn bà đảng trong bắt đầu mặc áo cài khuy và mặc quần, mà không mặc áo thắt vạt và mặc váy như người đảng ngoài nữa. Đời Minh Mệnh có lệnh cho đàn bà đảng ngoài phải mặc quần, nhưng chỉ những người giàu sang ở thành thị tuân theo, chứ ở nhà quê thì đến nay đàn bà cũng vẫn mặc váy.”

.....

HUỲNH ÁI TÔNG

Đàn ông đàn trong cũng như ở đàn ngoài đều búi tóc và chít khăn; đàn bà ở đàn ngoài thì bao tóc hoặc chít khăn, còn ở đàn trong thì họ búi tóc và trùm khăn. (NXBVHHTT, 2006, trang 187)

Vào thời vua Gia Long (1802-1819), chiếc áo dài tứ thân được biến cải thành áo ngũ thân, rất phổ thông trong giới quyền quý và dân thành thị. Áo ngũ thân cũng được may như áo tứ thân, nhưng vạt áo bên phải phía trước chỉ được may bằng một thân vải, còn vạt áo bên trái được may bằng hai thân vải như vạt áo đằng sau. Ngoài ra, áo năm thân có khuy áo như đàn ông, lúc mặc có thể cài khuy như áo dài ngày nay hoặc thắt vạt như áo tứ thân. Về ý nghĩa, bốn thân áo chính tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu, và thân thứ năm (vạt con) tượng trưng cho người mặc áo; năm chiếc khuy tượng trưng cho đạo làm người theo Khổng Giáo: Nhân (lòng thương người, nhân từ), Lễ (biết trên, dưới), Nghĩa (nghĩa khí), Trí (sự thông suốt, trí tuệ), Tín (uy tín). Rõ ràng, chiếc áo dài ngũ thân diễn đạt nhân sinh quan của Việt Nam nhưng không khỏi sự ảnh hưởng của Trung Hoa qua nhiều năm đô hộ.

Khi triều đình Huế ký hòa ước Patenôtre nhượng quyền cai trị nước vào tay Pháp năm 1884, văn hóa Tây Phương bắt đầu du nhập vào Việt Nam, đi đôi với việc dạy chữ Quốc Ngữ thay chữ Nho. Cuộc sống bỗng biến đổi theo đà đua đòi của văn hóa Tây Phương, nhất là ở những đô thị lớn.

Sau khi chính phủ Pháp mở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, một lô cải cách cho chiếc áo dài truyền thống đã được một số người có tâm huyết với chiếc áo dài đưa ra. Các màu nâu, đen thường được thay bằng bằng các sắc màu tươi sáng hơn, gây sôi nổi trong dư luận quần chúng thời ấy. Năm 1934, họa sĩ Nguyễn Cát Tường đã kích động phong trào cải cách: "...Các

DẤU XƯA

nhà đạo đức thường nói: Quần áo chỉ là những vật dụng để che thân thể ta khỏi bị gió mưa, nắng lạnh, ta chẳng nên để ý đến cái đẹp, cái sang của nó làm gì... Theo ý tôi, quần áo tuy dùng để che thân, song nó có thể là tấm gương phản chiếu ra ngoài cái trình độ trí thức của một nước. Muốn biết nước nào có tiến bộ, có mỹ thuật hay không, cứ xem y phục của người nước họ, ta cũng đủ hiểu....”

Trong thập niên 1930, Cát Tường đưa ra thị trường kiểu áo dài mới Le mur. Kiểu Le mur được vẽ theo kiểu áo đầm Tây Phương với nổi vai và tay phồng, cổ lá sen, cài khuy trên vai, mặc với quần trắng, đeo bóp, che dù, v.v...



Áo dài tay phồng, dựa theo áo Le Mur (cổ lá sen)

Sau đó, họa sĩ Lê Phổ cải tiến áo Le mur và mẫu áo dài này được hoan nghênh trong Hội chợ Nữ Công Đà Nẵng. Đây là một kết hợp giữa áo Le mur và áo tứ thân, rất gần gũi với chiếc áo dài tân thời ngày nay: nổi vai và tay không phồng lên, cổ

HUỲNH ÁI TÔNG

kín, cài nút bên phải, thân ôm sát người, hai tà áo mềm mại bay lượn. Áo dài Lê Phổ được may bằng vải màu mặc với quần trắng, tóc búi lỏng hay vấn trần hoặc vấn khăn nhưng. trong suốt gần 30 năm sau đó chiếc áo dài Việt Nam không thay đổi bao nhiêu, ngoại trừ cổ áo, gấu áo, và eo áo: cổ áo thì lúc cao, lúc thấp, lúc rộng, lúc hẹp; gấu áo thì lúc vén cao, lúc hạ thấp; eo áo thì lúc nhỏ lúc to. Những thay đổi này đi đôi với những thay đổi nho nhỏ của chiếc quần phụ nữ: chân què qua đày giữa, lưng quần thắt giải rút rời tới giây thung, gài nút, và sau cùng là dùng phեc mơ tuya (fermeture), ống quần thì lúc rộng lúc hẹp theo thị hiếu thẩm mỹ của từng giai đoạn một.



Áo dài nhấn eo

DẤU XƯA



Áo dài hờ cổ của Bà Ngô Đình Nhu

Mãi đến đầu thập niên 1960, nhà may Dung Đakao ở Sài Gòn đưa ra một kiểu áo dài mới: áo dài tay raglan mặc với quần xéo. Vì tay áo và thân áo được nối xéo góc khoảng 45 độ, kiểu áo dài raglan này tránh được những đường nhăn hai bên nách

HUỲNH ÁI TÔNG

và vai (so với kiểu áo Lê Phổ). Chiếc quần xéo may bằng vải mềm, được xếp xéo góc khi cắt, có hông ôm sát người và hai ống lòa xòa dài qua mắt cá chân giúp cho nữ giới có những bước đi tha thướt qua đôi guốc ẩn hiện dưới hai ống quần.



Áo dài Raglan

DẤU XƯA



Áo dài Mini

Sau áo dài raglan là áo dài mini raglan, vốn là áo raglan may với tà áo cao gọn ghẽ. Kiểu mini raglan này được các nữ sinh Sài Gòn ưa chuộng mãi cho đến cuối tháng Tư 1975.

Cảm thấy muốn tiến xa hơn, một số nhà may tại Sài Gòn đã tung ra thị trường kiểu áo dài ba tà gồm một vạt sau và hai vạt trước. Cổ áo cao, có khuy cài từ cổ xuống eo. Áo ba tà được mặc với quần ống voi, thứ quần dài có ống rộng thùng thình. Kiểu áo này không ưa chuộng cho lắm vì không thích hợp với bản chất ôn nhu của nữ giới Việt Nam. (Theo tài liệu Mạng)

Theo những tài liệu trên, chúng ta thấy đàn ông đàn bà xưa đều búi tóc, sau chịu ảnh hưởng của Pháp, những người tân học cắt tóc ngắn vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, do búi tóc nên phải chít khăn, bao tóc hay trùm khăn.

HUỶNH ÁI TÔNG

Về phái nữ búi tóc hay chít khăn, chúng ta thấy như bà Nam Phương hoàng hậu:



Con tem hình Nam Phương Hoàng Hậu

DẤU XƯA

Một phụ nữ vào đầu thế kỷ XX.



HUỲNH ÁI TÔNG

Các thiếu nữ bao tóc:



Ngày nay phái nữ hầu hết không còn để tóc dài, nên không có búi tóc, chít khăn, cho nó khỏi xõa ra, vướng víu khi làm công

DẤU XƯA

nọ, việc kia. Khi đám cưới phái nữ đội khăn đóng, nếu chỉ có 12 vòng tượng trưng cho “Thân gái mười hai bến nước, trong nhờ, đục chịu”: Công, hầu, khanh, tướng. Sĩ, nông, công, thương. Ngư, tiều, canh, mục. Có người cho đó là 12 con giáp, có người cho là 12 nhân duyên của đạo Phật, hai lý giải sau không đúng với 12 bến nước của nhà Nho. Hoặc vì muốn cho đẹp hơn, người ta làm nhiều vòng như khăn đóng của Nam Phương Hoàng hậu.



Nam Phương Hoàng Hậu

HUỲNH ÁI TÔNG



DẤU XƯA

Về phía nam giới người ta cũng chít khăn như ông Phan Thanh Giản:



HUỲNH ÁI TÔNG

hay anh hùng Đền Thám đất Yên Thế:



DẤU XƯA

hoặc những anh nho sinh:



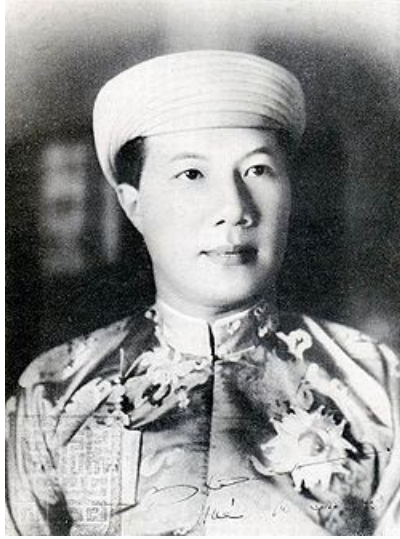
Nho sinh trong phim Lều Chõng

Để cho tiện khỏi phải chít khăn mắt thì giờ, người ta dùng khăn đóng, vua cũng như dân:



Vua Khải Định

HUỲNH ÁI TÔNG



Hoàng đế Bảo Đại



Sĩ Tài Pétrus Trương Vĩnh Ký

DẤU XƯA

Khăn đóng người ta làm hoặc là có 7 vòng, hoặc là có 5 vòng, loại bảy vòng được giải thích đó là theo nghĩa “Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” còn năm vòng có nghĩa là “Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, dưới cùng những vòng đó khăn đóng của vua Khải Định hay Bảo Đại chỉ là một vạch ngang chữ — “nhất” còn của Trương Vĩnh Ký chữ 入(nhập), hình dưới đây chữ 人 (nhân), những chữ ấy đều có ý nghĩa là bậc trên cùng, thay Trời trị dân, nhân là đạo nghĩa làm người, còn chữ nhập cũng đi vào đạo làm người phải giữ ngũ thường.



Áo dài đàn ông có 5 nút, đó cũng là biểu tượng cho giềng mối Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

HUỲNH ÁI TÔNG

Về màu sắc, vua hay quyền thuộc nhà vua mặc màu vàng nên được gọi là “hoàng tộc”, màu đỏ thường để cho những vị thần thờ ở tôn miếu, những nhà quyền quý thì mặc gấm, lụa là màu sắc, còn những người thường mặc màu thâm, màu trắng dành để mặc khi có tang.

Với áo dài khăn đóng chúng ta thấy phái nữ mặc rất đẹp, đáp ứng được thị hiếu về nét đẹp của nữ phái sang trọng, thướt tha. Những năm 60, các nữ sinh Sài Gòn mặc áo dài trắng cỡi xe Vélo-Solex đen, cài vạt áo ở phía sau, chạy xe gió tung tà áo là dấu ấn khó quên nét đẹp Sài Gòn xưa.



Hình ảnh gợi nhớ xưa hơn một thời Sài Gòn với xe thô mộc, hình ảnh chiếc áo dài thướt tha của thập niên 40, 50 thế kỷ trước.

DẤU XƯA



Nhưng về phái nam có người chê, cho rằng nó không có nét đẹp. Chúng tôi trộm nghĩ quốc phục nam có thể không đẹp, nhưng chắc chắn là không xấu, hơn nữa một cặp tân hôn mặc áo dài, khăn đóng, làm cho buổi lễ cưới tăng thêm mỹ quan, đầy ý nghĩa.

Khăn đóng Nam, nên may 5 vòng và có chữ nhân ở dưới, khăn đóng nữ nên may 12 vòng hoặc làm nhiều vòng hơn và ở dưới cùng có 2 cánh hoa như hiện nay.

HUỲNH ÁI TÔNG



Áo dài khăn đóng tượng trưng cho quốc hồn, quốc túy của dân tộc. Cho nên bản sắc đó chúng ta cần phải gìn giữ và hành diện vì nó biểu hiện cho “Bốn nghìn năm văn hiến” tiền nhân ta đã để lại. Nó là quốc phục được mặc trong những dịp lễ quan trọng có tánh cách cổ truyền như lễ Cưới, Hôi, Tết, tế lễ cho nên đương nhiên nó cũng là Lễ phục vậy.

Lou. 25-01-2011

Phong tục ngày Tết cổ truyền



Ngày Tết Việt Nam ta có nhiều phong tục, chúng ta cần biết để tránh những hủ tục, là những tục thuộc về mê tín dị đoan.

HUỶNH ÁI TÔNG

Nước ta là nước nông nghiệp, nên lịch năm theo Âm lịch chia thành 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, lại phân chia thêm có hai mươi bốn tiết trong năm là lập xuân 立春, vũ thủy 雨水, kinh trập 驚蟄, xuân phân 春分, ... Lại có những ngày đặc biệt như **nguyên đán tiết** 元旦節 tiết nguyên đán, **thanh minh tiết** 清明節 tiết thanh minh, **trung thu tiết** 中秋節 tiết trung thu... Nguyên có nghĩa là khởi đầu, đán là buổi sáng sớm, tiết nguyên đán là buổi sáng sớm khởi đầu của năm, có người cho rằng chữ tiết ấy đã biến âm thành Tết, nhưng có người phản bác, chứng minh rằng nhiều sắc dân ở bán đảo Ấn Trung, cũng phát âm gần giống như âm Tết, để chỉ cho ngày đầu năm, Tết Nguyên Đán, đơn giản hơn chỉ nói là Tết, tức là ngày đầu năm.

Ai cũng mong ước trong năm mới nhà mình mọi người được an no hạnh phúc, tránh được những họa do thiên tai, tật bệnh do ma quỷ làm ra, tưởng nhớ tới tổ tiên cha mẹ đã mất, nên nhà nhà đều chuẩn bị đón Tết, trong bài này chúng tôi muốn nói riêng đến phong tục Tết ở trong miền Nam đất Việt.

Sự chuẩn bị đến trước tiên là vào ngày 23 tháng Chạp, người ta cúng đưa ông táo về trời và dọn dẹp, sửa sang mồ mã.

Về cúng ông Táo theo truyền cổ tích sau đây:

Trọng Cao có vợ là Thị Nhi ăn ở với nhau đã lâu mà không con, nên sinh ra buồn phiền, hay cãi cọ nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá, đánh vợ. Thị Nhi bỏ nhà ra đi sau đó gặp và bằng lòng làm vợ Phạm Lang. Khi Trọng Cao hết giận vợ, nghĩ lại mình cũng có lỗi nên đi tìm vợ. Khi đi tìm vì tiền bạc đem theo đều tiêu hết nên Trọng Cao đành phải đi ăn xin.

Khi Trọng Cao đến ăn xin nhà Thị Nhi, thì hai bên nhận ra nhau. Thị Nhi rước Trọng Cao vào nhà, hai người kể chuyện

DẤU XƯA

và Thị Nhi tỏ lòng ân hận vì đã trótg lấy Phạm Lang làm chồng.

Phạm Lang trở về nhà, sợ chồng bắt gặp Trọng Cao nơi đây thì khó giải thích, nên Thị Nhi bảo Trọng Cao ẩn trong đồng rom ngoài vườn. Phạm Lang về nhà liền ra đốt đồng rom để lấy tro bón ruộng. Trọng Cao không dám chui ra nên bị chết thiêu. Thị Nhi trong nhà chạy ra thấy Trọng Cao đã chết bởi sự sắp đặt của mình nên nhào vào đồng rom đang cháy để chết theo.

Phạm Lang gặp tình cảnh quá bất ngờ, thấy vợ chết không biết tính sao, liền nhảy vào đồng rom đang cháy để chết theo vợ.

Ngọc Hoàng cảm động trước mối chân tình của cả ba người, (2 ông, 1 bà), và cũng cảm thương cái chết trong lửa nóng của họ, ngài cho phép họ được ở bên nhau mãi mãi bèn cho ba người hóa thành “ba đầu rau” hay “chiếc kiềng 3 chân” ở nơi nhà bếp của người Việt ngày xưa. Từ đó, ba người ấy được phong chức Táo Quân, trông coi và giữ lửa cho mọi gia đình, đồng thời có nhiệm vụ trông nom mọi việc lành dữ, phẩm hạnh của con người. Táo Quân, còn gọi là Táo Công, là vị thần bảo vệ cho cuộc sống gia đình, thường được thờ ở nơi nhà bếp, cho nên còn được gọi là Vua Bếp. Vào ngày 23 tháng chạp Táo quan cỡi cá chép về Thiên đình, báo cáo mọi việc lành dữ trong gia đạo cho Ngọc Hoàng rõ, để định việc tội phước trong năm qua.

Về thời gian trong ngày, người ta tin tưởng buổi sáng thuộc về tiên, trưa thuộc về Phật, buổi chiều thuộc về cõi âm, cho nên trưa ngày 23 người ta cúng mâm cơm canh, hoa, quả trên bàn thờ ông bà cũng như bàn thờ ông Táo, nếu không có bàn thờ ông Táo riêng, người ta dọn lễ vật cúng ông Táo gần chỗ bếp.

HUỲNH ÁI TÔNG

Thay vì đĩa quả, người ta lại cúng Thèo lèo. Có khi vì ngày mùa giáp Tết bận rộn, nhiều nhà không có thì giờ nấu nướng họ chỉ cúng, hoa và Thèo lèo. Cúng xong người đốt giấy áo, mả, cá chép và vàng bạc.

Táo quân chỉ có áo mả mà không có quần, có người giải thích vì tục này của người Việt đã lâu đời, người Việt xưa không có mặc quần, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc váy, quần là văn hóa của người Trung Hoa. Chúng ta thấy rõ, những dân tộc thiểu số Việt Nam, đàn bà đều mặc váy, kể cả người Chăm, người Thượng ở Cao nguyên và người Việt vùng Thượng du Bắc Việt.

Tôi thấy một bài văn cúng Táo quân trên Mạng, có lẽ là mới sáng tác, xin chép ra đây:

Bài văn khấn cúng ngày 23 tháng chạp (ông táo về trời)

(Nam mô A di đà Phật)
Nay nhân ngày 23 tháng Chạp
Lòng chúng con dào dạt mênh mông
Toàn gia quyết dốc một lòng
Sắm lễ mọn dâng lên dinh tọa
Đã nhất tâm một lòng một dạ
Thắp hương thơm lễ tạ chư thần
Đông trừ tư mệnh. Táo phủ thần quân
Ngài là chủ ngữ tại chư thần xét soi
Người trần phạm tục phạm sai
Cúi nhận lỗi các ngài gia ân
Ban lộc ban phước ban phần
Công bằng hợp lý mười phân vẹn mười
Hôm nay ngài sắp về trời
Lòng con tâm niệm vài cầu xin

DẤU XƯA

*Cầu cho trăm họ bình yên
Cầu cho gia sự ấm êm thuận hòa
Xanh như lá, đẹp như hoa
Bước sang xuân mới trẻ già yên vui
(Họ tên... số nhà... đường phố)
Cùng nhất tâm cần cáo
Nam mô A di đà Phật*

(Khấn xong 3 lần rồi đốt vàng. Nếu cúng cá chép sống thì đem thả ra sông)

Tục ngữ ta có câu: “Sống có nhà, thác có mồ” Cho nên người ta chuẩn bị nhà cửa để ăn Tết thì cũng chuẩn bị, dọn dẹp sạch sẽ mồ mả ông bà, do đó trong ngày này, cho đến ngày 28 tháng chạp mọi người phải sửa sang, dọn dẹp cỏ rác xung quanh mồ mả thân nhân của mình, năm mộ đất người ta phải dùng cái chéc dầy cỏ trên năm mộ và xung quanh, nếu mộ xây gạch, đá, xi-măng, người ta cũng quét dọn, chùi rửa hoặc quét vôi mới.

Có những ngôi mộ lâu đời, con cháu không có hoặc không biết, không có người chăm sóc, có những người đi làm thí công. Cho nên ai có mồ mả ông bà đều phải lo làm cho xong trước ngày 28, để tránh người ta làm thí công, con cháu bị mang tai tiếng. Còn việc sửa sang mộ, người ta thường làm trong Lễ Thanh Minh.

Ngày 30 Tết (tháng thiếu 29), từ trong nhà ra cho tới ngoài sân, ngoài đường đi, người ta quét dọn sạch sẽ, chuẩn bị đón Tết. Dán ở trước cổng một đôi liễn chữ nho giấy hồng đơn, mực Tàu đen, nhà không có cổng người ta dán vào cột hàng ba trước nhà, chẳng hạn như cặp liễn, một câu đối Tết chữ Nho:

HUỲNH ÁI TÔNG

春入春天春不老

Xuân nhập xuân thiên xuân bất lão

福臨福地福無疆

Phúc lâm phúc địa phúc vô cương

Nghĩa: *Xuân nhập trời xuân chẳng lão*

Phúc vào đất phúc phúc vô biên.

Chúng ta thường nghe câu đối Nôm về ngày Tết như:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Hoặc câu đối :

Tối ba mươi, đập thăng Bần ra cửa,

Sáng mùng một, rước ông Phúc vào nhà.

Cùng ý đó:

*Chiều ba mươi, nợ hỏi tít mù, co căng đập thăng Bần
ra cửa.*

*Sáng mùng một, rượu say túy lúy, giơ tay bồng ông
Phúc vào nhà.*

Văn chương, nghĩa lý hơn:

*Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, nich chặt lại kéo ma
vương đưa quỷ tới,*

*Sáng mùng một, lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu
nữ rước xuân về.*

DẤU XƯA

Người Nam, món ăn chánh yếu trong ba ngày Tết là nôi thịt kho, dưa giá, bánh thì có bánh tét, bánh phồng, mứt dừa, mứt bí. Trái cây thì có dưa hấu, quít, bưởi. Những thức ăn và bánh trái chuẩn bị cho ba ngày Tết là mồng một, mồng hai và mồng ba.

Trên bàn thờ, người ta đánh bóng bộ lư đồng, lau chùi chân đèn, ống khói, lư hương. Nhà giàu trên bàn thờ có tranh sơn thủy vẽ trên khung kính, hay khung vải, nhà nghèo mua tranh giấy thay cho bức tranh cũ.



Cũng trên bàn thờ nhất thiết phải có bình hoa, nhà giàu có hoa Lay-dơn, thường thì chưng hoa mai hay vạn thọ vàng, hai đĩa trái cây hoặc một đĩa ngũ quả và một đĩa bánh tét. Người Bắc cúng bánh chưng, sau năm 1954, bánh chưng mới xuất hiện ở miền Nam, nhưng người Nam vẫn chỉ cúng bánh Tét mà thôi.

HUỠNH ÁI TÔNG

Về sự tích bánh chưng, bánh dày theo truyền cổ tích như sau:

Ngày xưa, đời Vua Hùng Vương thứ 6, sau khi đánh dẹp xong giặc Ân, vua có ý định truyền ngôi cho con.

Nhân dịp đầu Xuân, vua mới họp các hoàng tử lại, bảo rằng: “Con nào tìm được thức ăn ngon lành, để bày cỗ cho có ý nghĩa nhất, thì ta sẽ truyền ngôi vua cho”.

Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hy vọng mình lấy được ngai vàng.

Trong khi đó, người con trai thứ 18 của Hùng Vương, là Tiết Liêu (còn gọi là Lang Liêu) có tính tình hiền hậu, lối sống đạo đức, hiếu thảo với cha mẹ. Vì mẹ mất sớm, thiếu người chỉ vẽ, nên ông lo lắng không biết làm thế nào.

Một hôm, Tiết Liêu nằm mộng thấy có vị Thần đến bảo: “Này con, vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người. Con hãy nên lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, để tượng hình Trời và Đất. Hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng hình Cha Mẹ sinh thành.”

Tiết Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Ông làm theo lời Thần dặn, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh vuông để tượng hình Đất, bỏ vào chỗ chưng chín gọi là Bánh Chưng. Và ông giã xôi làm bánh tròn, để tượng hình Trời, gọi là Bánh Dầy. Còn lá xanh bọc ở ngoài và nhân ở trong ruột bánh là tượng hình cha mẹ yêu thương đùm bọc con cái.

Đến ngày hẹn, các hoàng tử đều đem thức ăn đến bày trên mâm cỗ. Ôi thôi, đủ cả sơn hào hải vị, nhiều món ngon lành.

DẤU XƯA

Hoàng tử Tiết Liêu thì chỉ có Bánh Dầy và Bánh Chưng. Vua Hùng Vương lấy làm lạ hỏi, thì Tiết Liêu đem chuyện Thần báo mộng kể, giải thích ý nghĩa của Bánh Dầy Bánh Chưng. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa, bèn truyền ngôi Vua lại cho Tiết Liêu con trai thứ 18.

Kể từ đó, mỗi khi đến Tết Nguyên Đán, thì dân chúng làm bánh Chưng và bánh Dầy để dâng cúng Tổ Tiên và Trời Đất.

Về quả dưa bầu theo truyện cổ tích như sau:

Ngày xưa, Vua Hùng Vương thứ 18 có nuôi một đứa trẻ thông minh khôi ngô, đặt tên là Mai Yển, hiệu là An Tiêm.

Lớn lên, vua cưới vợ cho An Tiêm, và tin dùng ở triều đình. Cây nhờ ơn Vua cha, nhưng An Tiêm lại kiêu căng cho rằng tự sức mình tài giỏi mới gây dựng được sự nghiệp, chứ chẳng nhờ ai. Lời nói này đến tai vua, vua cho An Tiêm là kẻ kiêu bạc vô ơn, bèn đày An Tiêm cùng vợ con ra một hòn đảo xa, ở ngoài biển Nga Sơn (Thanh Hoá, Bắc Việt).

Người vợ là nàng Ba lo sợ sẽ phải chết ở ngoài cù lao cô quạnh, nhưng An Tiêm thì bình thản nói: “Trời đã sinh rat a, sống chết là ở Trời và ở ta, việc gì phải lo”.

Hai vợ chồng An Tiêm cùng đứa con đã sống hiu quạnh ở một bãi cát, trên hoang đảo. Họ ra sức khai khẩn, trồng trọt để kiếm sống. Một ngày kia, vào mùa hạ, có một con chim lạ từ phương tây bay đến đậu trên một gò cát. Chim nhả mấy hạt gì xuống đất. Được ít lâu, thì hạt nảy mầm, mọc dây lá cây lan rộng.

HUỠNH ÁI TÔNG

Cây nở hoa, kết thành trái to. Rất nhiều trái vỏ xanh, ruột đỏ. An Tiêm bảo vợ: “Giống cây này tự nhiên không trồng mà có tức là vật của Trời nuôi ta đó”. Rồi An Tiêm hái nếm thử, thấy vỏ xanh, ruột đỏ, hạt đen, mùi vị thơm và ngon ngọt, mát dịu. An Tiêm bèn lấy hạt gieo trồng khắp nơi, sau đó mọc lan ra rất nhiều.

Một ngày kia, có một chiếc tàu bị bão dạt vào cù lao. Mọi người lên bãi cát, thấy có nhiều quả lạ, ngon. Họ đưa nhau đổi thực phẩm cho gia đình An Tiêm. Rồi từ đó, tiếng đồn đi là có một giống dưa rất ngon ở trên đảo. Các tàu buôn tấp nập ghé đến đổi chác đủ thứ vật dụng và thực phẩm cho gia đình An Tiêm. Nhờ đó mà gia đình bé nhỏ của An Tiêm trở nên đầy đủ, cuộc sống phong lưu.

Vì chim đã mang hạt dưa đến từ phương Tây, nên An Tiêm đặt tên cho thứ trái cây này là Tây Qua. Người Tàu ăn thấy ngon, khen là “hầu”, nên về sau người ta gọi trại đi là Dưa Hầu.

Ít lâu sau, vua sai người ra cù lao ngoài biển Nga Sơn dò xét xem gia đình An Tiêm ra làm sao, sống hay chết. Sứ thần về kể lại cảnh sống sung túc và nhân nhả của vợ chồng An Tiêm, nhà vua ngâm nghĩ thấy thâm phục đũa con nuôi, bèn cho triệu An Tiêm về phục lại chức vị cũ trong triều đình.

An Tiêm đem về dâng cho vua giống dưa hầu mà mình may mắn có được. Rồi phân phát hạt dưa cho dân chúng trồng ở những chỗ đất cát, làm giàu thêm cho xứ Việt một thứ trái cây danh tiếng. Hòn đảo mà An Tiêm ở, được gọi là Châu An Tiêm.

Về cách chung hoa quả, người ta có câu “Đông bình, Tây quả”. Theo phong thủy nhà xây mặt về hướng Nam là tốt nhất. Do vậy, nhà xây cất quay mặt bất kể là về hướng nào, theo quy

DẤU XƯA

ước hướng đó là hướng Nam, như vậy khi đặt bàn thờ giữa nhà nhìn thẳng ra cửa, chúng ta đứng ngoài nhìn vào bàn thờ thì bên tay phải của ta là hướng Đông, đặt bình hoa, bên tay trái là hướng Tây đặt đĩa trái cây.

Đĩa ngũ quả là theo thuyết âm dương ngũ hành gồm có 5 thứ: Mộc (cây), Hỏa (lửa), Thổ (đất), Kim (kim loại), Thủy (nước) theo thứ tự, tương ứng với hướng Đông, Nam, Trung ương, Tây, Bắc về màu sắc tương ứng với Xanh lục, Đỏ, Vàng, Trắng/Da cam, Đen/xanh dương về mùa tương ứng Xuân, Hạ, chuyển mùa cứ 3 tháng, Thu, Đông về trái cây tương ứng với Mận, Mơ, Táo Tàu, Đào, Hạt dẻ về ngũ cốc, tương ứng với Lúa mì, Đậu, Gạo, Ngô, Hạt kê.



Do vậy người ta chọn 5 thứ trái cây trên là Mận, Mơ, Táo Tàu, Đào, Hạt dẻ hoặc trái cây có 5 màu như trên, biểu tượng cho

HUỲNH ÁI TÔNG

ngũ hành hòa hợp sinh ra mọi điều tốt đẹp, như mưa thuận gió hòa thì được mùa, đất nước hưng thịnh thanh bình. Trái cây màu xanh lục có chuối sứ (kỳ không bao giờ cứng chuối già: tục), màu đỏ có trái điều, màu vàng có trái Phật thủ hay bưởi, cam, quít, màu trắng có mận, màu đen hay xanh dương có dưa hấu.



Ngũ quả ở Mỹ: Dưa hấu (xanh dương), Honeydew (trắng),
Apple (đỏ), Chuối (xanh lục), Quít (vàng)

Do đó đĩa ngũ quả của người miền Nam, thường là ở dưới một hay hai nải chuối, giữa một trái dưa hấu (da màu xanh dương), xung quanh dưa hấu trên nải chuối là những trái quít, trái điều và mận trắng.

DẤU XƯA

Có nhiều người không rõ về ngũ quả, thấy người ta chưng đĩa trái cây rồi cũng chưng theo với những thứ dễ có trong mùa Tết như chuối, dưa hấu, quýt, mận. Có người thêm chùm trái sung, với nghĩa trái sung là sung túc. Từ đó, chừng 50 năm trở lại đây, từ trái sung nghĩa là sung túc, người ta biến cải ra chưng trái mận cầu, trái dưa, trái đu đủ, trái xoài cho rằng đĩa trái cây diễn đạt ước mong: “Cầu vừa đủ xài!” Cho nên trên một DVD có ban kịch chưng cúng trái mận cầu, trái xoài, trái đu đủ, cái líp xe đạp, cái ba-ga xe đạp, được giải thích là “Cầu cho đủ xài líp ba-ga!”

Ở bàn tiếp khách, để một bình trà, xưa để trong cái vỏ bình là trái dưa khô, một bình hoa cắm cành mai vàng, một khai trầu, một hộp thuốc vắn, một đĩa bánh, mứt.

Chiều 30 Tết, người ta dựng Cây Nêu ở Đình, Chùa hay trong sân trước nhà. Cây nêu là nét văn hóa của Việt Nam, phổ biến khắp ba miền đất nước, ăn sâu vào nếp sống dân tộc, nên Ca dao có câu:

*Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Mong cho đến Tết dựng Nêu ăn chè.*

Theo sách **Gia Định Thành Thông Chí** của Trịnh Hoài Đức, Tập Hạ ghi: “bữa trừ tịch (tức ngày cuối năm) mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu cau vôi, ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là “lên nêu”... có ý nghĩa là để làm tiêu biểu cho năm mới mà tào trừ những xấu xa trong năm cũ”.

Chuyện kể rằng, ngày trước ruộng đất đều thuộc quyền sở hữu của loài quý. Loài người phải ăn nhờ ở đậu trên đất đai của quý nên hằng năm phải cống nạp thuế cho chúng. Lũ quý vô

cùng hiềm độc, chúng bày lăm mưu nhiều kế hòng chiếm đoạt công sức lao động của con người. Số thuế phải nộp ngày càng gia tăng thêm, chúng tác oai tác quái để làm khổ cho con người. Chúng đặt ra những điều lệ hết sức vô lý, dùng bạo lực buộc con người phải tuân thủ điều lệ “ăn ngọn cho gốc” (nghĩa là chúng lấy phần ngọn còn phần gốc để lại cho người). Thế là sau vụ lúa năm ấy, mọi người đành chịu đói khổ, ngậm ngùi nhìn lũ quý đánh chén no nê.

Thấy cảnh tượng đói khổ của con người, đức Phật động mối từ tâm, hiện đến để cứu giúp người dân thoát khỏi sự hà hiếp của lũ quý. Ban đầu đức Phật dạy người trồng khoai lang, đến mùa thu hoạch, cứ theo quy định đã đưa ra, lũ quý lấy phần ngọn còn phần gốc là của con người. Thế là người dân được một mùa bội thu, còn lũ quý ngán ngẩm nhìn đồng dẫy và lá khoai khô héo. Sau đó chúng lại đổi điều lệ thành “ăn gốc cho ngọn”. Đức Phật dạy người dân chuyển trồng khoai sang trồng lúa. Cuối mùa, lũ quý lại một phen ngậm ngùi cay đắng. Lần này, chúng lại đặt ra điều lệ mới là “ăn cả ngọn lẫn gốc”. Lũ quý tưởng rằng như thế là chúng nắm chắc được phần lợi trong tay, nhưng đức Phật đã dạy con người trồng ngô. Vụ mùa đến, người dân thu hoạch ngô đem về nhà, còn lũ quý thì lại bị một vỏ chua cay, tức tối. Cuối cùng lũ quý tức giận thu hồi lại cả đất đai, không cho con người thuê đất nữa, chúng thà không có gì chứ không chịu cho loài người ăn một mình. Trước tình hình đó, đức Phật bảo người dân đến điều đình với quý cho tậu một miếng đất bằng tám áo cà sa. Nghĩa là con người sẽ trồng một cây tre, trên ngọn tre chỉ treo một tấm áo cà sa, bóng của cà sa phủ được bao nhiêu diện tích ở mặt đất thì số đất đó là đất của con người sử dụng. Ban đầu quý không chấp thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy bóng của một chiếc áo cà sa chẳng bao nhiêu bèn nhận lời. Khi người dân trồng xong cây tre, đức Phật đứng trên ngọn tre tung chiếc áo

DẤU XƯA

cà sa ra, cây tre càng lúc càng cao, áo cà sa càng lúc càng rộng, bóng của áo cà sa phủ đến đâu lũ quỷ phải rút lui đến đấy. Cuối cùng chiếc áo che phủ cả đất đai lũ quỷ không còn đất để ở, phải rút ra biển.



Bị mất hết đất đai, quỷ vừa tiếc vừa hậm hực tức giận, chúng chiêu tập binh mã vào cướp lại. Nhờ có sự giúp đỡ của đức

HUỲNH ÁI TÔNG

Phật nên người dân đã đánh bại tất cả những đợt tấn công của lũ quỷ. Nhận thấy không thể nào đánh thắng loài người, lũ quỷ đành quy xuống van xin đức Phật rũ lòng thương tưởng, mỗi năm vào những ngày Tết cho chúng trở lại đất liền để viếng thăm mồ mã tổ tiên của chúng. Phật thương tình hứa khà, nhưng để lũ quỷ không vào quấy nhiễu người dân, đức Phật dạy người dân trồng cây nêu vào dịp Tết để xua đuổi chúng.

Gần đây, trên Cây nêu người ta treo lá phượng ngũ sắc tượng trưng cho ngũ hành, trầu cau, gạo muối, một cái khánh có dùi, hay cái chuông nhỏ có treo cục kim loại ở trong, để khi gió thổi, khánh hay chuông bị giao động khua ra tiếng nghe vui tai.

Trong nhà, người ta dọn mâm cơm cúng ông bà, rước ông Táo. Trẻ con được mặc quần áo mới. Cả nhà sẽ dùng bữa cơm đông đủ mọi người, là buổi tiệc tất niên của gia đình.

Ngoài đường, người ta treo cờ, ban đêm treo những chiếc lồng đèn ngôi sao hay lồng đèn hình con thú có màu sắc, làm cho cảnh sắc ban đêm ở thôn quê sáng sủa, vui mắt, trẻ con ra đường từng tốp vài ba đứa, hớn hờ nắm tay nhau đi xem đèn, đốt pháo chuột.

Đêm 30 Tết gọi là đêm Trừ tịch 除夕, Trừ có nghĩa là bỏ, trừ khử, Tịch có nghĩa là đêm, nghĩa là đêm trừ bỏ cái xấu của năm cũ, theo Trung Hoa nó mang ý nghĩa đêm khu trừ ma quỷ. Vào giờ Tý, người ta cúng Giao thừa 交承 Giao có nghĩa là bàn giao lại, Thừa có nghĩa là tiếp nối. Theo tín ngưỡng dân gian, người ta tin rằng có 12 vị thần, luân phiên cai quản trần gian, mỗi năm một vị. Do đó vị thần năm cũ đi, trao quyền hành lại cho vị thần năm mới tiếp nhận. Vì vậy người ta cúng xôi, thịt, rượu ở đình làng, hoa quả ở chùa. Ở nhà, người ta bày bàn ra sân cúng có hương, đăng trà quả. Trong Nam có bàn

DẤU XƯA

thong thiên, thường người ta cũng cúng trong nhà với trà mứt, ở bàn thong thiên với hương đăng trà quả như trên, sau khi cúng thì đốt pháo mừng năm mới.

Sáng mồng một, chủ nhà sẽ ăn mặc chỉnh tề, khăn đóng áo dài, cúng bánh mứt, nước trà, lạy bàn thờ ông bà, tiếp theo con cháu lạy bàn thờ, sau đó ông bà ngồi cho con cháu chúc thọ, chẳng hạn như : “- Năm mới con chúc cha mẹ sống lâu trăm tuổi, khỏe mạnh” rồi lạy 2 lạy. Ông bà hay cha mẹ nhận mừng thọ sẽ cho lộc đầu năm cho con cháu là tiền. Ngày nay ông bà, cha mẹ hầu hết “miễn lạy”, lì xì cho con cháu “phong bao” để “lấy hên” đầu năm.

Sau đó những người lớn tuổi đi lạy bàn thờ những nhà có thờ tự ông bà trong họ, vì trong Nam ít có “tù đường”, chúc Tết những người thân. Việc lễ lạy thăm viếng chúc tụng trong ba ngày Tết có Tục ngữ:

Mồng Một ngày cha, mồng Hai ngày mẹ, mồng Ba ngày Thầy.

Hoặc ca dao có câu:

*Mùng Một thì ở nhà cha,
Mùng Hai nhà vợ, Mùng Ba nhà thầy.*

Xưa, sau Giao thừa, các quan chức, nho sĩ thơ sinh xem giờ hoàng đạo trang trọng bày nghiên bút, giấy hoa hoặc giấy hồng đơn ra để viết một một bài thi, phú hoặc một câu chữ thánh hiền, biểu lộ nguyện vọng, ý chí của mình. Đó gọi là “Đầu năm khai bút”, để lấy cái may mắn cho công danh sự nghiệp, văn tài của mình. Chẳng hạn như bài “Xuân Cầm” của Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến:

HUỲNH ÁI TÔNG

*Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,
Nay đã năm mươi, lẽ có ba
Sách vở ích gì cho tuổi ấy
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già!
Xuân về, ngày loạn còn lơ láo,
Người gặp, khi cùng những ngán ngờ!
Lân thân lấy chi đền tác bóng?
Sao con đàn hát vẫn say sưa*

Nhà theo đạo Phật, sau khi cúng Giao thừa ở nhà, hoặc trong ngày mùng một, người Phật Tử đi chùa lễ Phật mừng ngày Đản sinh đức Phật Di Lặc, là vị Phật tương lai Ngài mang lại hoan hỉ cho mọi người.

Tôi nhớ xưa kia, cứ sáng mùng một Tết, có mấy người bà con họ hoặc có người cùng làm Hương chức làng, ghé nhà chúc Tết rồi cùng cha tôi đi đến chùa lễ Phật, mỗi người đều xé hai sợi dây từ bụi chuối, cũng gọi là dây chuối, cột hai ống quần bó sát vào ống chân, tôi không biết nên hỏi cha tôi, người giải thích: “ – Theo phong tục xưa, vào chùa lễ Phật, mình phải cột ống quần lại cho được thanh khiết”.

Hầu hết người Việt cũng như người Trung Hoa tin rằng ngày Tết Nguyên Đán nếu được hên thì hên cả năm, còn bị xui thì xui cả năm. Cho nên người ta tạo nhiều thứ để được may mắn và kiêng cử nhiều thứ để tránh bị xui xẻo cả năm.

Sáng mùng một Tết, ai đến nhà trước, người ta tin rằng đó là người xông đất đầu năm ở nhà mình, người ấy có thể mang đến điềm hay vận hên, xui, may, rủi cho cả năm. Do vậy có nhiều người tìm những người tuổi hợp với mình để nhờ xông đất, có người nhờ người có tên Phước, Lộc, Thọ ... xông đất nhà mình để được phước, được lộc hay sống lâu. Cũng do vậy mà có một

DẤU XƯA

số người không dám đi thăm bạn bè ngày mùng một Tết, hoặc phải chờ chiều hay tối mới đi thăm, để tránh xông đất nhà người ta.

Trong ba ngày Tết người ta đốt pháo dây, pháo nôi, pháo chuột, đêm đốt pháo bông, những đội lân đi múa mừng, được gia chủ thưởng tiền. Có pháo và Lân làm cho ngày Tết rộn ràng niềm vui. Thập niên 90 nhà nước Cộng sản Việt Nam cấm đốt pháo làm cho ngày Tết mất vui phần nào.



Trong ba ngày Tết, người ta thường cúng trên bàn thờ mỗi ngày hai buổi cơm sáng, chiều, bà con tới nhà mời rượu trà bánh mứt, gặp bữa mời cơm gầy thành bữa tiệc, để tiêu khiển thì giờ người ta bày ra những cuộc chơi như “hốt me”, đánh bài cào, bài tứ sắc, lắc “bầu cua cá cọp”.

Ba ngày Tết, có nhiều thứ người ta kiêng cử, để chọn được may mắn suốt năm, ra khỏi nhà đầu năm phải coi hướng tùy

HUYỀN ÁI TÔNG

theo năm và tuổi mỗi người có hướng xuất hành đầu năm khác nhau. Người ta kiêng cử quét nhà, theo điển tịch 搜神记 **Suru thần ký** của Trung Quốc như sau:

Có người lái buôn tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh Thảo được Thủy thần cho một con hầu tên là Như Nguyệt, đem về nhà được vài năm thì Âu Minh ăn nên làm ra, giàu to. Ngày mùng một tết năm đó, Âu Minh đánh Như Nguyệt, cô ta sợ quá chui vào đồng rác rồi biến mất, sau đó nhà Âu Minh nghèo đi. Kể từ đó, mọi người kiêng quét nhà, đổ rác trong ba ngày tết.

Cũng cùng từ câu chuyện trên, từ sáng mùng một tết cho đến hết ngày mùng ba tết, mọi người trong gia đình không được làm điều xấu, cự cãi nhau, đánh nhau hoặc nói những điều không tốt đẹp.

Sau năm 1954, đêm 30 hay ngày mùng một Tết người ta thường đi Lăng Ông hay Chùa, Miếu hái “lộc” làm cho cây cảnh chưng bày ba ngày Tết bị xác xơ. Sau 1975, Tết người ta đi chùa mỗi người đốt một bó nhang, chỗ nào cũng cắm nhang, khói nhang mù mịt. Chùa chiền không còn thanh tịnh, trang nghiêm.

Ba ngày đó, chợ búa không bán, xe cộ không chạy. Ngày mùng ba những nhà nào hành nghề như thợ rèn, thợ mộc, thợ hồ, thợ bạc ... sẽ cúng ra nghề với con gà luộc, hương, đăng, hoa quả và rượu. Nếu nghề có nhiều thợ cùng làm sau khi cúng vái, họ sẽ bày ra cỗ bàn để nhậu nhẹt và sau đó hành nghề. Chợ búa mở cửa, xe cộ chạy lại.

DẤU XƯA

Đến ngày mồng ba, người ta bày mâm cỗ cúng gọi là tiễn đưa ông bà, còn Cây nêu đến ngày mồng bảy người ta mới hạ xuống, vì xưa ăn Tết đến bảy ngày. Dần dần còn ba ngày.



Tết có những phong tục, trong đó có những thuần phong mỹ tục, nhưng cũng có những phong tục hủ bại. Những hủ tục như kiêng cử quét nhà, làm cho nhà nhiều rác mất vệ sinh; đi chùa miếu hái lộc, những hoa, những cây cảnh chưng dọn cho đẹp thì đã bị hái hoa, bẻ cành trợ trợ! Tin vào việc xông đất đầu năm! Những hủ tục làm cản trở cho sinh hoạt, mất vệ sinh, thẩm mỹ. Nên bài trừ. Những thuần phong mỹ tục nên giữ gìn, vì đó là nét văn hóa của dân tộc.

Có một điều tôi chưa nói đến, tại sao Tết ở miền Nam cúng bánh Tét, đãi khách bánh phồng trong khi miền Bắc có bánh chưng, bánh đa. Có ảnh hưởng gì trên đất cũ của người Khmer?

HUỲNH ÁI TÔNG



Những năm 50, 60 là những năm miền Nam thoát khỏi ách đô hộ của người Pháp, mới được độc lập. Đất nước thanh bình, nhân dân ấm no hạnh phúc. Tết người ta đi lại vui chơi, pháo nổ dòn tai, lân múa rộn ràng, trẻ con tung tăng khoe áo mới. Biết đến bao giờ được trở lại như xưa, từ đồng bằng cho đến cao nguyên, từ nhà quê cho tới thành thị, người già cũng như trẻ con tung bừng đón Tết khi đất nước thanh bình, nhà nhà ấm no hạnh phúc.

Lou. 16-1-2011

Cách thức lạy Phật



Lễ lạy là một nghi thức, để bày tỏ lòng tôn kính của chúng ta đối với những bậc tối thượng, tổ tiên, ông bà hay cha mẹ, cho nên chúng ta cần biết để lạy Phật cho đúng cách.

Cư sĩ Nam hay Nữ lạy Phật giống như nhau, có hai cách:

- Cách lạy phổ thông :

Đứng nghiêm trang, chắp hai tay ở ngực, nhìn tượng Phật hay Bồ tát lòng thành kính, xá một xá trước khi lạy.

Khi lạy, hai tay đưa lên trán, xá xuống đồng thời hai chân từ từ quỵ xuống, hai tay từ từ dang ra, úp hai bàn tay xuống nền cách nhau chừng một gang tay, để đỡ thân mình cho hai gối chạm xuống nền, lật lòng hai bàn tay ngửa ra, cúi người xuống cho trán chạm xuống nền ở giữa hai bàn tay. Ngưng một chút rồi nâng đầu lên, đồng thời lật úp hai bàn tay xuống, nâng thân mình đứng lên, hai tay từ từ chắp lại, khi đứng thẳng lên, hai tay chắp ở ngực, xá một xá. Tiếp tục lạy lần thứ hai rồi lần thứ ba, khi lần thứ ba chấm dứt thay vì xá một xá thì xá ba xá.

HUỶNH ÁI TÔNG

Người Phật tử, lạy Phật, Bồ tát hay Tăng, Ni đều lạy 3 lạy, xá 3 xá, đó là người Phật tử luôn luôn tôn kính Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng. Hai bàn tay lật ngửa ra, tượng trưng cho sự nâng lên từ dưới chân của bậc tôn kính.



- Cách lạy của người Miền Nam xưa:-

Người Miền Nam lạy Phật hơi khác một chút, khi người ta quỳ xuống hay đứng lên, luôn luôn để một tay chắp ở ngực, còn tay kia dùng chống, đỡ thân. Tuy ngày nay người Miền Nam hầu hết áp dụng cách lạy phổ thông trên, nhưng cũng có người còn giữ cách lạy này. Như đã nói, lạy là để bày tỏ lòng thành kính của chúng ta đối với Tam bảo, cho nên cần giữ được sự trang nghiêm và tôn kính.

Cách Lạy Ông Bà



Lạy là một hình thức tỏ lòng tôn kính đối với bậc tối thượng như Trời, Phật, tổ tiên cũng như ông bà cha mẹ của chúng ta, người sống cũng như đã chết. Người xưa đặt ra những nghi thức áp dụng trong tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục của từng nước khác nhau. Ở nước ta, phong tục áp dụng lạy Vua thì 5 lạy, tổ tiên, thần linh cũng như người đã chết lạy 4 lạy, người sống lạy 2 lạy. Bốn lạy, đó là gồm cả “Tứ thân phụ mẫu”: Cha mẹ của mình và cha mẹ của người hôn phối. Còn hai lạy là tượng trưng cho Cha và Mẹ. Phật giáo lạy 3 lạy, tượng trưng cho lạy Phật, Pháp, Tăng đó là ba ngôi Tam bảo.

Nói chung, có bốn cách lạy ông bà, cha mẹ tạm gọi như sau:

- 1) Lạy đúng cách.
- 2) Lạy giản cách.

- 3) Lạy phổ thông
- 4) Lạy đơn giản

- Lạy đúng cách còn gọi là "lạy lên gối xuống gối": Cách lạy này, người lạy đứng trang nghiêm, hai bàn tay nắm lại để dưới rốn, lúc bắt đầu lạy, hai cánh tay đưa ra trước, tạo thành một cung tròn, càng tròn càng tốt, hai bàn tay xòe các ngón khít nhau, hai ngón cái nằm xuôi theo bàn tay, hai ngón giữa tay mặt và tay trái giao nhau. Đưa hai tay lên khoảng ngang đầu, xá xuống đồng thời đầu và thân cúi xuống một chút, xá ngang bụng, rút hai cánh tay vào bụng, rồi từ từ đưa ra đồng thời đưa lên ngang đầu để lạy xuống, thân cúi xuống theo hai tay ngang bụng, một chân bước tới, chân kia co lại, để quy gối xuống đồng thời hai bàn tay để lên đầu gối làm điểm tựa để thân mình hạ xuống, rồi rút chân này ra sau để cả hai chân cùng quỳ gối, đồng thời hai bàn tay di chuyển úp xuống nền chịu cho đầu và thân cúi xuống, đầu chỉ cúi xuống chớ không chạm bàn tay hay nền nhà. Sau đó dùng hai bàn tay chịu xuống nền để lấy đà đứng lên, tước tiên ngẩng đầu và mình lên, đồng thời rút một chân tới trước, để bấp chân và bấp vế thành thước thợ, hai bàn tay lại chụm vào nhau, đưa lên đầu gối để lấy đà đứng lên, đồng thời thẳng chân sau ra, thân thẳng lên, đồng thời thẳng chân thước thợ rồi kéo chân lui ra bằng với chân sau, còn hai tay tiếp tục đưa lên ngang đầu để xá xuống một xá rồi kéo hai bàn tay vào bụng (trên rốn), rồi từ đó đưa ra trước đồng thời nâng lên ngang đầu để lạy tiếp. Cứ mỗi lạy xong thì xá một xá. Đây là cách lạy đúng quy cách.

- Lạy giản cách còn gọi là "lạy lên gối": Cách lạy này, khi lạy xuống thì hai bàn tay không cần tỳ lên gối, mà nó xuống thẳng tới nền luôn, khi đứng lên mới đưa hai bàn tay đặt trên đầu gối để lấy đà.

DẤU XƯA

- **Lạy phổ thông:** Đây là cách mà nhiều người áp dụng, không cần phải cung tay cho thật tròn, hay bàn tay không cần xòe ra mà một bàn tay nắm lại, bàn tay kia nắm bên ngoài, hai ngón tay cái áp sát để song song nhau, lạy chỉ lên gối mà thôi.

- **Lạy đơn giản:** Người lạy chỉ quỳ gối chấp hai tay lại xá hoặc lạy xuống, cách lạy này đơn giản nên không trang trọng.

Hai cách lạy trên dùng trong nghi thức tế lễ như cúng đình hay đám cưới hỏi, chú rê và cô dâu lạy ông bà và lạy họ, hai cách lạy sau cùng chỉ để lạy khi cúng kiến trong gia đình như đám giỗ, mừng thọ, mừng tuổi ông bà cha mẹ ngày tết.

Bốn cách lạy trên chỉ áp dụng cho phái Nam, còn phái Nữ có ba cách:

- **Lạy đúng cách:** Cũng cung hai cánh tay và hai bàn tay xòe ra, giao nhau như Nam, nhưng sau khi xá xong thì ngồi xuống, hai chân co về một bên duỗi ra sau, khi ngồi xuống rồi, hai bàn tay xòe ra chụm hai đầu ngón giữa lại, để gá trên hai bắp vế, rồi từ từ đưa lên ngang đầu để xá xuống, đầu và người cúi xuống một chút, rồi đưa lên ngang đầu để lạy xuống, đầu và người cúi xuống, khi hai tay ngang khoảng ngực thì dang hai bàn tay ra chùng một gang, để cúi đầu xuống khoảng giữa hai bàn tay, cách mặt nền nhà chùng một gang tay rồi đầu và thân ngẩng lên, đồng thời đưa hai cánh tay gần lại, để hai ngón giữa chạm nhau, rồi đưa lên ngang đầu xá xuống đồng thời đầu và thân cúi xuống theo. Sau đó tiếp tục lặp lạy.

- **Lạy giản cách:** Hai tay chấp lại, sau khi xá rồi thì ngồi xuống như cách trên, hai bàn tay chấp lại khi xá, nhưng khi lạy lúc đầu cúi xuống hai bàn tay cũng phải dang ra, khi đầu và thân ngẩng lên thì hai bàn tay lại chấp lại.

HUYỀN ÁI TÔNG

- **Lạy đơn giản:** Là quì xuống chập hai tay lại xá hay lạy xuống, đây là lạy đơn giản, không đúng cách cho phái nữ.

Lạy ở đám tang: Khi đám tang diễn ra, người xưa qui định mặc dù người chết đã tẩn liệm vào trong hòm rồi, nhưng còn ở trong nhà cũng như là còn sống, vậy thì chỉ lạy 2 lạy đối với người chết vai vế lớn hơn ta hoặc là chỗ quen biết, xóm giềng mà lớn tuổi hơn ta. Còn vai vế nhỏ như em út, con cháu hoặc tuổi nhỏ hơn ta, chỉ đốt nén hương, tưởng niệm mà thôi.

Đối với thân nhân người đã mất. theo quan niệm xưa, người ta lạy người chết bao nhiêu lạy là người chết nợ người lạy bấy nhiêu, cho nên con cháu trả hiếu cho cha mẹ là phải lạy trả lại bấy nhiêu. Đôi khi vì chỗ thật thân thiết, người đi viếng tang xin thân nhân miễn lạy trả lễ.

Có những người thân thiết, vì không thể đưa đám khi di quan, sau khi lạy 2 lạy, người ấy ngưng một chút lại lạy tiếp 2 lạy nữa.

Trong Phật giáo, nghi thức cúng vong, chúng ta thường nghe: “Nhị bái” nghĩa là lạy hai lạy, vì trong nghi thức này thân nhân xem người chết như còn tại tiền, nên “dâng cơm, vùa nước”: gấp thức ăn, rót trà, nên chỉ lạy hai lạy mà thôi.

Hiểu và áp dụng đúng cách trong lễ lạy chẳng những chúng ta giữ gìn được phong tục tốt đẹp của dân tộc ta mà còn làm cho sự lễ lạy được trang nghiêm thêm ý nghĩa cho việc hành lễ.

16-8-2009

Nếp Nhà



Từ lâu, như một thói quen, mỗi lần từ Sài Gòn về thăm nhà, dù Tết nhứt hay ngày thường, việc đầu tiên là tôi thắp hương lễ bàn thờ ông bà, sau đó đi thăm mồ mã.

Từ ngày cha mẹ tôi còn sống, nhà cha tôi như một ngôi từ đường, cha tôi thờ ông bà nội, ông bà ngoại và song thân của người, về sau bác tôi ngỏ ý muốn thờ ông bà nội, tôi gọi là ông bà cố, vì được hàng xóm mời ăn giỗ thường xuyên mà nhà không có giỗ để mời người ta đáp lễ lại, nên cha tôi để bác ấy thỉnh lư hương ông bà nội về thờ cho có giỗ quây hàng năm. Từ đó, trên bàn thờ tổ tiên, có những vị tôi gọi là ông bà cố, ông bà nội và sau này là cha mẹ tôi.

Cha tôi thứ ba, trên có bác hai tôi, dưới còn có hai chú Tám và Chín, nhưng sở dĩ cha tôi thờ cúng ông bà tổ tiên vì ông nội tôi có ba anh em trai, một người em theo đi lập lập nghiệp ở Nhà Bàn, một người em nữa đi miệt dưới làm ăn, rồi lập nghiệp ở làng Hòa Tú, Sóc Trăng, nên ông Nội tôi thờ cúng cha mẹ. Bà nội tôi, chỉ có ba chị em, một người lấy chồng ở trong xóm,

HUỲNH ÁI TÔNG

một người lấy chồng ở gần chợ Long Xuyên, là chị nên bà Nội tôi cúng giỗ cha mẹ.

Bác hai tôi lập gia đình rồi ra ở riêng, cha mẹ tôi lập gia đình rồi ở chung nhà lo phụng dưỡng bà Nội tôi, nên sau khi bà Nội tôi qua đời, cha tôi tiếp tục cúng quảy ông bà, đó là ông bà ngoại và cha mẹ của cha tôi. Mỗi năm Tết nhất, giỗ quảy bà con tề tựu về.

Còn mồ mã, ông bà cố tôi là con nuôi của ông Phủ, nên được chôn cất trong phần đất ông Phủ, ông bà Nội tôi được chôn trong phần đất của bà Cố tôi để lại. Nơi đó, nay đã thành nghĩa trang gia tộc, ngoài ông bà Nội còn an táng bác trai bác gái, cha mẹ, hai chú thím và cô tôi.

Hồi còn nhỏ, tôi thường nghe cha tôi nói, người mất trong ba ngày cứ chôn cất, không cần coi ngày, kiêng cử. Không biết có phải vì theo lời của cha tôi hay không, nhưng bắt đầu từ cha tôi, mất lúc năm giờ chiều hôm trước, mười giờ đêm tân liệm, quá Ngọ hôm sau di quan và an táng.

Mẹ tôi mất ở Bờ Ao, khuya chở về nhà ở Năng Gù, buổi sáng ấy Nhập quan, đến chiều Di quan và an táng.

Một người chú của tôi, thân phụ Giáo sư Huỳnh Hữu Chí, mất trong khi Chí và tôi ở Sài Gòn được điện tín vào buổi chiều, cả hai ra Xa cảng Miền Tây, còn chuyển xe chót về Long Xuyên, kẻ đeo, người ngồi trên mui, thời buổi bao cấp, mua vé phải xếp hàng rồng rắn, nạn vé chợ đen, chợ đỏ, nào xe quốc doanh, công tư hợp doanh, xe hợp tác xã, xe chạy ịch vì phải lòn lách những ổ gà vừa sâu vừa to bằng cái nia, chiếc đệm, rồi xe cũng về tới chợ Long Xuyên lúc quá nửa đêm. Không có xe đi về Năng Gù, phải đợi đến bốn giờ sáng mới có xe Hợp Tác

DẤU XƯA

Xã đi Châu đốc. Lên xe, nửa giờ sau đã về tới nhà. Người nhà cho biết, may mà về kịp, đến Tám giờ sẽ đi quan.

Vài năm sau, vào đầu thập niên 80, chú tôi, thân phụ Huỳnh Bảo Toàn mất, sáu giờ chiều được điện tin chú mất, không còn xe về, khuya hôm sau tôi đi xe sớm, về tới nhà một giờ trưa, nhà vắng tanh, tôi biết đã Di quan rồi, hấp tấp ra đất mộ, dọc đường gặp cô Nga, con gái lớn của chú tôi đi ngược chiều nói:

- Anh về trễ, mới chôn cất cha xong, em phải về Châu đốc lo việc nhà.

Hồi bà Nội tôi mất, nghe kể lại, cha tôi để đến bảy ngày, mỗi ngày đều có một Suôi gia đi tế lễ, mỗi người tế một con heo, ngày cất đám, mượn nhà giàn của ông Thầy Phó Phạm Phú Quý, ở làng Bình Mỹ bên kia sông, một nhà giàu có lớn trong tỉnh Châu đốc, đặt quan tài lên đó, bốn năm chục người khiêng đi, có học trò lễ, có giàn nhạc bát âm đưa đám. Theo lời cô tôi kể lại, sở dĩ gia đình làm đám tang lớn, vì bà Nội tôi là cháu nội của ông Phủ, nhà ở ngay bên cạnh nhà ông Phủ, nhưng sau khi ông Nội tôi mất, một tay bà Nội tôi tảo tần nuôi tám người con, gia cảnh trở nên khó khăn. Rồi cha tôi làm Hương chức, chú tôi làm Thầy giáo, chú kế làm Biện làng, gia đình đang êm ấm, có chút danh vọng với xóm giềng thì bà tôi mất, nên gia đình làm đám tang lớn một chút để trả hiếu.

Trong nhà có treo một tấm ảnh đám tang bà Nội tôi, nhà giàn được nhiều người khiêng qua cánh đồng. Năm nào đó vào đầu thập niên 60, anh tôi cất nhà lại, lục lạo đồ tế nhuyễn gia đình, tôi thấy mấy tấm phim chụp tang lễ bà Nội tôi, phim xưa chất hóa học tráng vào trong tấm kiếng, để có tấm ảnh lớn, phải chụp bằng tấm phim lớn, rồi in ảnh trực tiếp phim bao lớn, ảnh bao lớn, chớ không có máy phóng to như ngày nay. Những tấm

HUỶNH ÁI TÔNG

phim ấy cỡ 18 phân với 24 phân. Chất tráng phim trên kiếng tốt nên nhìn còn rất rõ nét, mặc dù những phim ấy đã trên 30 năm và không được bảo quản cẩn thận. Xem hình và phim, ngoài chú, bác tôi nhận ra được những người cô, chú họ mặc tang phục, hoặc đang kè vai khiên nhà giàn, hoặc đi theo sau nhà giàn hay lẫn lộn với những người đưa đám, nay có người còn, người mất. Nhiều người khác tôi không nhận ra, không hiểu là họ hàng hay chỉ là người làng xóm, bạn bè với chú bác của tôi.

Tuần bách nhật, cha tôi có làm một bài văn tế chữ Nôm, nhờ đó, tôi biết được gia cảnh ngày xưa, văn tế ấy như sau:

Văn Tế Mẹ

Hỡi ôi !!

Máy âm dương xoay trở, luật tạo hóa vô tư,

Đường sanh tử mắt còn, số Nam Tào nan thức.

Nhớ mẹ xưa !

Tánh hạnh hiền hòa,

Công ngôn chánh trực.

Việc đôi đũa với làng với xóm, chẳng đổi hai lời,

Sự ở ăn cùng chị cùng em, cứ gìn một mực.

Con cô tám đứa, mẹ chỉ công nuôi dưỡng, hằng lộ vẻ vui mừng,

Thân góa một mình, mẹ gắng sức dạy răn, chẳng hề than khó cực

Dạy con gái nấu nướng và may, công hạnh mọi đường,

Cho con trai học hành chữ nghĩa, nghiệp nghề đủ bực.

Trai bốn thằng, mẹ cưới vợ hai thằng, còn hai không cưới kịp cho xong,

Gái bốn đứa, mẹ gả chồng ba đứa, còn một chưa gả rồi cho phức.

Ở cùng dâu mẹ chẳng rầy rà,

DẤU XƯA

Đối với rẻ mẹ hằng khuyên dút.
Hình mẹ mới vừa già, tóc bạc hoa râu. Răng chưa rụng, mắt
chưa lòa, con tưởng chẳng yếu đau.
Vóc mẹ mới vừ ốm, da mới lém đém. Gối không dùng, tai
không lãng, con ngỡ còn sức lực.
Khoảng hai mươi ba năm, giữ tiết thờ chồng. Làng xóm ngợi
khen, con nở mặt mừng vui.
Tuần sáu mươi bảy tuổi, về quê bỏ cháu. Con dâu thương tiếc,
mẹ đành lòng gấp bức.
Ôi !!!
Nhớ mẹ ử ê!
Đau lòng bức rức!
Trời xuôi chia rẽ, con ở trần gian,
Phật vội kêu đòi, mẹ về Tây vức.
Tây vức mẹ về ngàn thuở tiêu diêu,
Trần gian con ở trăm năm buồn bức.
Mẹ đau năm bảy tháng, con lo nuôi dưỡng thuốc com, không
đáng kể sự công lao,
Mẹ thác ba bốn ngày, con để quây đơm dưa muối, chưa phi
đền ơn cút dục.
Con nuôi mẹ, kể giờ kể khắc, thiếu nghĩa thiếu tình.
Mẹ nuôi con, quên tháng quên ngày, đại ân đại đức.
Nhiều khi con cảm thương phận mẹ, chịu phận đơn cô,
Lắm lúc con sầu tủi đoàn con, cam bẻ côai cút.
Sớm đón gió, chiều nhìn mây, gió lặn mây tan, ngậm ngùi bấy,
xót lòng con trẻ luôn ai hoài.
Đêm trông sao, ngày ngắm cảnh, sao dời cảnh đổi, băng khuân
thay, thương phận mẹ già càng thốn thức.
Khi ngày qua giờ lại, ngồi buồn bã tay khoanh trói gối, chợt
thấy nhên nhện bủa tơ sâu, biếng canh, biếng dệt, hay là nhện
cũng vì khổ chủ đeo phiền.
Lúc đêm lụn canh tàn, nằm nghĩ suy tay gát ngang đầu, lắng
nghe thàn lãn chắt lưỡi thảm, biếng chạy biếng bò, hay là lãn

HUỲNH ÁI TÔNG

cũng vị tang gia than tức !

Quá chạn vạng nghe tiếng đé ngâm ru rít dưới thềm, nhớ những thuở, mẹ khuyên con thức học hành cho bằng anh bằng em, gắng chí gắng công.

Vừa bình tửng nghe gà gáy óc eo ngoài vách, nhớ những thuở mẹ kêu con đi làm lụng cho kịp thì kịp tiết, bền lòng bền sức.

Nhớ nhung áo nã khôn cùng, thương mến con đỡ vòng châu Đau đôn âu sầu chi xiết, kính thờ mẹ trong nét mực.

Hàng ngày con dựng nước, dựng hương, dựng cơm hai bữa chẳng thấy mẹ về ăn, con hằng vái hằng van.

Thường bữa con thay trà, thay cau, thay thuốc ba lần, chẳng thấy mẹ về hưởng, con thường châu thương chực.

Ôi!

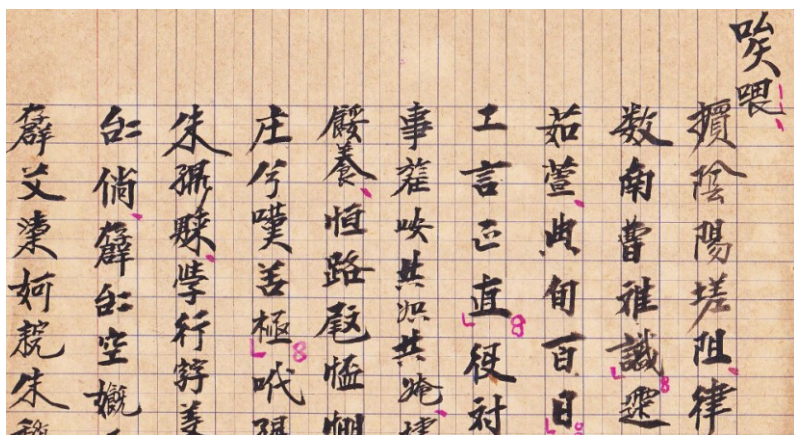
Thảo phải ba tuần rượu lạt, tấm lòng con xin kính hiến dâng.

Đơn sơ một cỗ cơm thô, hương hồn mẹ có linh thọ thực.

Đình Sửu, Trọng Thu, ngày mùng 10

Năm 1937

Huỳnh Văn Đoàn tế mẹ



DẤU XƯA

Có lẽ vì chữ hiếu ấy mà sát sanh hơi nhiều, nên sau này cha và các chú tôi chủ trương làm đám tang đơn giản, cất đám nhanh, nên nhiều người chưa kịp đi viếng tang thì đã chôn cất rồi.

Hồi cha tôi mất, thời buổi loạn ly, Phật giáo chưa hưng thịnh như ngày nay, gia đình chỉ làm Tuần thất ở nhà, mặc dù cha tôi có quy y với Sư Huệ Minh, người tu ở vùng Thất Sơn, ở Vô Bò Hóng Núi Cẩm, cha tôi có đục đá, khắc pháp hiệu Huệ Minh của Sư, chữ Hán rất to, ngày nay vẫn còn, mẹ tôi quy y tại một ngôi chùa ở Bờ Ao. Vậy mà ngày đó đến tuần thất, tôi cúng chè xôi nước, sáng cúng cơm ở tại nhà, đến Chung thất, mẹ tôi gửi tôi và cô em gái tới chùa, đêm sư Trụ Trì tụng kinh, tôi quỳ đội sớ, em tôi quỳ cạnh bên, đến công phu khuya sư Trụ trì tụng kinh, tôi cũng đội sớ với em tôi quỳ bên, và cho đến sáng thì gia đình tôi mới lễ mễ mang thức ăn đến cúng Phật, cúng thất cho cha tôi tại chùa.

Trong gia đình tôi có ai mất, chẳng hạn như vào Thứ Ba ngày Rằm, làm tuần thì tối Thứ Hai cúng Tuần thất, sáng Thứ Ba cúng cơm, còn đám giỗ thì buổi chiều ngày Mười bốn cúng một cỗ, gọi là Tiên Thường, con cháu ở các nơi về kịp hay không, không quan trọng, đến sáng ngày Rằm mới làm mâm cỗ lớn cúng ông bà, cúng người mất, cúng đất đai, gọi là Chánh kỵ, con cháu ở gần xa cố gắng về dự đủ, đó cũng là gia phong của người Việt chúng ta.

Về mở cửa mả, theo tín ngưỡng dân gian, người ta tin rằng người mới chết linh hồn còn u u mê mê, vì vậy mà lúc di quan, người nhà lấy một cái nồi đất hay cái siêu sắc thuốc bằng đất nung, liệng xuống chỗ quan tài vừa mới chuyên khỏi, để làm cho linh hồn người chết thức tỉnh, đi theo quan tài. Sau khi chôn cất 3 ngày, người nhà mở cửa mả, ngoài phẩm vật cúng như trái cây, chè xôi ..., nhất thiết người ta phải làm năm cái

HUỲNH ÁI TÔNG

ống tre, hay ống trúc bằng ngón chân cái, mỗi ống đựng một thứ đậu: Xanh, vàng (đậu nành), trắng, đỏ, đen rồi dùng vải trắng bao miệng ống lại. Năm cái thẻ ghi: Đông thần, Tây thần, Nam thần, Bắc thần và Trung ương thần, theo hướng cấm, bốn thẻ ở bốn góc mộ. Góc hướng Đông, cấm thẻ Đông thần và ống đậu Xanh, hướng Nam cấm thẻ Nam thần và ống đậu Đỏ, hướng Tây cấm thẻ Tây thần và ống đậu Trắng, hướng Bắc cấm thẻ Bắc thần và ống đậu Đen, thẻ Trung ương thần và ống đậu vàng cấm dưới chân mộ. Một cái thang thường người ta làm bằng hai cọng tàu lá chuối và những thanh tre xỏ ngang, đàn ông bảy thanh, đàn bà 9 thanh, dựng ở dưới chân mộ. Một cây chuối con hay là cây mía trồng ở gần chân mộ và một con gà giò trống. Khi cúng vái xong, người ta cột dây vào chân con gà giò, kéo nó đi quanh mộ ba vòng rồi mở dây thả con gà ra. Về cái thang tín ngưỡng dân gian cho rằng để linh hồn người chết từ âm phủ theo đó leo lên cõi dương thế hay cõi cao hơn, cây chuối hay cây mía tượng trưng cho linh hồn người chết sẽ tốt tươi lại, con gà sau khi kéo ba vòng nó bị say máu ngà ngu ngơ ở quanh mộ (nên có người lúc ngu ngơ người ta thường nói : “ - Giống như con gà mở cửa mả”), để con gà gáy cho linh hồn người chết biết ngày đêm.

Ngày nay ở chốn xa xôi hải ngoại này, đến ngày giỗ kỵ ông bà cha mẹ, không cách nào về dự được, ngày chánh giỗ cũng không có thì giờ nấu nướng, phải đợi đến cuối tuần, nấu một mâm cơm canh cúng vọng ông bà, cha mẹ, cho con cháu quay tụ về trước cúng, sau ăn uống, nhắc lại chuyện xưa để tưởng niệm đến những người đã khuất, chỉ mong cho con, cho cháu sau này có thể biết và theo đó mà gìn giữ được nền nếp gia đình, phong hóa của chúng ta.

Ngày kỵ cơm Nhạc mẫu
18-10-2008

Đám Tang Cha Tôi



Tôi đi xin bông trang cúng Phật, về chưa kịp bước vào nhà, bác Bảy con người dì bà con với cha tôi, nhà bên cạnh nhắc chiếc xe đạp đưa xuống mấy bậc thang, dục tôi:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Bỏ bó hoa trên hàng rào đó! Mày lấy xe này chạy lẹ lẹ kêu chú Chín lên chích thuốc, cha mày bị thổ huyết.

Nhận chiếc xe đạp, tôi để nó xuống chạm đất phóng lên đạp chạy ngay, dù thấy lớp xe trước đã xẹp lép, tôi cũng cứ chạy, vì biết tánh mạng cha tôi đã nguy kịch, trong nhà có vẻ rộn ràng.

Đến nhà không gặp, hỏi về chú, thím cho biết:

- Chú mày đi chích thuốc trên chợ! Có chuyện chi không?

- Cha tôi thổ huyết, kêu Chín (1) lên chích thuốc.

Tôi không kịp nghe thím hỏi thêm, quay xe chạy ngược lại để đi lên chợ kiểm chú tôi.

Tôi chạy xe ngang qua nhà, cô tôi từ trong nhà hỏi vọng ra:

- Có gặp Chín mày chưa ?

- Dạ chưa! Chín đi chích thuốc cho người ta trên chợ.

Cô tôi nói vói theo, giọng đầy lo lắng:

- Chạy lẹ lên đi!

1. Trong gia đình tôi, các cô chú thứ mấy chỉ gọi thứ mà thôi, ví dụ Chín là chú Chín, Năm là cô Năm...

DẤU XƯA

Tôi cố đạp, hình như chiếc xe không muốn chạy, vì chiếc lốp trước chẳng có chút hơi nào. Tôi nghĩ, nếu chú tôi còn bận chích thuốc cho người ta trên chợ, tôi phải chạy đến đó chừng 3, 4 cây số cũng phải mất 15 đến 20 phút. May quá, tôi chạy mới 5 phút đã thấy bóng dáng chú tôi đang đạp xe chạy về, tôi cố chạy nhanh hơn, chú gặp tôi hỏi như thường lệ:

- Mấy chạy xe đi đâu đó?

Tôi nói nhanh khi chạy ngang mặt chú tôi:

- Chú chạy nhanh về chích thuốc, cha tôi thổ huyết.

Nghe thế, chú tôi tăng tốc chạy, bây giờ tôi mới quay đầu xe đạp chạy trở về. Tôi có dịp nghĩ đến cha tôi đã bị bệnh phổi từ mấy chục năm nay, năm ngoái đi vào chiến khu để cấy nhau, nhưng không hiểu vì sao họ không cấy được, sức khỏe cha tôi càng ngày càng yếu, bệnh lao phổi, Tây y lúc đó chưa có thuốc trị.

Khi về tới nhà, tôi bước lên mấy bậc thang, thấy chú tôi đang đứng bên bộ ván ngựa cầm tay, bắt mạch cha tôi đang nằm, má tôi, cô tôi, bác Bảy đều im lặng đợi chờ.

Chú tôi buông tay bắt mạch ra, quay lại nói cho mọi người nghe, giọng tắt nghẽn, nước mắt chảy tràn trên đôi má:

- Ảnh chết rồi!

Má tôi, cô tôi và tôi đều khóc, không nói được tiếng nào!

HUỶNH ÁI TÔNG

Chú Bảy và chú Chín, con di ruột của cha tôi, nhà cách mấy căn nghe tin, hai anh em cùng đến, vừa bước qua ngưỡng cửa, thấy cảnh ấy, vội hỏi:

- Anh Ba đã tắt thở rồi hả anh Chín?

Chú tôi vẫn khóc, chỉ gạt đầu cho hai chú em bạn dì biết thay câu trả lời.

Hàng xóm đều là bà con được tin bất ngờ, họ đến nhà tôi để biết tin xác thực, ai cũng tỏ vẻ xúc động, có người nói:

- Mới thấy ảnh đi xóm dưới về khi nãy, nay đã mất rồi!

Chú tôi nhờ mấy chú còn trẻ, lấy xe đạp chạy báo tin cho bác và cô tôi hay, lại nhờ người nhắn tin lên Châu đốc cho chú khác hay. Còn anh chị tôi, người gả về Mặc Cần Dung, kẻ đi làm ruộng ở Núi Sập phải chờ sáng mai mới báo tin được, vì lúc đó đầu năm 1954, chỗ quân đội Pháp, chỗ Hòa Hảo đóng binh, ban đêm cấm đi lại, hơn nữa giao thông còn khó khăn, xe cộ không có, xe chở khách rất ít.

Nhà bác hai tôi chẳng xa, cha tôi mất chưa được nửa giờ bác hay tin đến liền, rồi cùng má tôi, chú tôi, cô tôi bàn chuyện làm đám tang, người ta thường gọi là hậu sự.

Trước tiên nhờ bác Bảy lau mình và mặc quần áo cho cha tôi, khi cha tắt thở, nằm ở bộ ván ngựa phía trên, đầu quay ra ngoài đường, bác Bảy và chú Bảy dùng khăn nhúng nước ấm có pha chút rượu trắng lau mình cho cha tôi, rồi mặc bộ bà ba trắng, ngoài mặc thêm chiếc áo dài đen, bác Bảy chải và bới tóc cho

DẤU XƯA

cha tôi, đặt nằm lại trên chiếc chiếu giữa bộ ván, gói đầu trên chiếc gối thấp, mặt đậy một tờ giấy hồng đơn, thân đắp cái mền màu vàng.

Tôi nhớ có những người chết, thân nhân để trên bụng một nải chuối, nghe nói để cho thiên cầu ăn chuối, không móc ruột người chết, như thế được toàn thân, được đi đầu thai kiếp khác. Trên bụng cha tôi không thấy có nải chuối.

Trong nhà có con mèo mun, ai đó bảo bắt mèo nhốt lại, tôi kiếm được con mèo lấy cái rổ xúc úp lại trên bờ lúa, trên rổ dằn một cục gạch. Tôi nhớ thường nghe người ta kể chuyện, nếu con “linh miêu” nhảy ngang qua thân người chết, người chết sẽ đứng lên chạy theo người sống, gọi là “quỷ nhập tràng”, người sống nào bị quỷ nhập tràng đụng tới sẽ bị chết ngay. Người ta không biết mèo nào là “linh miêu”, nên người ta phải canh chừng không cho mèo nhảy qua thân người chết. Ngày nay người ta giải thích, do người chết tích tụ nhiều điện âm, con mèo có thể mang nhiều điện dương nhảy qua thân người chết, điện dương thu hút điện âm, nên thân người chết đứng lên và chạy theo người sống. Không rõ thực hư, chuyện linh miêu do mê tín, chuyện lý giải điện âm dương chỉ là cách giải đúng theo lý thuyết khoa học là vậy.

Mẹ tôi đưa tiền, nhờ chú thợ Tư, thợ mộc gốc người chợ Thủ, nhà ở gần đó cùng ba thanh niên khác, bơi xuồng đi nhắc một chiếc hòm ở chợ Xẻo Búng, gần Vàm Nao.

Mấy chú họ khác xúm lại dỡ hai tấm vách ngăn và bộ cửa giữa, làm cho căn nhà ba gian trống trải.

HUỶNH ÁI TÔNG

Gần 9 giờ đêm, chú Tám tôi, thầy giáo dạy học ở Châu đốc, đi nhờ một chiếc xe đò quen về tới. Trước đó, cô Năm tôi nhà trên đầu vàm, được tin đã lợi bộ tới, như vậy anh em của cha tôi còn người em rể thứ Tư ở Thị Đam, hai vợ chồng cô thứ Sáu ở Cần Đăng chưa hay tin.

Anh em tôi thì anh thứ Hai, trốn lính đi Pháp năm rồi, chị Ba tôi, cha mẹ gả về Mặc Cần Dung, chị thứ Tư và anh thứ Nam đang gặt lúa nhà ở Kinh Ông Cò, gần Núi Sập và mấy di của tôi ở Phú Hòa đều chưa được tin.

Khi hòm chở về, bày ra sân gồm một cái thân, một cái nắp và hai cái chân, cũng gọi là con ngựa, chú thợ Tư và anh của chú là dựng Sáu Nho, dựng họ của tôi cùng nhau bào rà thân hòm và nắp hòm, để khi liệm đây nắp lại cho kín, họ cũng đánh lại vệt-ni màu đỏ, dùng hồ do họ chế tạo để trét kín các chỗ góc ghép gỗ.

Bên nhà bác Bảy, ở bộ ván phía trên, mấy bà đang cắt may áo, quần, khăn tang cho gia đình chúng tôi, họ hỏi rất cẩn thận, mấy con trai, con gái, con dâu, con rể, anh, chị, em, người thì nguyên bộ, kẻ chỉ cái quần với cái khăn, kẻ chỉ mỗi một cái khăn. Tuyệt đối không để thừa hay thiếu.

Ở bộ ván phía dưới, chú Tám tôi có hoa tay, đang làm hình một con thỏ giúp cho ông Bảy Đồi đang dán hoa văn và chú Hai, con ông Hương Cả đang viết chữ trắng trên giấy hồng đơn của tám Triệu. Nghe nói những vị Đại Sư tịch hay những quan triều đình mất, vua ban cho tên gọi là Thụy, để nói lên công đức của đại sư hay tài đức của vị quan. Theo đó người thường sau khi

DẤU XƯA

chết, cũng nhờ người hay chữ cho tên Thụy. Tôi không biết chú Hai có ghi tên Thụy cho cha tôi không, chắc là có.

Sau này tìm hiểu tám Triệu hay Minh tinh là ghi chức tước, tên họ, Thụy, làng tổng cuối cùng là Chi Linh Cửu, người ta cho rằng nó như thẻ Căn Cước của người sống, để người chết dùng đi đường ở cõi âm, dù viết mấy chữ, người ta phải đếm theo thứ tự: Quý, Khốc, Linh, Thính sao cho đàn ông rơi vào chữ Linh, đàn bà rơi vào chữ Thính, kỵ rơi vào chữ Quý sẽ bị chết trùng, chữ Khốc sẽ có người thân chết tiếp theo.

Tôi buồn vì nổi cha mắt, khóc rồi mệt mỗi nằm ngủ ở bộ ván phía dưới lúc nào không hay.

Bác tôi đánh thức dậy, dẫn tôi đến chỗ chỗ bộ ván phía trên, bộ ván đã dẹp rồi, giờ chỗ đó đặt cái hòm trên hai con ngựa nên khá cao, tiến hành lễ Nhập quan.

Xưa có lễ Phạn hàm rồi lễ Khâm liệt trước lễ Nhập quan. Lễ Phạn hàm là khi người chết sắp chết, người ta dùng một vật chẳng hạn như chiếc đĩa bếp, để ngăn giữa hai hàm răng, không cho khép lại, sau đó làm lễ Phạn hàm, người xưa dạy: "Đấng thiên tử thì dùng trân châu, vua và chư hầu thì dùng ngọc, quan đại phu thì dùng ngọc bích, kẻ sĩ thì dùng bói, dân dã thì dùng cơm gạo, tiền kẽm...".

Khâm liệt là bó cái xác lại với vải Tiểu liệt, gồm một tấm xuôi, ba tấm ngang, còn Đại liệt gồm một tấm xuôi năm tấm ngang. Cha tôi cũng như các chú, bác về sau không có lễ Phạn hàm và Khâm liệt. Sau khi Khâm liệt hay đưa cái xác vào quan tài gọi là Nhập quan.

HUỲNH ÁI TÔNG

Các cô, các chú mẹ và em tôi đã đứng sẵn chung quanh quan tài màu đỏ, chưa đặt nắp. Khi bác Hai dẫn tôi đến cạnh quan tài, bác bỏ tay tôi ra, rồi cúi xuống đỡ tờ giấy hồng đơn trên mặt cha tôi ra, em gái tôi còn nhỏ, không nhìn thấy, cô Bảy tôi phải ẵm lên cho thấy, tuy tôi nhìn thấy, nhưng bác Hai cũng cúi xuống ẵm tôi lên, nói:

- Hãy nhìn kỹ mặt cha con đi, để rồi sẽ không bao giờ còn thấy nữa nghe con.

Qua làn nước mắt, tôi thấy người ta để cha tôi nằm xuôi hai tay, đầu đội khăn đóng, mặc thêm chiếc áo rộng xanh dương, áo này cha tôi chỉ mặc mỗi khi cúng Đình, cha tôi như nằm ngủ, nhưng mặt không còn sắc. Nghe nói những nút áo, khi liệm người ta lắt bỏ hết và không liệm theo đồ kim khí.

Vài phút sau, bác bỏ tôi đứng xuống, lấy tờ giấy hồng đơn đặt mặt cha tôi lại, kéo tấm vải liệm trắng từ dưới chân lên người rồi lên tới đầu, che khắp thân cha tôi, rồi nói:

- Thím và các em lạy đi, xong đóng nắp áo quan.

Mẹ tôi các cô chú lạy, tôi và cô em cũng lạy theo hai lạy.

Sau khi lạy xong, mẹ tôi và các cô chú tránh ra, nhường chỗ cho Dượng Sáu và chú thợ Tư lo việc tẩm liệm, có bác tôi đứng gần trông nom, tôi đứng dang xa ra một chút xem họ làm, họ lấy những bó bông gòn được chuẩn bị từ trước, dùng giấy xúc, giấy bồi bó bông gòn ở trong chùng bằng bấp tay, như cái loa kèn thổi, gọi là “quần kèn”, chèn chung quanh thân cha tôi, để lên trên thân cha tôi mấy lớp vun cao hơn thân hòm, rồi ba bốn

DẤU XƯA

người xúm lại khiêng cái nắp hòm đem đến gần quan tài, họ lại bôi keo xung quanh mép dưới cái nắp, xong đầu đó mới đặt lên, đóng nắp quan tài lại.

Phút đó tôi mới nghĩ cha tôi không còn nữa. Tình nghĩa cha con vĩnh biệt từ đây.

Dương Sáu với chú thợ Tư lại lấy keo trét kỹ lại theo đường giáp mí thân và nắp hòm, rồi dùng mấy cái chốt gọi là “cá” đóng khóa lại, chỗ nào đóng xong lại lấy keo trét cho không thấy dấu và cho kín hơi. Cuối cùng đặt lên trên nắp hòm một cái giá đèn, mượn ở Đình cùng với bộ Đòn Ròng. Ở dưới quan tài, để một ngọn đèn dầu, Trên đầu quan tài đặt một cái bàn vong.

Trên bàn vong ấy đặt ở phía trong cùng gần quan tài, một miếng tre dán trên đó tờ giấy hồng đơn ghi chức tước, tên họ người chết cuối cùng chữ Chi Linh Vị. Trước Linh vị đặt một lư hương, trước lư hương là ba chung rượu, trước đó là ba chén cơm, chén cơm giữa đầy vung, trên mặt để một cái hột gà luộc chín đã bóc vỏ với một đôi dưa, hai bên là hai chén cơm, trên mỗi chén cơm chỉ có nửa cái hột gà và một chiếc dưa. Người ta truyền tụng, người mới chết bị hai quỷ sứ kèm hai bên, nên cúng quỷ sứ chỉ cần một chiếc dưa, cho chúng ăn chặm, người chết mới ăn được, nếu để nguyên đôi, quỷ sứ ăn nhanh, sẽ dẫn người chết đi khi chưa kịp ăn, hoặc là chúng sẽ ăn hết phần của người chết. Bên tay phải để bình hoa và bên tay trái để đĩa trái cây có nải chuối, dưa hấu, quit và cặp chân đèn, trước cái bàn này có căng tấm Tiền Bàn vải trắng chữ đen, sau này tôi mới

HUỶNH ÁI TÔNG

biết mấy đại tự ấy là: Táng Trí Kỳ Ai và chữ Điện ở giữa với hai câu đối thơ:

Hàng bên phải: Thủ Hiếu Bất Tri Hồng Nhật Lạc

Hàng bên trái là: Ân Thân Duy Vọng Bạch Vân Phi

Từ lúc đó, đèn cầy trên giá, trên chân đèn ở bàn vong được thắp sáng, hương được thắp liên tục.



Sau khi liệm xong, mọi người đến bàn thờ giữa nhà, đây là nơi thờ ông bà cố, ông bà nội tôi, bác tôi bảo: “Lạy cửu huyền để xin phép thọ tang”. Mẹ tôi lạy bốn lạy rồi lấy khăn, quần áo tang mặc vào, tôi và em tôi cũng làm như vậy, còn các cô chú bác cũng lạy bốn lạy nhưng mỗi người chỉ nhận có cái khăn

DẤU XƯA

tang mà thôi. Cháu gọi cha tôi bằng chú, bác, cậu mỗi người cũng một cái khăn, hàng cháu thọ tang trong Ca dao có câu:

*Chồng Cô, vợ Cậu, chồng Di,
Ba người ấy chết, ta thì không tang.*

Sau khi mặc quần áo và đội khăn tang xong, mẹ tôi dẫn anh em tôi đến bàn vong để lạy. Mẹ tôi đốt mấy cây nhang, người cầm ba cây, đưa cho tôi một cây, em tôi một cây, rồi mẹ tôi quỳ xuống nguyện hương, chúng tôi cũng quỳ theo. Tôi không rõ mẹ tôi khăn vái chi, thấy mẹ đứng lên cầm nhang trên bàn vong, chúng tôi cũng làm theo, rồi mẹ lạy hai lạy, tôi và cô em gái cũng lạy theo như vậy.

Tôi thấy mẹ tôi rất buồn, nước mắt chảy chớ không khóc thành tiếng, tôi nghĩ người cố nén đau buồn để tỉnh táo lo đám tang cho cha tôi được vuông tròn.

Sau đó, bác và các cô chú tôi lạy. Bà Sáu, di ruột của cha tôi đến bàn vong đốt một cây nhang cắm vào lư hương, rồi bà ra về.

Ai đó đã treo tấm triện trên vách gần linh cửu của cha tôi, vì là chữ Nho nên tôi không biết viết chi, biết có họ tên cha tôi nhưng chẳng biết chữ nào họ, chữ nào tên.

Đã quá nửa đêm, nên chưa có ai đi phúng viếng, nhưng bác và mấy chú tôi vẫn ngồi nói chuyện ở bàn nước, các cô tôi kẻ nằm, người ngồi trên bộ ván ngựa phía dưới, hàng xóm cũng có vài người tới chơi, cốt để cho trong nhà được ấm cúng sau khi có người nằm xuống.

HUỲNH ÁI TÔNG

Cô Hai, một mẹ khác cha với cha tôi, nhà ở cạnh Đình, cũng vừa tới, cô ngồi trên bộ ván ngựa bên cạnh mẹ tôi, nói:

- Hồi chiều đi trên con ba về, tôi gặp cậu ba ở dọc đường, sẵn có mấy con khô cá lóc, tôi cho cậu một con, về nhà ăn chưa đập bã trầu, đã nghe cậu nó mất rồi. Mất mà không đau ốm chi cũng tốt, nhưng mất sớm quá năm nay mới được sáu mươi, nghĩ tiếc sao mà vẫn số!

Cô Hai ngưng một chút, lại hỏi:

- Sao nghe mợ đi làm ruộng dưới Kinh Ông Cò mà bây giờ có ở nhà ?

Mẹ tôi trả lời:

- Như có điềm không may chị Hai! Tự nhiên hôm qua tôi ngủ không được, không hiểu nhà có chuyện chi, sáng ra tôi bỏ cho hai đứa nhỏ ở lại gom lúa, về nhà thấy không có chuyện gì, đã mừng, nào ngờ cha tụi nó trở bệnh, mất nhanh vậy.

Lúc đó chú Tư Hời tới, gặp mẹ tôi hỏi:

- Chị Ba sai tụi nhỏ gọi tôi có chuyện chi?

Mẹ tôi vừa móc túi lấy tiền đưa cho chú vừa nói:

- Chú Tư lấy chiếc xe vá cái bánh trước, cầm tiền này sáng sớm mai đi xe xuống Long Xuyên rồi đập xe vô Bờ Ao báo cho chị Hai, chị Ba, chị Năm biết anh Ba đã mất, rồi nhờ đứa nào đó báo cho con Hân với thằng Tộc hay cha nó mất,

DẤU XƯA

phải về liền cho kịp, chớ ngày mai giờ Ngọ đi chôn, nhớ nghe chú Tư.

- Dạ! Chuyện này để tui lo chị Ba!

Chú Tư Hời ra lấy chiếc xe đạp, dẫn đi, có ông Bảy Ty với chú thợ Tư vào, bác hai tôi mời vào ngồi uống trà ở bàn giữa nhà, ông Bảy vừa ngồi xuống đã nói:

Hồi chiều Hương sư nằm nói chuyện chơi ở nhà tao như mọi hôm, rồi đi về hút chưa tàn điều thuốc đã nghe Hương sư nó mất tao không dám tin, lội lên đây xem hư thiệt, ở chơi một chút rồi về nằm nghỉ lưng, mới ngủ chưa thẳng giấc, đã nghe tiếng Hương sư gọi: “Cậu Bảy! Cậu Bảy! Ngồi dậy nói cái này cho cậu nghe!”.

Giật mình thức dậy, biết mình chiêm bao, lớn tuổi rồi dễ giấc ngủ lại không được, mới nghĩ thôi lội lên đây chơi một lát. Nghe nói trưa mai cất đám rồi phải không Hai ?

Bác tôi trả lời:

- Dạ! Trưa mai chôn, cậu Bảy !
- Sao làm gấp gáp quá vậy ?
- Dạ! Chú nó thường bảo chết rồi trong ba ngày chôn khỏi coi ngày giờ, cho nên mai chôn, một chôn cất cũng vậy!
- Vậy còn hai đứa nhỏ về kịp không?

HUỶNH ÁI TÔNG

- Chắc kíp Cậu! Mà kíp hay không cũng không quan trọng, thím nó với anh em trong nhà cũng đồng ý chôn ngày mai, vì sớm hay muộn cũng vậy thôi...

Tôi buồn và mệt rồi ngủ đi tự lúc nào, đến khi bị mẹ tôi đánh thức vào sáng sớm để chuẩn bị lạy đáp lễ những người đi phúng viếng.

Mẹ tôi dạy:

- Xúc miệng rồi xuống bếp ăn cơm hay cháo dần bụng, chút nữa người ta tới lạy cha con, con phải lạy trả lễ, để ý người ta lạy hai lạy, con lạy trả lễ hai lạy, nhưng cũng có người lạy bốn lạy mình phải lạy trả lễ bốn lạy. Nhớ đứng cạnh quan tài, không được đi đâu nghe hôn.

- Dạ!

Tôi làm theo lời mẹ tôi dạy, rửa mặt, xúc miệng rồi đi xuống bếp ăn chén cháo, bây giờ tôi mới nhớ hôm qua tới nay tôi chưa ăn cũng không thấy đói, nhưng ráng ăn cho hết chén cháo để dần bụng.

Tôi ăn cháo xong thì trời sáng bết rồi, nghe có người gọi phía trước, tôi uống vội gáo nước, đi ra trước, cô Bảy gặp tôi bảo:

- Ra lạy tạ, có người đi đám tang sớm đó con.

Tôi ra đứng cạnh quan tài, đã có người đi viếng tang cha tôi, rồi lần lượt đàn ông có, đàn bà có, thanh niên thì rất hiếm, hầu hết đều lạy hai lạy, cá biệt cũng có người lạy hai lạy ngưng một chút rồi lạy tiếp hai lạy nữa. Tôi hiểu người đó sẽ không đi

DẤU XƯA

đưa. Có người lạy một mình, có khi hai, ba người đàn ông hoặc đàn bà cùng lạy, cũng có khi một cặp vợ chồng. Trước khi lạy, mỗi người đều thấp một nén nhang cho cha tôi rồi mới lạy, khi lạy quan tài cha tôi xong, ai cũng xá tôi một xá, tôi cũng phải xá lại.

Có những người trong thân tộc hoặc rất thân thiết với gia đình tôi, họ xin đừng lễ tạ, chẳng hạn chú thợ Tư, chú là em ruột Dương Sáu con rể của em gái bà nội tôi, trước khi lễ, chú nói vói qua bàn vong cho tôi nghe:

- Qua kính cậu Ba như em của má qua, thôi chú mày đừng trả lễ nghe!

Con cô dưỡng Tư ở dưới vòm cù lao, hai gia đình thân thiết, tôi kính cô như mẹ, anh Tư Sến cầm cây nhang trong tay, trước khi lạy bảo tôi:

- Anh như con cháu trong nhà, để anh lạy cậu Ba, đừng trả lễ nghe em.

Cha tôi làm làng, lại là cháu ngoại của bà họ Dương, một họ lớn, có ông Tiền Hiền lập làng thuở xưa, nên khách viếng tang rất đông, những người viếng tang lạy rất cung kính và đúng cách, có một người Tàu lạy, tôi thấy khác lạ hơn Việt Nam ta.

Khoảng 8 giờ sáng, chị Ba tôi từ Mặc Cần Dung được tin về thợ tang cha, chị đi xe lôi từ bến đò Đình về nhà, xuống xe chị bỗng thẳng con nhỏ, vừa đi vừa khóc từ ngoài đường vào nhà, chị xin thợ tang, bác tôi nói:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Con đã có chồng rồi, việc để tang phải được phép của cô Ba, mẹ chồng con cho phép, chớ không được tự ý. Chờ cô ấy đi phúng con xin cho phải phép.

Hơn 1 giờ sau, mẹ chồng chị tôi mới mang lễ vật hoa, quả, trà, rượu tới phúng sui gia. Chờ cho mẹ chồng phúng viếng xong, chị tôi bung khai trầu rượu tới, mời mẹ chồng chung rượu, lạy mẹ chồng hai lạy xin phép thọ tang cha. Bà ấy nói:

- Con không xin phép, má đây cũng bắt con phải thọ tang để trả hiếu cho anh sui, má đã bảo chồng con cũng phải để tang nữa. Vậy mới phải đạo con à!

Khách đi viếng, thân tộc hay họ hàng hoặc người quen biết đều được chú hay bác tôi tiếp đãi mời ngồi uống trà, ăn bánh, ngỏ lời cảm ơn khi họ chào ra về.

Chừng 10 giờ, gia đình dựng Tư tôi từ Thị Đam xuống, kế đó là cô, dựng Sáu từ Cần Đăng ra, ai cũng kính trọng và thương mến cha tôi vì khi sanh tiền cha tôi nghiêm khắc rầy la em út khi làm sai quấy, giúp đỡ khi khó khăn.

Trong bếp ở nhà sau, cô tôi và mấy thím, chị họ nấu nướng để đãi khách bữa ăn trưa.

Khoảng 11 giờ, mấy mâm cơm dọn ra ở bộ ván ngựa phía dưới, hai cái bàn tròn ngoài sân, mẹ tôi, bác chú tôi mời khách và những người phụ giúp đám tang dùng bữa, cứ dọn ăn liên tục cho đến gần 12 giờ mới tạm ngưng để chuẩn bị cất đám.

DẤU XƯA

Sắp sửa di quan thì chị Tư và anh Năm tôi mới về tới, cả hai chỉ kịp vội vàng làm lễ thọ tang và lạy trước linh cửu cha tôi, rồi Đạo tỳ tiến hành chuyển linh cửu cũng gọi là di quan.

Trước khi di quan, anh tôi bung một cái khay trên ấy đặt lư hương và bài vị có bình hoa, chung rượu lẩy ở bàn vong bung đến bàn thờ ông bà làm lễ bái cáo biệt tổ tiên, cũng gọi là triều tổ rồi đi ra chỗ đờn rờng chờ.

Trong khi đó bàn vong được dẹp đi, đạo tỳ là anh Chín Pheo đứng trước, sau đó là một số trai trẻ xếp thành hai hàng, mỗi bên 6 người. Anh Chín và mỗi người cầm một cây nhang nguyện hương, rồi có người tiếp lấy đem cắm vào lư hương do anh tôi bung trong cái khay, sau đó nhóm đạo tỳ lạy 2 lạy, lạy xong, anh Chín hô to:

- Đạo tỳ

Những người đạo tỳ đáp lại:

- Dạ!

Tiếp theo anh Chín ra lệnh chi đó tôi nghe không rõ, những người đạo tỳ đó đi đến linh cửu cha tôi, rồi họ làm nhíp nhang theo lệnh anh Chín để chuyển quan tài ra sân, trong khi đó người nhà dẹp cây đèn để dưới linh cửu, rồi lấy cái siêu đã chuẩn bị từ trước, ném ngay xuống sàn chỗ linh cửu vừa chuyển đi. Người ta truyền tụng làm vậy gây tiếng động cho linh hồn người chết thức tỉnh, sau một thời gian nằm yên, sờ dĩ liệng cái siêu vì nó dễ bể, rẻ tiền, gây được tiếng động, hoặc

HUYỀN ÁI TÔNG

người ta ném vật chi khác cũng được, hoặc đốt phong pháo cũng nên.

Linh cử được chuyển ra ngoài sân đặt trên đòn rồng, đòn rồng là hai cây đòn dài, một đầu chạm trở đầu rồng, đầu kia chạm trở cái đuôi, ở giữa có những cái lỗ để xỏ 6, 7 cái thanh ngang, có nêm khóa lại, linh cử được đặt trên các thanh ngang, nằm giữa 2 cây đòn dài để người ta kê vai vào khiêng đi.

Theo sắp đặt, có hai cái bàn nhỏ, ngang chừng 4 tấc, dài hơn 1 thước, bàn quay ngang, hai bên cạnh gắn cột hai tay đòn bằng tre, ló ra phía trước và phía sau chừng một thước, để bốn người kê vai vào khiêng.

Bàn đầu tiên ở giữa cạnh dài, người ta đã cột một cây tre, trên cây tre này đã cột tám Triệu và ràng rịt không cho tám Triệu xoay trở khi gặp gió.

Bàn kế cột chặt một cây dù để che mặt trên của cái bàn.

Tiếp theo là đòn rồng, để đặt linh cử lên đó khiêng đi.

Khi anh Chín điều khiển cho các đạo tỳ đặt linh cử lên đòn rồng xong, anh Hai Tráng dẫn tôi đến cái bàn đầu tiên, anh bồng tôi đặt lên bàn nói:

- Hôm nay chú mày ngồi trên bàn này, vinh hạnh được tụi tao khiêng đi đó nghe.

Tôi chỉ biết làm theo, ngồi trên bàn có tám Triệu, nhớ tới câu ca dao:

DẤU XƯA

*Một mai ai đứng minh tinh
Ai phò giá triệu, ai nghinh quan tài.*

Còn anh tôi bung cái khay có lư hương, bài vị đặt trên bàn thứ hai, đó là hương án có cây dù che, anh tôi đi theo hầu hương án, kế đến là đòn rồng, sau đòn rồng là tang quyến có mẹ, chị, em tôi rồi các cô chú và anh rể, sau đó những họ hàng, làng xóm đi đưa.

Sau khi chuẩn bị xong, anh Chín ra hiệu, mỗi bàn có bốn người kê vai khiên, còn đòn rồng, mỗi bên có 6 người, họ cúi xuống lên tay rồi lên vai nhàn theo hiệu lệnh của anh Chín.

Bàn Triệu có tôi ngồi dẫn đầu, đi lối nào thì hương án và đòn rồng đi theo đó. Đám tang đi ra sau vườn nhà, đi qua cánh đồng, lội qua con rạch Chanh, đi mem theo vườn nhà ở đất giồng để tới nghĩa trang gia đình, nơi đây có mộ ông bà nội, bác gái, con gái của bác ấy và thím tôi, huyết cha tôi đào bên cạnh bà nội tôi, đầu hướng về phía Tây, phía ấy cũng là hướng Bấy núi, tôi nghĩ về ý nghĩa “đầu gát núi” hay “đầu hướng về Tây phương”.

Đến nơi, bàn Triệu đặt xuống, anh Hai Tráng đỡ tôi xuống rồi hạ cây tre xuống để lấy tấm Triệu. Trong khi đó bác Hai tôi đặt một cái mâm gồm có chân nhang, đèn, đĩa trái cây, tam sên, cái chung và chai rượu, bác rót rượu, đốt ba cây nhang, nguyện hương rồi cắm nhang xuống cái chân nhang, sau này tôi mới biết đó là bác cúng Thổ địa, cũng có người gọi là “Đất đai viên trách”, để tế cáo xin phép chôn cất cha tôi tại đó.

HUỶNH ÁI TÔNG

Rồi các đạo tỳ giúp khiêng linh cửu cha tôi đến huyệt mộ, họ đặt 3 tay đòn gát ngang miệng huyệt, đặt linh cửu lên đó, rồi dùng 4 miếng tre, mỗi miếng ngang chừng 3 ngón tay, dài chừng 6 thước, tất cả luồn ngang qua đáy linh cửu, hai bên dưng ra, mỗi bên 2 người nắm. Theo lệnh anh Chín họ dùng các thanh tre nâng linh cửu lên, rút tay đòn ra rồi từ từ hạ linh cửu xuống huyệt.

Trong khi đó anh Hai Tráng đem tấm Triệu đưa cho bác tôi, có người thấy bông hình con thỏ đẹp nên xin, bác tôi xé phần đó ra cho họ rồi bác châm lửa đốt tấm Triệu.

Anh tôi đặt khai có lư hương, linh vị trên đầu huyệt, mẹ và tất cả chị em tôi lạy lần chót linh cửu, rồi mỗi người thân nhân lấy một nắm đất rải trên huyệt, tượng trưng cho thân nhân tự tay chôn chắt người thân đã mất, sau đó mấy người giúp, xúc đất đã đào lấp đầy huyệt và đắp vun lên thành núm mồ.

Sau khi xong, gia đình chúng tôi mỗi người lạy trước huyệt mộ bốn lạy, rồi anh tôi đội khay linh vị, tất cả buồn bã lặng lẽ theo nhau đi về.

Về tới nhà, cũng ở gian phía trên, bác cho bài trí bàn thờ cha tôi, sát vách treo tấm Bài Chấm, trước Bài Chấm là ảnh bán thân cha tôi, kế đó để linh vị, phía ngoài để ba cái chung cúng trà, nước, ngoài cùng để lư hương, bên tay phải để bình hoa, tay trái để đĩa trái cây cùng hàng ngang ngoài cùng là đôi chân đèn, sau bình hoa là ngọn đèn dầu.

Mẹ và anh em chúng tôi lạy an vị cha tôi trên bàn thờ bốn lạy. Từ đó, đèn luôn thấp sáng, nhang đốt liên tục ngày đêm. Trên

DẤU XƯA

bàn thờ, mỗi ngày hai buổi cúng cơm, thức ăn sáng, chiều cho đến cúng bách nhật hay ba tháng mười ngày mới thôi.

Hai tấm vách trước và bộ cửa giữa đã ráp lại như cũ, cha tôi mất rồi, nhà trở nên vắng lặng lạ thường, không ai buồn nói tới ai, mọi người lặng lẽ tìm một góc nằm, đến giờ cơm chiều mẹ nhắc nhưng chẳng ai muốn ăn, ngày như nặng nề chẳng muốn trôi qua.

Ngày chôn cất cha tôi là ngày thứ nhất, sáng ngày thứ ba bác tôi chuẩn bị sẵn ở nhà mang tới 5 ống tre nhỏ, mỗi ống đều có một lóng để chứa, một đầu vót nhọn để ghim xuống đất, mỗi ống đều có viết chữ Nho, sau này tôi mới biết, đó là: Đông Thần, Tây Thần, Nam Thần, Bắc Thần và Trung Ương Thần, bác sai tôi lấy đậu bỏ vào các ống tre, sau này tôi mới biết, đậu trắng ống tre Tây Thần, đậu xanh ống tre Đông Thần, đậu đỏ ống tre Nam Thần, đậu nành (vàng) ống tre Trung Ương Thần, đậu đen ống tre Bắc Thần, rồi lấy vải và dây bịt ống tre có đậu lại, bác chặt hai tàu lá chuối lấy hai cọng lá một đoạn ngắn chừng hơn gang tay và một cọng lá dừa, chặt thành những khúc ngắn, dài chừng nửa gang tay, xong bác xỏ cọng dừa qua 2 cọng chuối, làm thành một cái thang có 7 nấc, người nữ làm 9 nấc, bác sai tôi đi xin một cây mía lao và bắt con gà giò mẹ tôi đã chuẩn bị sẵn từ đêm trước.

Rồi cả nhà cùng bác tôi đi “mở cửa mả” vào buổi sáng đó, khi đến nơi mẹ tôi bày biện trên mâm một đĩa trái cây, đĩa bánh, đèn nhang, bình hoa, bác tôi cắm chung quanh 4 góc mộ 4 ống đậu: đậu xanh ống tre Đông Thần góc hướng Đông, đậu đỏ góc hướng Nam, đậu trắng góc hướng Tây, đậu đen góc hướng

HUỶNH ÁI TÔNG

Bắc, đậu vàng cắm dưới chân mộ, cái thang cũng gát lên núm mộ ở dưới chân. Trồng cây mía lao trên đầu ngôi mộ, sau đó lên nhang đèn, mỗi người lạy bốn lạy, lạy xong tôi kéo con gà đi chung quanh mộ ba vòng rồi thả ra, con gà bị say máu gà nên quay mòng mòng, ngu ngơ nên người ta thường hay nói người nào ngu ngơ “như con gà mở cửa mả”. Dân gian truyền rằng, cái thang để người chết, theo đó leo lên cõi trên, con gà để nó ở quanh quần đó, ăn những hạt đậu mà sống, đêm có tiếng gáy cho hồn người chết biết ngày và đêm, cây mía sống tươi tốt như linh hồn người chết được hồi sinh ở cõi âm, có người cho rằng nếu người đàn bà có mang mà chết, thay vì trồng mía lao sẽ trồng cây chuối, để cây chuối sẽ “nở nhụy khai hoa”, như người đàn bà sanh con.

Cha tôi mất ngày Rằm tháng Giêng năm Giáp Ngọ nhằm ngày Thứ Tư 17-2-1954, sau đó cứ đến tối Thứ Ba cúng chè trôi nước và xôi ở các bàn thờ trong nhà và một bàn ở ngoài sân, cũng hương, hoa, quả, chè xôi và sáng ngày Thứ Tư có mâm cỗ cúng trong nhà, cứ cúng cho đến tuần thứ bảy gọi là Chung thất thì tôi và em tôi, tôi thứ Ba xuống chùa đêm ấy tôi quỳ đội sớ, Hòa Thượng trụ trì tụng kinh cầu siêu, khuya hôm sau cúng thêm một thời nữa, rồi đến sáng mẹ và anh, chị tôi mới mang thức ăn chay đến chùa thiết lễ cúng chung thất tại chùa.

Đến ba tháng mười ngày, nhà mới làm cỗ lớn mời những người đã tới lo giúp đám tang cha tôi như bác Bảy, hai chú con bà Sáu, Dượng Sáu, em Dượng là chú thợ Tư, anh Hai Tráng, anh chín Pheo, chú Ba Lèo, chú Ba Diệu, chú Chín Khước... với mấy cô, mấy thím ...

DẤU XƯA

Giáp năm cúng gọi là Tiểu Tường và hai năm cúng gọi là Đại Tường, xả tang cho cả nhà. Tiểu Tường hay Đại Tường tôi đã đi học lại, nên không có dự những lễ này. Sau khi cúng Đại Tường xong, quần áo tang đốt bỏ, bàn thờ vong của người chết sẽ dẹp bỏ những nghi tiết tang lễ, trong nhà tôi thỉnh lư hương ấy vào thờ chung với ông bà. Những nhà không có bàn thờ ông bà thì có thể thiết trí lại để trở thành bàn thờ trong nhà.

Đề tang theo phong tục, đạo lý cổ truyền là để bày tỏ lòng hiếu kính đối với người thân đã khuất, cho nên xưa kia người đang thọ tang không lập gia đình, có gia đình không sinh con, không trang điểm, không ăn mặc hoa hòe, không xem nghe hát xướng, không ngồi trên chiếu bông, có người còn ăn chay, nằm đất.

Sau này tìm hiểu, Tang lễ người Việt Nam chúng ta căn cứ vào sách Thọ Mai Gia Lễ của Hồ Sỹ Tân (1690-1760), ông hiệu Thọ Mai, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ năm 1721, làm quan đến Hàn Lâm Thị Chế. Sách Thọ Mai Gia Lễ có trích một phần sách Hồ Thượng Thư Gia Lễ của Hồ Sĩ Dương (1621-1681), đậu tiến sĩ năm 1652, làm quan đến chức Hình Bộ Thượng Thư, tước Duệ Quận Công. Cả hai sách đều dựa vào Chu Công Gia Lễ của Chu Cơ Đán, thường được gọi là Chu Công Đán, là khai quốc công thần, cùng Khương tử Nha lập nên nhà Chu, ông chế định tục vua cha truyền ngôi cho con (truyền tử), cúng tế Xuân Thu, phong đất cho chư hầu, lập nên chế độ phong kiến. Kinh Dịch có từ vua Phục Hy, đến Chu Văn Vương đem 64 quẻ đặt tên và diễn giải lành dữ của mỗi quẻ gọi là Thoán từ, Chu Công thêm mỗi quẻ có 6 hào thành ra 384 hào. Thoán từ và các Hào gọi là Chu dịch.

HUỲNH ÁI TÔNG

Tang lễ căn cứ vào tang phục chia thành 5 loại: Trảm thôi, tư thôi, đại công, tiểu công và tư ma.

Trảm thôi (斬衰) trảm(斬): chém, thôi (衰): áo tang, áo may vải thô, dùng dao cắt (trảm), may sơ áo thụng hay áo rộng, xỏ gấu. Quần cũng sổ gấu.

Tư thôi (齊衰): tư cũng là tề hay trai (齊), tư có nghĩa là gấu áo, tư thôi là áo tang vải thô vén gấu, quần cũng vén gấu

Đại công (大功): Vải ít thô hơn Trảm hay Tư thôi.

Tiểu công (小功): Vải ít thô hơn loại dùng cho Đại công

Tư ma (緦麻): Tư hay ti là nhỏ (緦), ma (麻): gai, tư ma chỉ cho vải dệt sợi gai nhỏ, tức là vải tốt hơn loại dùng cho Tiểu công.

Thời gian cư tang tùy theo quan hệ huyết tộc, chia ra 5 loại: Ba năm (Đại tang), một năm (cơ niên), chín tháng (cửu nguyệt), năm tháng (ngũ nguyệt) và ba tháng (tam nguyệt).

Tang 3 năm: Theo sách Thọ Mai Gia Lễ còn 27 tháng. Đó chính là thời gian con cư tang cha mẹ. Vì sao ? Vì ân đức cha mẹ dưỡng sinh con cái đức Khổng Tử viết: “*Tử sinh tam niên, nhiên hậu miễn vu phụ mẫu chi hoài, phụ tam niên chi táng, thiên hạ chi đạt táng dã* (子生三年, 然後免于父母之懷, 夫三年之喪, 天下之達喪也)”, tức là trẻ con sau ba năm mới được rời khỏi vòng tay bế ẵm của cha mẹ, cho nên khi cha mẹ mất đi, con cái phải báo đáp cái ân huệ vất vả nhứt của cha mẹ trong ba năm, để tang cha mẹ ba năm là lễ tang thông thường của mọi người trong thiên hạ.

DẤU XƯA

Con trai, con gái để tang cha, vợ để tang chồng. Áo tang là Trảm thôi, áo rộng hay là áo thụng gọi chung là áo xô, các vạt dùng dây vải cột lại, không đơm nút, sống lưng may lộn ra ngoài.

Áo con trai trên lưng có may đính theo miếng vải gọi là “phụ bản”, tượng trưng cho con công cha mẹ trên lưng, hai bên vai may đính mỗi bên một miếng vải gọi là “thích”. Quần cũng sổ gấu.



Phụ bản trên lưng

HUỲNH ÁI TÔNG

Đầu đội bích cân là miếng vải vuông, xếp xéo góc thành tam giác, trên cạnh dài ở giữa xếp 3 nếp, may kèm theo cạnh dài một sợi dây để trùm lên đầu rồi cột sau ót. Thắt lưng bằng dây chuối hay dây đay. Chông cây gậy tre, thân tre hình tròn, tượng trưng cho trời. Ngày xưa vì để tang lâu ngày, con thương xót cha mẹ, ăn không ngon, ngủ không yên, sức khỏe kém nên phải dung gậy. Dài ngắn tùy người, thường làm từ mặt đất lên đến trái tim.



Con trai đội Bức cân

Con trai, con gái để tang cho mẹ, dùng áo vải thô, may vén gấu, nên tục ngữ có câu: “Cha buồn, mẹ vén”, con trai dùng cây vong làm gậy, vong chữ Hán là Đồng (桐), thân cây dùng để đóng đàn, thân có gai, hoa đỏ, lá gói nem, người ta để thân vuông, tượng trưng cho đất.

DẤU XƯA

Khi đưa tang cha, người con trai đi theo sau quan tài, còn khi đưa tang mẹ người con trai đi thụt lùi trước quan tài, nên tục ngữ có câu: “Cha đưa, mẹ đón”.

Con gái chưa chồng để tang cha mẹ đội mấn, mấn là miếng vải vuông xếp chéo, may một mép để đội gọi là mấn.



Khăn Ngang - Mấn (người ngời)

Con gái đã có chồng, người xưa cho là “nữ nhân ngoại tộc”, hơn nữa không thể dâng cơm vừa nước khi cha mẹ già hay đau yếu, cho nên bị gán là “bất hiếu”, có tích trong truyện cổ tích

HUYỀN ÁI TÔNG

về phong tục “Bán thân làm cha” (1), Do đó con gái có chồng để tang cha mẹ đội mũn, xóa tóc và nằm đất để được nhìn quan tài cha mẹ đi ngang qua.

Vợ để tang chồng không đội mũn mà vấn khăn, khăn bề ngang nửa khổ vải hoặc chừng 3 tấc, dài chừng 1 thước, gấp lại chừng 4 lần, quấn quanh đầu, để 2 mối khăn thòng xuống lưng, gọi là khăn ngang.



Khăn ngang

Dâu để tang cha mẹ chồng cũng quấn áo và khăn ngang.

1. Chuyện này trong **Văn Học Miền Nam**, Tiết 2: Truyện Cổ tích, tr. 35, của Huỳnh Ái Tông do HIỆN PHẬT HỌC ấn hành

DẤU XƯA

Vợ, con gái hay dâu, nói chung phụ nữ không chống gậy.

Anh chị em để tang cho nhau và con rể, cũng dùng khăn như trên nhưng không bỏ thòng mối.



Cháu gọi, chú, bác, thím, cô di chỉ vấn khăn.

Cháu nội, ngoại áo quần, khăn vấn

Cháu cố chỉ vấn khăn vàng.

Về thời gian để tang:

Trảm thôi (tam niên) hay 27 tháng: Vợ để tang chồng, con trai, con gái để tang cha.

Tư thôi, Cơ niên (một năm): Chồng để tang vợ, con gái đã lấy chồng, rể, anh, chị, em. Cha mẹ để tang con trai, gái, cháu đích tôn

HUỶNH ÁI TÔNG

Đại công (9 tháng): Cha mẹ để tang con gái đã lấy chồng, con dâu. Chú, bác, thím ruột để tang cháu. Cháu gái đã lấy chồng, để tang bác, chú, thím, cô ruột. Cháu để tang ông bà ngoại.

Tiểu công (5 tháng): Cháu để tang ông bà cố, anh, chị, em chú bác ruột để tang cho nhau.

Tư ma (3 tháng): Con để tang cha ghê, cha mẹ vợ để tang con rể, ông bà ngoại để tang cháu.

Việc Tang lễ đều có qui định thành phong tục, phần trên chỉ ghi chính yếu, muốn rõ chi tiết phải tìm hiểu thêm, cũng không phải chỉ trong vòng thân tộc mới thọ tang, mà người ta thọ tang còn vì ân nghĩa, ví dụ học trò để tang Thầy, kẻ mang ơn cứu tử hay trọng ân khác cũng để tang cho người mình thọ ân, thời gian, tang phục tùy người thọ tang chọn.

Ngày nay, tang phục chỉ còn trong vòng gia đình như cha mẹ, con, rể, dâu và cháu nội, ngoại, thời gian xả tang vào Tiêu Tường hay Đại Tường.

Trường hợp đặc biệt, cháu hay anh chị em vì lý do nào đó, có thể xin xả tang ngay sau khi chôn cất hoặc 49 ngày hoặc 100 ngày.

Ngày nay hiếu để đổi thay, thương yêu tôn kính để trong tâm hơn là phô bày bên ngoài. Mỗi thời hiếu để mỗi khác, tang lễ vì vậy cũng đổi thay, nhưng tình yêu thương vẫn không thay đổi.

Ngày giỗ thứ 55
6-2-2012

Mấy lão nhà quê



Không phải là những người quê mùa, đây chỉ là những ông già ở nhà quê sống lâu lên lão, thường khó tánh vì bảo thủ.

Lúc tôi còn nhỏ, nhiều khi nghe người lớn nói với nhau, chẳng hạn như: “Hôm qua đi ăn đám cưới về, hôm nay vẫn còn mệt!”, tôi nghĩ những người lớn tuổi này, nói lẽ, nói chuyện khó tin và cứ ước ao sao cho chóng lớn để được người ta mời đi ăn đám tiệc, được “ăn trên, ngồi trước”, “được ăn được nói, lại được gói mang về!”.

Sự ăn nói ấy, cũng là điều đáng nói tới, trong đám tiệc “rượu vào thì lời ra”, đó là những đám giỗ, thôi nôi, đầy tháng, tân gia, mừng tân khoa ... cho là chỗ đông người, chỗ vui cũng nên góp tiếng vui với gia chủ, làm cho tiệc vui càng vui thêm.

Nhưng trong đám Hối, đám Cưới việc ăn nói ấy trở thành khuôn phép, người ta bắt lỗi nọ, phải kia mà họ chỉ là những người ngoài thân tộc, được người ta kính trọng mời tới dự lễ, vậy mà đôi khi làm cho gia chủ thấy khó chịu, không hài lòng. Bởi vì gia chủ chỉ muốn cho mọi việc thuận chiều, mát mái. Còn họ thì muốn cho đâu ra đó, phép tắc lễ nghi theo khuôn mẫu.

Nay tuổi đã cao, mới vỡ lẽ ra mấy cụ già xưa thật là có lý. Bởi vì khi tuổi càng cao, sức đề kháng càng yếu, hệ trở gió trở trời nhẹ thì sổ mũi, nhức đầu; nặng thì cảm cúm nhức mỏi thân mình, đau nhức khớp xương. Đi đứng khó khăn, ngồi lâu thấm mệt, tuổi già sức khỏe mong manh cho nên ca dao diễn tả:

*Mẹ già như chuối chín cây
Gió lay mẹ rụng con rày mồ côi*

Vậy thì, đi dự tiệc nọ, yển kia người già không mong muốn, bởi vì phải ngồi lâu, phải giữ gìn ý tứ, đôi khi thức ăn vĩ vèo

DẤU XƯA

nhưng người già phải kiêng cử, thức nọ ăn khó tiêu, thức kia nhiều dầu mỡ ... lắm khi đi ăn rồi, về tới nhà phải ăn lại không thì đói. Cho nên đi tự đám tiệc đối với người cao niên vì phải giữ lễ mà dự, chẳng khác nào phải chịu một hình phạt đối với họ.

Còn chuyện người ta hay bắt lỗi bắt phải, theo tôi đó là những người có đời sống theo nguyên tắc, giữ gìn nền nếp phong tục, tạp quán vì thấy “trái tai, gai mắt”, nên phát biểu đề sửa chữa sai trái, đừng để cho những người khác không biết, lại bắt chước cái sai, cái trái mà cho rằng đó là đúng rồi làm theo.



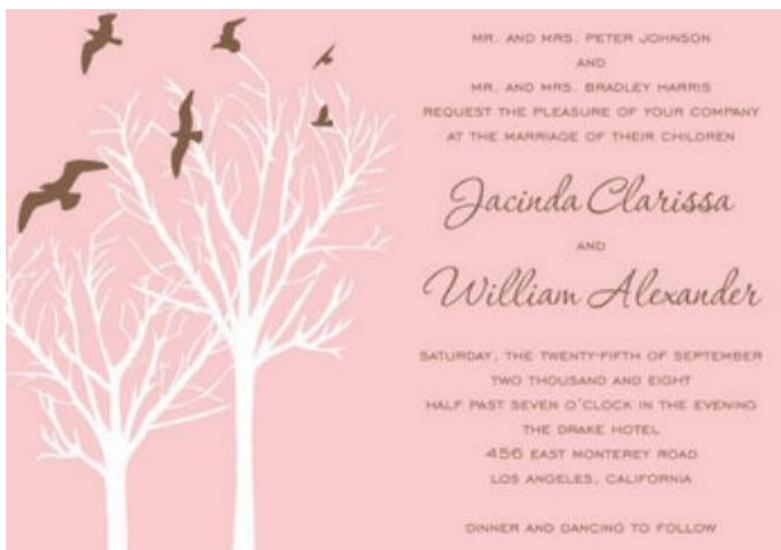
Thiệp cưới của người Việt

Nhà trai hay nhà gái mời, thì tên họ của cha cô dâu hay chú rể đặt nằm ở góc trên, phía tay trái. người ta chỉ ghi là Ông Bà Nguyễn Văn A, nếu ông A đã mất phần người ta sẽ ghi là Quà Phụ Nguyễn Văn A hàng dưới ghi Nhũ danh Lê Thị B, hay Khuê danh, nếu bà ấy còn rất trẻ, sẽ ghi là Sương Phụ Nguyễn

HUYỀN ÁI TÔNG

Văn A. Gả con gái thì trên thiệp nhà gái ghi: Trân trọng báo tin Lễ Vu quy con chúng tôi. Cưới vợ cho con trai, nhà trai ghi: Trân trọng báo tin Lễ Thành Hôn con chúng tôi. Do vậy thiệp của nhà trai, nhà gái đều in riêng vì những chi tiết, từ ngữ, vị trí dùng khác biệt.

Ngày nay, người Mỹ nhà trai nhà gái thường in chung Thiệp Cưới, do Lady first nên cha mẹ và cô dâu in trên, cha mẹ và chú rể in ở dưới, họ chỉ in chẳng hạn như: Mr and Mrs JOHN PAUL BRADLEY, chớ không in cả tên chồng lẫn tên vợ.



Thiệp nhà Trai nhà Gái in chung

Hoặc cha mẹ và cô dâu in trước (bên tay trái), cha mẹ và chú rể in sau (bên tay phải).

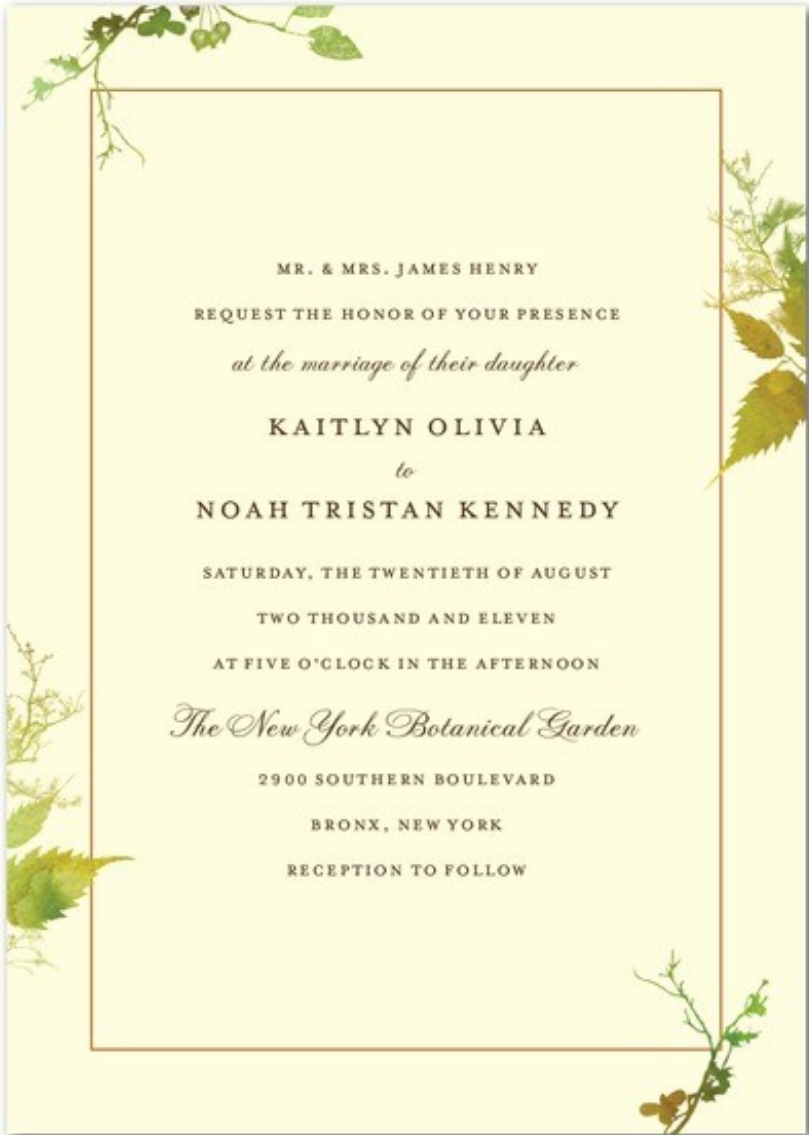
DẤU XƯA



Nhà Trai nhà Gái in chung

Tuy nhiên khi nhà gái in thiệp riêng, người Mỹ chỉ đề tên cha mẹ cô dâu, họ không đề tên cha mẹ chú rể. Trong bất cứ trường hợp nào, người ta cũng không in địa chỉ nhà trai lẫn nhà gái, có lẽ vì người Mỹ thường vài năm thay đổi nhà ở, do đó địa chỉ cũng thay đổi luôn.

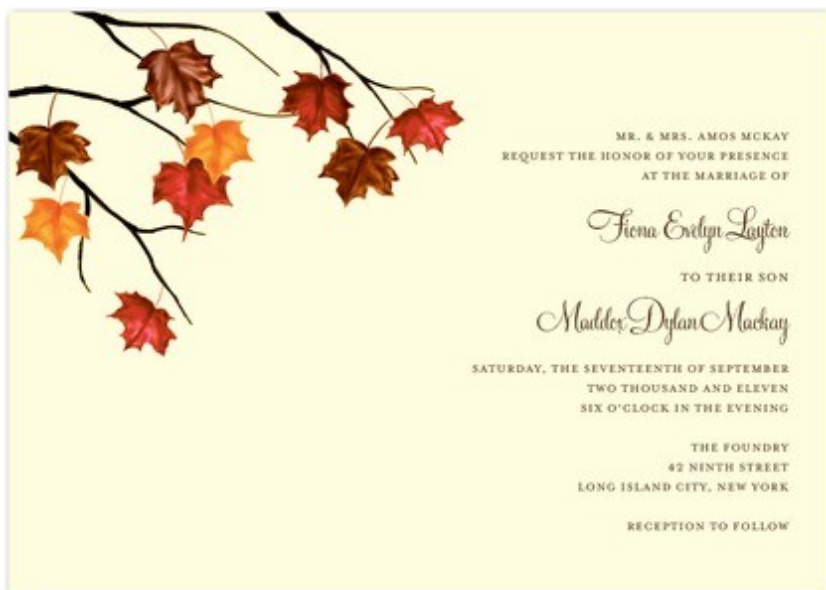
HUỶNH ÁI TÔNG



Thiệp nhà Gái

DẤU XƯA

Khi nhà trai in thiệp riêng, cũng vậy người Mỹ chỉ in tên cha mẹ chú rể. Cả hai trường hợp, tên cô dâu luôn luôn in trên hay trước (tay trái) và chú rể in dưới hay sau (tay phải).



Thiệp nhà Trai

Nay có nhiều người Việt Nam ở Mỹ, muốn làm giống theo người Mỹ là nhà trai, nhà gái đều in thiệp giống nhau, nhưng nhà trai in bên tay trái, nhà gái bên tay phải. Sao không làm giống y như họ? Lại bắt chước nửa mùa, “trọng nam, khinh nữ!” Cho nên gặp người cao niên có tính bảo thủ như mấy lão nhà quê, họ sẽ cảm thấy khó chịu như bị hạt cát nhỏ nằm trong chiếc giày vậy.

“Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc”, cho nên sống trên đất nước người, làm theo người, còn ai bảo thủ cũng nên cải cách

HUỶNH ÁI TÔNG

để tân tiến, kéo mình bị tụt hậu trở thành một “Lão nhà quê” chánh hiệu ở thập niên 20 của thế kỷ thứ 21 này.

Tuy nhiên, một người cần trọng Thiệp cưới nhà trai nhà gái nên in riêng, không nên in thêm tên người mẹ, trừ trường hợp người cha đã mất, như đã nói sẽ in Quả phụ Nguyễn Văn A Nhũ danh Lê Thị B, đừng in chỉ tên một người mẹ, như vậy người ta sẽ bị hiểu lầm, không chồng mà có con, trường hợp cha mẹ đã ly dị mà một trong hai người hoặc cả hai đã lập gia đình khác thì in cả tên cha lẫn tên mẹ.

Phong cách Việt Nam ta rất hay rất quý, nếu không sao lại thường tự hào nhắc nhở “Bốn ngàn năm văn hiến”. Chúng ta nên học hỏi những điều hay, lẽ phải của người, nhưng cần phải tìm hiểu, học hỏi để bảo tồn phong tục, quốc hồn, quốc túy Việt Nam ta.

Lou. Oct. 31st. 2011

